VPBank Securities

VỮNG BƯỚC DẪN ĐẦU

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN - 2025

Mục Lục

- Danh mục các từ viết tắt 3

Chương I
Thông điệp

- Thông điệp Chủ tịch Hội đồng Quản trị & Tổng Giám đốc 4
- Dấu ấn 2025 6

Chương II
Thông tin chung

- Thông tin khái quát, quá trình hình thành và phát triển 10
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh 22
- Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý 23
- Định hướng kinh doanh 26
- Các rủi ro 27

Chương III
Tình hình hoạt động trong năm 2025

- Tình hình hoạt động kinh doanh 34
- Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án 52
- Tình hình tài chính 53
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu 54
- Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội 55

Chương IV
Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

- Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh 58
- Kết quả kinh doanh nổi bật năm 2025 63
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý 67
- Định hướng hoạt động kinh doanh trong năm 2026 69
- Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán 71

Chương V
Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của VPBankS

- Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của VPBankS 74
- Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc 76
- Định hướng hoạt động Hội đồng Quản trị năm 2026 77

Chương VI
Quản trị công ty

- Danh sách Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc và các giám đốc khối, trung tâm, phòng 80
- Báo cáo Quản trị công ty 88

Chương VII
Giải thưởng, các sự kiện đáng chú ý và hoạt động từ thiện xã hội năm 2025

- Giải thưởng 100
- Các sự kiện đáng chú ý 102
- Hoạt động từ thiện xã hội (CSR) 104

Chương VIII
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

- Môi trường 108
- Xã hội 110
- Quản trị 114

Chương IX
Báo cáo tài chính

- Thông tin chung 118
- Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc 120
- Báo cáo kiểm toán độc lập 121
- Báo cáo tình hình tài chính 122
- Báo cáo kết quả hoạt động 128
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 132
- Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu 136
- Thuyết minh báo cáo tài chính 140

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Viết tắt	Diễn giải
AI	Trí tuệ nhân tạo
Agentic AI	Tác nhân trí tuệ nhân tạo
Blockchain	Công nghệ chuỗi khối
CAGR	Tỷ lệ tăng trưởng kép hàng năm
CIR	Tỷ lệ chi phí trên thu nhập
D/E	Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu
DCM	Thị trường vốn nợ
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
ECM	Thị trường vốn cổ phần
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
GPBank	Ngân hàng Thương mại Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Kỳ Nguyên Thịnh Vượng
HĐQT	Hội đồng Quản trị
HNX	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
HoSE	Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM
IFRS	Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế
IMF	Tổ chức Tiền tệ Quốc tế
IPO	Phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng
Margin	Ký quỹ
M&A	Mua bán và sáp nhập
NAV	Giá trị tài sản ròng
OPES	Công ty Cổ phần Bảo hiểm OPES
PIPE	Đầu tư tư nhân vào cổ phiếu đại chúng
ROA	Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản
ROE	Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu
SMBC	Sumitomo Mitsui Banking Corporation
svck	So với cùng kỳ
TMCP	Thương mại Cổ phần
UPCoM	Thị trường giao dịch chứng khoán của Công ty Đại chúng Chưa niêm yết
UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
VPBank	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPBANK
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPBANK
DN: C=VN, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VPBANK, L= Đống Đa, ST=HÀ NỘI, UID=MST:0309666451
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2026.04.04 15:12:38+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2026.1.0

THÔNG ĐIỆP

Chủ tịch Hội đồng Quản trị & Tổng Giám đốc



Các Quý cổ đông, khách hàng và đối tác thân mến,

Năm 2025 khép lại với nhiều dấu ấn đặc biệt khi VN-Index vượt đỉnh lịch sử, chốt năm ở mức 1.754 điểm, tăng hơn 40%. Tuy nhiên, phía sau mức tăng ấn tượng là một thị trường có thanh khoản ngày càng mở rộng nhưng mức độ phân hóa cũng gia tăng rõ nét: dòng tiền tập trung vào một số nhóm cổ phiếu dẫn dắt, trong khi nhiều mã chưa theo kịp đà tăng chung. Bối cảnh đó vừa mở ra cơ hội, vừa đặt ra yêu cầu cao hơn đối với các công ty chứng khoán trong việc mở rộng quy mô, nâng cao năng lực tư vấn và phát triển các sản phẩm đầu tư chuyên sâu nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của nhà đầu tư.

Trong dòng chảy đó, năm 2025 cũng đánh dấu một cột mốc quan trọng trên hành trình vững bước dẫn đầu của VPBankS. Sau ba năm kiên định xây dựng nền tảng về quản trị, vốn, công nghệ và đội ngũ nhân sự, VPBankS đã bước vào giai đoạn tăng trưởng mới với những kết quả toàn diện cả về quy mô, hiệu quả kinh doanh và vị thế trên thị trường.

Điểm nhấn nổi bật là thương vụ IPO quy mô lớn nhất trong lịch sử ngành chứng khoán Việt Nam, đồng thời đưa cổ phiếu VPX chính thức niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HoSE). Không chỉ là hoạt động huy động vốn, thương vụ mở ra giai đoạn phát triển mới cho VPBankS khi vừa củng cố mạnh mẽ nền tảng tài chính, vừa nâng cao các chuẩn mực vận hành, minh bạch và quản trị doanh nghiệp, qua đó tạo nền tảng để Công ty mở rộng nhanh hơn, nâng cao năng lực cạnh tranh và tham gia sâu hơn vào các lĩnh vực giá trị gia tăng cao trên thị trường vốn.

Trên nền tảng đó, mô hình kinh doanh đa trụ cột của VPBankS tiếp tục được hoàn thiện và phát huy hiệu quả. Các mảng hoạt động chính, từ môi giới, cho vay ký quỹ, ngân hàng đầu tư đến tự doanh, được phát triển đồng bộ, hỗ trợ lẫn nhau. Cách tiếp cận này không chỉ giúp VPBankS mở rộng nhanh chóng, với tổng tài sản và dư nợ cho vay ký quỹ nằm trong nhóm dẫn đầu thị trường, mà còn nâng cao hiệu quả vận hành và khả năng thích ứng linh hoạt.

Một yếu tố quan trọng khác là sức mạnh cộng hưởng từ hệ sinh thái mở rộng khác biệt của VPBank và đối tác chiến lược SMBC. Việc kết nối với mạng lưới hơn 30 triệu khách hàng trên toàn hệ sinh thái, nền tảng công nghệ, năng lực quản trị và các đối tác quốc tế tạo điều kiện để VPBankS mở rộng nhanh chóng tệp khách hàng, phát triển các sản phẩm tài chính chuyên sâu và nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường vốn.

Nhờ sự kết hợp giữa các yếu tố hỗ trợ quan trọng, VPBankS nhanh chóng khẳng định vị thế, gia nhập nhóm các công ty chứng khoán quy mô lớn nhất thị trường. Quý IV/2025, VPBankS lần đầu lọt top 10 thị phần môi giới HoSE, đồng thời duy trì hiện diện trong top 10 thị phần môi giới trên HNX, UPCoM và thị trường phái sinh.

Bước sang 2026, thị trường chứng khoán Việt Nam được kỳ vọng bước vào một giai đoạn phát triển mới, mở ra khả năng thu hút mạnh mẽ dòng vốn quốc tế và gia tăng nhu cầu đối với các dịch vụ tài chính chuyên sâu. Trong bối cảnh đó, những công ty chứng khoán sở hữu nền tảng vốn vững mạnh, chi phí vốn cạnh tranh và hệ sinh thái hỗ trợ toàn diện sẽ có lợi thế trong việc nắm bắt làn sóng cơ hội mới.

Với nền tảng đó, VPBankS đặt mục tiêu duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận cao trong năm 2026, dự kiến khoảng 40%. Công ty sẽ tiếp tục mở rộng hoạt động cho vay ký quỹ theo hướng linh hoạt, phân tầng khách hàng; đẩy mạnh mảng ngân hàng đầu tư và phân phối trái phiếu trong bối cảnh nhu cầu huy động vốn trung – dài hạn gia tăng; đồng thời đầu tư mạnh cho công nghệ, phát triển các nền tảng chuyên biệt cho khách hàng tổ chức, nhà đầu tư chuyên nghiệp và ra mắt các giải pháp WealthTech.

Bên cạnh đó, VPBankS sẽ đẩy mạnh các sáng kiến kinh doanh và tích hợp sản phẩm trên cơ sở phối hợp chặt chẽ với hệ sinh thái VPBank và các đối tác chiến lược. Điều này không chỉ giúp mở rộng khả năng tiếp cận các phân khúc chiến lược, mà còn từng bước xây dựng mô hình quản lý gia sản toàn diện, nơi các giải pháp ngân hàng, đầu tư và quản lý tài sản được kết nối liền mạch nhằm tối ưu hóa giá trị tài chính dài hạn cho khách hàng.

Trong bức tranh kỳ vọng đó, VPBankS cam kết tiếp tục kiên định với chiến lược tăng trưởng nhanh nhưng bền vững, song hành cùng việc nâng cao năng lực quản trị, quản lý rủi ro và các chuẩn mực vận hành cao nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng, với nền tảng vốn vững mạnh, sự cộng hưởng từ hệ sinh thái VPBank và tầm nhìn chiến lược rõ ràng, VPBankS sẽ tiếp tục đóng góp tích cực vào sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam, đồng hành cùng sự thịnh vượng của khách hàng và hướng tới mục tiêu trở thành một trong những định chế chứng khoán dẫn đầu về quy mô, hiệu quả tại Việt Nam.

Xin trân trọng cảm ơn!

Dấu ấn 2025

Hoàn thành thương vụ IPO kỷ lục, huy động
12.713 tỷ đồng
chính thức niêm yết trên HoSE vào tháng 12

Mã chứng khoán
VPX

Tổng tài sản
TOP 3
ngành chứng khoán

73.017 tỷ đồng

Lợi nhuận trước thuế
4.476 tỷ đồng
gấp 4 lần so với năm ngoái

Lọt TOP 10 thị phần môi giới trên HoSE, HNX và UPCoM, cải thiện vị thế cạnh tranh

Giải ngân khoản vay quốc tế
125 triệu USD
chỉ định SMBC thu xếp khoản vay 200 triệu USD

Đồng tư vấn thương vụ M&A trị giá
185 triệu USD
giữa Thiên Long và Kokuyo

Tiên phong các giải pháp công nghệ, số hóa

Doanh nghiệp Xuất sắc Châu Á 2025



02 THÔNG TIN CHUNG

10 Thông tin khái quát, quá trình hình thành và phát triển

22 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

23 Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

26 Định hướng kinh doanh

27 Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Thông tin khái quát

Tên Công ty	
Tên tiếng Việt	Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank
Tên tiếng Anh	VPBank Securities Joint Stock Company
Tên giao dịch	VPBankS
Mã cổ phiếu	VPX
Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số	106/UBCK-GP
Đăng ký lần đầu	08/04/2009
Sửa đổi lần gần nhất	26/12/2025
Vốn điều lệ	18.750.000.000.000 đồng
Bằng chữ	Mười tám nghìn bảy trăm năm mươi tỷ đồng chẵn
Trụ sở chính	Tầng 21 và Tầng 25, Tòa nhà VPBank 89 Láng Hạ, phường Đống Đa, Hà Nội
Số điện thoại	(84) 1900 636 679
Fax	(84) 028 3824 8655
Website	www.vpbanks.com.vn

THÔNG TIN KHÁI QUÁT, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN (TIẾP THEO)

Quá trình hình thành và phát triển

Năm 2022, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank) mua lại Chứng khoán ASC và đổi tên thành CTCP Chứng khoán VPBank (VPBankS), đánh dấu hành trình xây dựng một trong những công ty chứng khoán tăng trưởng nhanh nhất tại Việt Nam. Chỉ sau chưa đầy 4 năm phát triển, VPBankS đã ghi dấu ấn đậm nét bằng những bước tiến rõ nét về quy mô, năng lực và vị thế trong ngành.

Ngay trong năm đầu tiên hoạt động, VPBankS tập trung xây dựng nền tảng vốn mạnh mẽ, nâng vốn điều lệ lên 15.000 tỷ đồng – cao nhất thị trường vào thời điểm đó – đồng thời ra mắt ứng dụng giao dịch NEO Invest. Năm 2023, công ty tiến hành kiện toàn tổ chức với Trung tâm phân tích, Phòng Quản trị rủi ro, Trung tâm sản phẩm và Trung tâm IB; song song với xây dựng lực lượng bán và các kênh bán. Bước sang 2024, VPBankS tập trung tăng trưởng kinh doanh, ra mắt sản phẩm chứng khoán phái sinh, thúc đẩy mảng margin, môi giới và IB cũng như nâng cấp nền tảng giao dịch thông minh.

Sau 3 năm kiến tạo và xây dựng nền tảng vững chắc từ vốn, quản trị và công nghệ, VPBankS đã ghi nhận sự bứt phá mạnh mẽ về cả quy mô, hiệu quả và chất lượng, vươn lên nhóm dẫn đầu trong ngành chứng khoán ở nhiều chỉ tiêu như tổng tài sản, vốn chủ sở hữu và dư nợ margin...

Trong năm 2025, VPBankS thực hiện thành công thương vụ IPO lớn nhất của một công ty chứng khoán Việt Nam, huy động

12.713 tỷ đồng

nâng vốn điều lệ lên

▲ 18.750 tỷ đồng

Ngày 11/12/2025, công ty đã đưa gần 1,9 tỷ cổ phiếu niêm yết trên HoSE, đánh dấu giai đoạn phát triển mới.

Với nền tảng đã xây dựng, VPBankS hướng đến mục tiêu

CAGR 32%

tốc độ tăng trưởng kép lợi nhuận trước thuế hàng năm

trong giai đoạn 2026 – 2030 dựa trên 4 trụ cột chiến lược là IB, cho vay margin, tự doanh và môi giới.

Mục tiêu 2030

Top 1

ngành chứng khoán về tổng tài sản và lợi nhuận trước thuế.



THÔNG TIN KHÁI QUÁT, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN (TIẾP THEO)

Lịch sử và thành tựu của VPBankS (2022 - 2025)

2022

- VPBank chính thức mua lại Chứng khoán ASC, đổi tên thành Chứng khoán VPBank (VPBankS).
- Ra mắt ứng dụng giao dịch NEO Invest.
- Hai lần nâng vốn điều lệ lên 8.920 tỷ đồng và 15.000 tỷ đồng, trở thành công ty chứng khoán có vốn điều lệ lớn nhất thị trường vào cuối năm 2022.

2023

- Ra mắt Trung tâm phân tích VPBankS Research, Phòng Quản trị rủi ro, Trung tâm sản phẩm, Trung tâm IB.
- Nhận giấy phép phát hành chứng quyền có bảo đảm.

2024

- Ra mắt hệ thống chứng khoán phái sinh, chính thức phân phối chứng chỉ quỹ mở, danh mục đầu tư mẫu ePortfolio.
- Nâng cấp nền tảng giao dịch NEO Invest.

2025

- Thực hiện thương vụ IPO lớn nhất của một công ty chứng khoán tại Việt Nam, huy động 12.713 tỷ đồng và đưa vốn điều lệ lên 18.750 tỷ đồng.
- Đưa 1,875 tỷ cổ phiếu niêm yết trên HoSE với mã chứng khoán VPX.
- Giải ngân khoản vay quốc tế 125 triệu USD, chỉ định SMBC thu xếp khoản vay 200 triệu USD.

VPBankS định vị trở thành công ty chứng khoán – ngân hàng đầu tư hàng đầu, lấy nền tảng công nghệ và quản trị tiên tiến làm trụ cột, qua đó cá nhân hóa giải pháp tài chính cho mọi phân khúc và kiến tạo giá trị thịnh vượng bền vững cho cổ đông, khách hàng và xã hội, theo đúng tinh thần

"VÌ MỘT TƯƠNG LAI THỊNH VƯỢNG"

THÔNG TIN KHÁI QUÁT, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN (TIẾP THEO)

Tầm nhìn

Trở thành công ty chứng khoán - ngân hàng đầu tư hàng đầu, cá nhân hóa giải pháp tài chính cho mọi phân khúc khách hàng.

Sứ mệnh

Cung cấp sản phẩm tài chính toàn diện thông qua nền tảng công nghệ dẫn đầu, kiến tạo giá trị thịnh vượng bền vững cho khách hàng, cổ đông và xã hội.

Chiến lược

- Tích hợp sâu rộng với hệ sinh thái đa tầng để trở thành trung tâm giải pháp tài chính đầu tư.
- Nâng tầm quản trị công ty và vươn tầm quốc tế.
- Đa dạng hóa sản phẩm tài chính, nâng cao chất lượng dịch vụ và chiếm lĩnh thị phần nhanh chóng, vững chắc.
- Dẫn đầu về nền tảng công nghệ thông tin, tiên phong ứng dụng công nghệ tiên tiến (AI, Blockchain) và số hóa toàn diện để tối ưu chuỗi giá trị ngân hàng đầu tư, quản lý tài sản.

Giá trị cốt lõi

VPBankS kế thừa bộ 5 giá trị cốt lõi của ngân hàng mẹ VPBank, bao gồm:



Hệ giá trị cốt lõi mới này được phát triển dựa trên sự kế thừa những giá trị phẩm chất đã hình thành nên bản sắc của hệ sinh thái VPBank trong nhiều năm qua, đồng thời bổ sung những tinh thần, giá trị mới để ngân hàng tiếp tục duy trì tăng trưởng bền vững trong tương lai. 5 giá trị cốt lõi sẽ là kim chỉ nam để mỗi nhân viên trong tập đoàn VPBank tự soi chiếu, hoàn thiện, phát triển bản thân trở thành những cá nhân thịnh vượng, giàu khát vọng, đam mê sáng tạo, có tư tưởng, hành động kỷ luật. 5 giá trị cốt lõi được kích hoạt sẽ tiếp sức để tập đoàn VPBank mở ra kỷ nguyên thịnh vượng mới.

THÔNG TIN KHÁI QUÁT, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN (TIẾP THEO)

Thương vụ IPO

lớn nhất tại Việt Nam kể từ năm 2018

VPBankS huy động:

▲12.713

tỷ đồng

Vốn chủ sở hữu: Gần

34.000

tỷ đồng

Nâng cao tầm vóc, minh bạch hóa quản trị

Năm 2025, VPBankS thực hiện thương vụ IPO kỷ lục ngành chứng khoán, phát hành

375 triệu cổ phiếu

ở mức giá 33.900 đồng/cp và huy động 12.713 tỷ đồng



Quy trình IPO được thực hiện chuyên nghiệp, bao gồm chuỗi roadshow toàn cầu tại TP HCM, Hà Nội, Bangkok, Singapore, Hong Kong (Trung Quốc) và London và đợt chào bán trên đa dạng nền tảng: Trực tuyến, trực tiếp tại chi nhánh và đối tác phân phối. Thương vụ thu hút nhu cầu mạnh mẽ của cả nhà đầu tư cá nhân và tổ chức trong và ngoài nước. Các nhà đầu tư đặc biệt ấn tượng bởi vị thế của VPBankS trong hệ sinh thái mở rộng khác biệt của VPBank, cũng như những lợi thế đặc biệt khi công ty có sự đồng hành của đối tác chiến lược SMBC.

Thương vụ chào bán được hoàn tất nhanh chóng, với quy mô vượt trội so với các doanh nghiệp cùng ngành, là minh chứng rõ nét cho tính chuyên nghiệp của đội ngũ nhân sự và sức hấp dẫn của VPBankS.

Tăng trưởng bùng nổ

về số lượng khách hàng trong năm 2025

Số tài khoản chứng khoán mở mới trong năm 2025 tại VPBankS đạt

▲684.480

chiếm 26,3% tổng số tài khoản mở mới toàn thị trường.

Nhờ đó, tổng số tài khoản chứng khoán lũy kế của VPBankS vượt mốc 1,1 triệu, chiếm 9,7% tổng số tài khoản chứng khoán cá nhân tại Việt Nam.

1,14 triệu

tài khoản



Lần đầu tiên vươn lên

top 10 thị phần môi giới trên HoSE

Nhờ khai thác hiệu quả các lợi thế cạnh tranh về hệ sinh thái, quy mô, công nghệ và chất lượng dịch vụ khách hàng, VPBankS đã nâng thị phần HoSE từ khoảng 1,6% trong năm 2024 (ước tính) lên 3,21% trong quý IV/2025, trở thành đơn vị có tốc độ gia tăng thị phần nhanh thứ hai trong nhóm 10 công ty dẫn đầu năm 2025.

VPBankS đã nâng thị phần HoSE từ khoảng 1,6% trong năm 2024 (ước tính) lên 3,21% trong quý IV/2025.

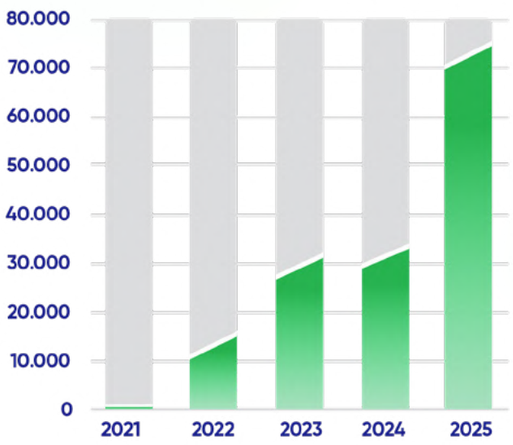


THÔNG TIN KHÁI QUÁT, QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN (TIẾP THEO)

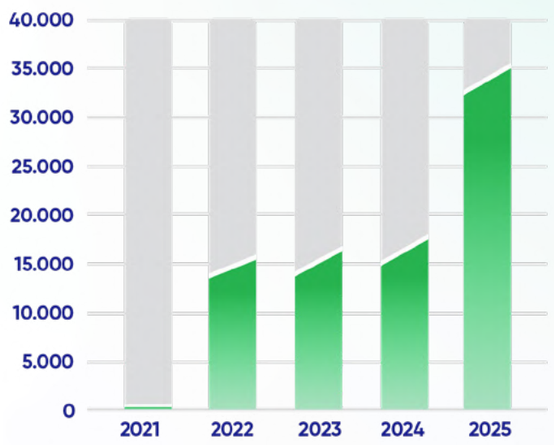
Tăng trưởng bứt phá

VPBankS duy trì tốc độ tăng trưởng bứt phá, nhanh chóng vươn lên nhóm dẫn đầu ở nhiều chỉ số chỉ sau 4 năm hoạt động, song song với việc duy trì hiệu quả hàng đầu thị trường.

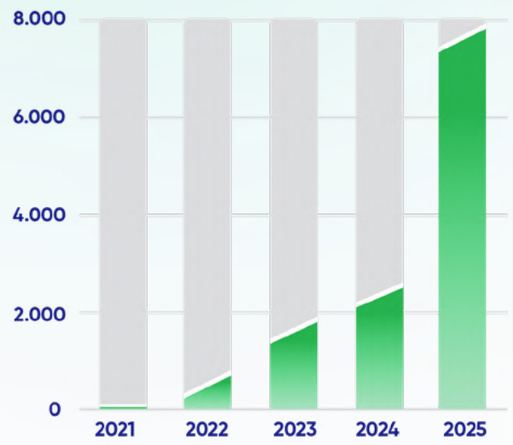
Tổng tài sản (tỷ đồng)



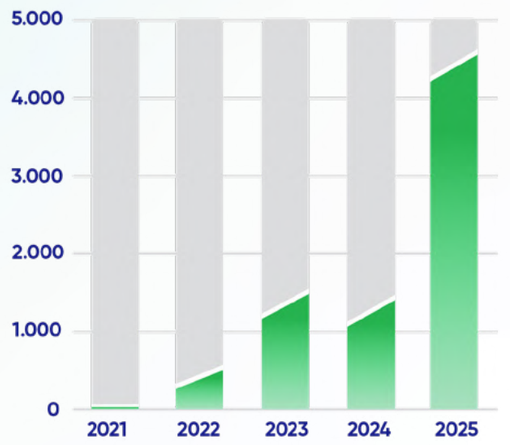
Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)



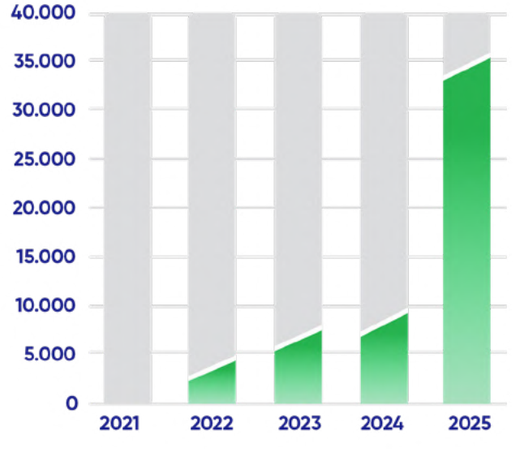
Tổng doanh thu hoạt động (tỷ đồng)



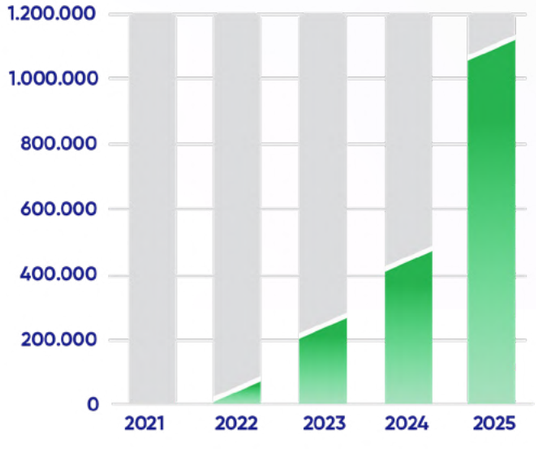
Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)



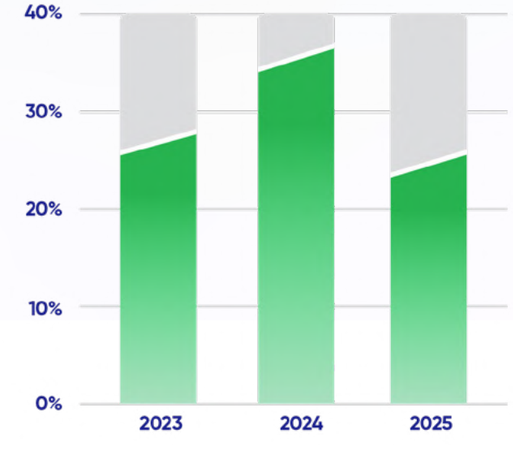
Quy mô cho vay margin và ứng trước (tỷ đồng)



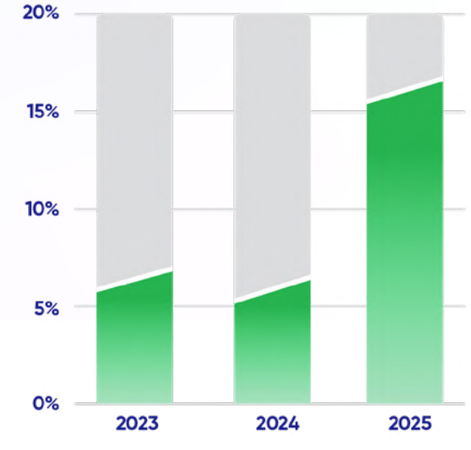
Tổng số tài khoản khách hàng (tài khoản)



Tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) - %



Tỷ suất lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu (ROE) - %



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Các hoạt động chính của VPBankS bao gồm:

01 **Môi giới chứng khoán**

02 **Tự doanh chứng khoán**

03 **Bảo lãnh phát hành chứng khoán**

04 **Lưu ký chứng khoán**

05 **Tư vấn đầu tư chứng khoán**

06 **Giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán**

Đến cuối năm 2025, VPBankS có 1 hội sở (Hà Nội), 1 văn phòng đại diện (TP HCM).

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị

Mô hình quản trị của VPBankS bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc theo như quy định tại Điều 137 của Luật Doanh nghiệp 2020. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty với trách nhiệm được quy định cụ thể tại Điều lệ Công ty.

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm xây dựng chiến lược, định hướng hoạt động của công ty; triển khai các công tác quản trị, đưa ra quyết định thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty ngoại trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng Quản trị có một ủy ban trực thuộc giúp việc là Ủy ban Đầu tư.

Cơ cấu bộ máy quản lý

Tổng Giám đốc là người điều hành cao nhất và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị.

Giám đốc các khối, trung tâm, trưởng phòng... có nhiệm vụ giúp việc và hỗ trợ Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc thực thi các định hướng, chính sách do Hội đồng Quản trị phê duyệt trong quá trình tiến hành các hoạt động kinh doanh.

Công ty thiết lập thành 11 khối, trung tâm và phòng chính, triển khai các hoạt động kinh doanh và vận hành - hỗ trợ theo chức năng nhiệm vụ cụ thể.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ (TIẾP THEO)

Sơ đồ tổ chức



ĐỊNH HƯỚNG KINH DOANH

VPBankS xác định các định hướng trọng tâm trong kế hoạch phát triển
5 năm (2026 - 2030), bao gồm:

Ứng dụng AI trong nền tảng giao dịch số, quản trị cho vay ký quỹ và chiến lược đầu tư tự doanh.

Tối ưu hóa huy động vốn và kinh doanh chênh lệch lãi suất, đa dạng hóa thu nhập thông qua công ty quản lý quỹ.

Ứng dụng công nghệ blockchain nhằm xây dựng chuỗi giá trị DCM liền mạch và xây dựng nền tảng blockchain và tài sản mã hóa.

Phát triển chuỗi giá trị ECM, nền tảng WealthTech quản lý tài sản toàn diện.

Tăng cường hợp tác chiến lược với đối tác công nghệ và tài chính quốc tế.

Theo đuổi mục tiêu phát triển bền vững
Tham khảo nội dung tại **Chương VIII. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội.**

CÁC RỦI RO

Nhận diện và quản lý toàn diện các rủi ro trong yếu

VPBankS đã xây dựng quy trình 5 nội dung nhằm nhận diện và quản lý toàn diện các rủi ro trọng yếu, bao gồm các nội dung sau:

01 **Xác định rủi ro:** Danh sách các rủi ro trọng yếu sẽ được rà soát, đánh giá lại hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu từ Ban Lãnh đạo, dựa trên các thay đổi về tình hình hoạt động kinh doanh thực tiễn, kế hoạch kinh doanh của công ty và môi trường kinh tế, nhằm phản ánh thực tế hồ sơ rủi ro của công ty.

02 **Đo lường rủi ro:** Sử dụng phương pháp định tính hoặc định lượng tương ứng với các loại rủi ro khác nhau.

03 **Theo dõi rủi ro:** Thực hiện theo dõi trạng thái rủi ro để tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng các biện pháp xử lý, cũng như hiểu và đánh giá việc thực hiện sau khi đưa vào thực thi các biện pháp xử lý đó.

04 **Báo cáo rủi ro:** Đảm bảo trạng thái rủi ro được báo cáo, thông tin đầy đủ, kịp thời tới Ban Lãnh đạo và các đơn vị liên quan.

05 **Xử lý rủi ro:** Tùy theo ưu và nhược điểm của mỗi biện pháp xử lý, trong đó có việc phân tích chi phí lợi ích, phân tích sử dụng ngân sách. VPBankS thực hiện các biện pháp để xử lý rủi ro, bao gồm: Tránh rủi ro, giảm thiểu rủi ro, chia sẻ rủi ro và chấp nhận rủi ro.



CÁC RỦI RO (TIẾP THEO)

Rủi ro thị trường

Khái niệm

Là rủi ro làm thay đổi các giá trị tài sản đang sở hữu theo chiều hướng bất lợi.

Tình hình quản trị rủi ro năm 2025

Hoạt động kinh doanh của VPBankS chịu ảnh hưởng lớn bởi rủi ro thị trường, cụ thể: (i) Trong hoạt động tư vấn phát hành trái phiếu, khi thị trường không thuận lợi về lãi suất, giá của các tài sản, rủi ro thị trường gia tăng sẽ khiến nhu cầu huy động vốn của khách hàng suy giảm và có thể ảnh hưởng đến doanh thu phí dịch vụ; (ii) Đối với mảng đầu tư, sự biến động của lãi suất có thể khiến dòng vốn giải ngân bị trì hoãn hoặc làm thay đổi khẩu vị đầu tư của khách hàng; (iii) Trong hoạt động cho vay margin, biến động giá cổ phiếu làm suy giảm giá trị tài sản đảm bảo, gây rủi ro tín dụng cho công ty, đồng thời khách hàng có xu hướng giảm nhu cầu vay ký quỹ để tiết kiệm chi phí khi lãi suất tăng cao; (iv) Danh mục đầu tư của công ty, bao gồm cổ phiếu, trái phiếu và các công cụ tài chính khác, đều có khả năng bị tác động tiêu cực bởi sự thiếu chắc chắn trong biến động giá trị tương lai; và (v) Đối với hoạt động đi vay, biến động lãi suất có thể ảnh hưởng tới chi phí vốn đi vay tại VPBankS.

Để quản trị và giảm thiểu rủi ro thị trường, VPBankS đã xây dựng hệ thống quản trị rủi ro theo từng loại tài sản và sản phẩm tài chính, áp dụng các mô hình định lượng nhằm đo lường và kiểm soát mức độ rủi ro. Đồng thời, công ty thực hiện đa dạng hóa danh mục, đa dạng khoản vay, kỳ hạn vay, đối tác cho vay, tránh tập trung quá mức vào một loại tài sản hay một phân khúc thị trường, phân bổ hợp lý vào các tài sản có hệ số tương quan thấp. Bên cạnh đó, VPBankS triển khai hệ thống giám sát rủi ro chuyên biệt để kịp thời phát hiện các dấu hiệu vượt ngưỡng an toàn, từ đó đưa ra cảnh báo và biện pháp điều chỉnh phù hợp nhằm bảo đảm hoạt động kinh doanh ổn định và bền vững.

Kế hoạch năm 2026

VPBankS thực hiện theo dõi các biến động trong bối cảnh thị trường tài chính trong nước và quốc tế luôn diễn biến phức tạp nhằm có kế hoạch ứng phó với các biến động bất lợi và gây ảnh hưởng tiêu cực hoạt động của công ty.

Rủi ro thanh toán (tín dụng)

Khái niệm

Là rủi ro xảy ra khi đối tác không thể thanh toán đúng hạn hoặc không thể chuyển giao tài sản đúng hạn như cam kết.

Tình hình quản trị rủi ro năm 2025

Rủi ro thanh toán là một trong những rủi ro trọng yếu có thể ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và khả năng sinh lời của VPBankS. Rủi ro này có thể phát sinh trong các nghiệp vụ như đầu tư trái phiếu, giao dịch ký quỹ hay ứng trước tiền bán chứng khoán.

Trong năm 2025, VPBankS áp dụng quy trình quản trị rủi ro thanh toán đa chiều, bao gồm thẩm định năng lực tài chính của khách hàng, đánh giá dòng tiền dự án, giám sát việc thực hiện các cam kết về thanh toán, tiến độ và quản trị doanh nghiệp, cũng như triển khai cơ chế cảnh báo sớm. Nhờ đó, công ty có thể nhận diện, đo lường và xử lý kịp thời các khoản tín dụng có dấu hiệu rủi ro.

Trong hoạt động cho vay margin, rủi ro thanh toán có thể xảy ra khi thị trường biến động giảm mạnh khiến giá trị tài sản bảo đảm suy giảm và khách hàng không bổ sung được thêm ký quỹ. Trong trường hợp việc bán giải chấp tài sản diễn ra chậm hơn dự kiến, công ty có thể phát sinh thua lỗ. Tuy nhiên, rủi ro này được đánh giá là không trọng yếu bởi với từng cổ phiếu, VPBankS đã xây dựng phương pháp để xác định hạn mức dư nợ cho vay, hạn mức khối lượng cho vay, tỷ lệ cho vay, giá chặn với từng tài khoản, công ty duy trì chính sách kiểm soát hạn mức dư nợ, tỷ lệ ký quỹ ban đầu, duy trì và xử lý nghiêm ngặt.

Ngoài ra, VPBankS còn xây dựng các bộ hạn mức khác để tăng cường chốt kiểm soát trong hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, xây dựng các kịch bản dự phòng để chuẩn bị các biện pháp ứng xử kịp thời khi thị trường biến động mạnh. Công ty xây dựng hệ thống giám sát tự động theo thời gian thực giúp cảnh báo khi tỷ lệ ký quỹ tiệm cận ngưỡng an toàn, đưa ra yêu cầu bổ sung tài sản bảo đảm hoặc thực hiện bán giải chấp tự động theo quy định.

Kế hoạch năm 2026

VPBankS sẽ phát triển các công cụ, hệ thống tự động hóa nhằm tăng cường nhận diện rủi ro, nâng cao chất lượng dự báo cũng như kiểm soát dư nợ đối với hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ.

CÁC RỦI RO (TIẾP THEO)

Rủi ro thanh khoản

Khái niệm

Là rủi ro xảy ra khi công ty chứng khoán không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc không thể chuyển đổi các công cụ tài chính thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn do thiếu hụt thanh khoản trên thị trường.

Tình hình thực hiện trong năm 2025

Nguyên nhân của rủi ro thanh khoản có thể đến từ nhiều yếu tố như: Nhu cầu rút vốn đột ngột của khách hàng, áp lực thanh toán các nghĩa vụ ký quỹ, hoặc gián đoạn trong hệ thống thanh toán với các đối tác và tổ chức lưu ký. Nếu không được kiểm soát hiệu quả, rủi ro này có thể dẫn đến tình trạng thiếu hụt thanh khoản tạm thời, ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín và khả năng duy trì hoạt động ổn định của công ty.

Để kiểm soát rủi ro thanh khoản hiệu quả, VPBankS duy trì cơ chế quản lý dòng tiền chặt chẽ, thiết lập hạn mức thanh khoản an toàn theo ngày, tuần và tháng, đồng thời dự phòng một tỷ lệ tiền mặt và tài sản có tính thanh khoản cao nhằm đảm bảo khả năng chi trả trong mọi tình huống.

Ngoài việc có các hạn mức để kiểm soát rủi ro thanh khoản, công ty thường xuyên rà soát và đánh giá lại thanh khoản của các tài sản danh mục đầu tư, xây dựng kế hoạch dòng tiền chi tiết và theo dõi sát sao các khoản phải thu, phải trả, cũng như các nghĩa vụ tài chính đến hạn để điều phối nguồn vốn một cách hợp lý.

Kế hoạch năm 2026

VPBankS thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn huy động, thời hạn vốn huy động để tăng sự ổn định nguồn vốn vay, hỗ trợ thanh khoản hàng ngày.

Rủi ro hoạt động

Khái niệm

Là rủi ro xảy ra do lỗi kỹ thuật, lỗi hệ thống và quy trình nghiệp vụ, lỗi con người trong quá trình tác nghiệp, hoặc do thiếu vốn kinh doanh phát sinh từ các khoản chi phí, lỗ từ hoạt động đầu tư hoặc do các nguyên nhân khách quan khác.

Tình hình thực hiện trong năm 2025

Nhằm kiểm soát và giảm thiểu rủi ro hoạt động, VPBankS triển khai chiến lược quản trị rủi ro toàn diện, kết hợp giữa yếu tố con người, quy trình và công nghệ.

VPBankS xây dựng hệ thống quy trình nội bộ chuẩn hóa, áp dụng cơ chế kiểm soát kép đối với các nghiệp vụ có mức độ rủi ro cao như giao dịch ký quỹ hoặc xử lý lệnh giá trị lớn, đồng thời duy trì cơ chế phân quyền rõ ràng để hạn chế sai sót.

Đồng thời, công ty đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, bao gồm hệ thống giám sát và cảnh báo sớm, phần mềm quản lý giao dịch và nền tảng dữ liệu nhằm đảm bảo tính ổn định và an toàn.

Ngoài ra, công ty thường xuyên tổ chức đào tạo định kỳ cho nhân sự, đặc biệt là ở các vị trí nhạy cảm, nhằm nâng cao nhận thức và kỹ năng xử lý rủi ro.

Kế hoạch năm 2026

Trong năm 2026, VPBankS sẽ đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin để tăng cường khả năng giám sát và cảnh báo sớm, tập trung tăng cường thu thập sự kiện rủi ro hoạt động, đồng thời xây dựng và cập nhật danh mục rủi ro trọng yếu của các hoạt động, nghiệp vụ tại công ty.



03 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2025

34 Tình hình hoạt động kinh doanh

52 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

53 Tình hình tài chính

54 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

55 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cộng hưởng thịnh vượng, vững bước dẫn đầu

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu tiếp tục đối mặt với nhiều yếu tố bất định, thị trường chứng khoán năm 2025 vận động theo hướng phân hóa mạnh, đặt ra yêu cầu cao về năng lực quản trị rủi ro, quản lý vốn và khả năng thích ứng của các công ty chứng khoán. Tại Việt Nam, nền tảng vĩ mô duy trì ổn định, thanh khoản và tâm lý nhà đầu tư cải thiện so với các năm trước, tạo điều kiện cho thị trường phát triển theo chiều sâu hơn.

Trên cơ sở đó, VPBankS phát huy lợi thế hệ sinh thái từ VPBank và sự đồng hành của SMBC để củng cố năng lực tài chính, mở rộng hoạt động kinh doanh và đa dạng hóa nguồn thu. Sau 3 năm xây dựng nền tảng vững chắc từ vốn, công nghệ và quản trị, VPBankS đã tăng tốc mạnh mẽ trong năm 2025, vươn lên nhóm dẫn đầu ngành chứng khoán ở nhiều chỉ số về cả quy mô và hiệu quả. Đồng thời, công ty cũng ghi dấu ấn thông qua thương vụ IPO kỷ lục trong ngành chứng khoán, giúp củng cố hơn nữa nguồn vốn, mở ra dư địa tăng trưởng trong giai đoạn tiếp theo.

Tính đến cuối 2025, tổng tài sản của VPBankS đạt 73.017 tỷ đồng, nằm trong top 3 công ty chứng khoán có quy mô lớn nhất. Dư nợ cho vay margin và ứng trước của VPBankS tính đến cuối năm vượt 34.000 tỷ đồng và gấp gần 4 lần đầu năm (9.513 tỷ đồng), nhờ liên tục triển khai các gói vay với lãi suất và hạn mức cạnh tranh bậc nhất trên thị trường cùng thủ tục đơn giản, đáp ứng nhu cầu của nhiều phân khúc khách hàng. Đồng thời, với nguồn vốn chủ sở hữu được củng cố sau thương vụ IPO, đạt gần 34.000 tỷ đồng tính đến cuối quý IV, công ty vẫn còn hạn mức cho vay gần 34.000 tỷ đồng. Nguồn vốn dồi dào tạo lợi thế cho hoạt động kinh doanh của VPBankS trong giai đoạn tăng trưởng mới.

Song song, mạng lưới định chế tài chính đa dạng, quy mô lớn và sự hỗ trợ của ngân hàng VPBank cùng đối tác chiến lược SMBC, giúp VPBankS duy trì được chi phí vốn thấp, ở mức 4,7%, qua đó có thể cung cấp các sản phẩm với lãi suất hấp dẫn cho khách hàng. Đặc biệt trong năm 2025, VPBankS giải ngân thành công khoản vay quốc tế 125 triệu USD và tiếp tục chỉ định SMBC thu xếp khoản vay 200 triệu USD.

Tổng tài sản cuối 2025

73.017 tỷ đồng

Quý IV/2025, công ty lọt top 10 thị phần môi giới HoSE, chiếm 3,21%. Đồng thời, trong năm 2025, VPBankS ghi nhận 684.480 tài khoản mở mới, chiếm 26,3% tổng số tài khoản mới toàn thị trường. Nhờ đó, tổng số tài khoản chứng khoán lũy kế của VPBankS vượt mốc 1,1 triệu, tương đương khoảng 10% tổng tài khoản chứng khoán cá nhân tại Việt Nam.

Tổng doanh thu năm 2025 đạt 7.962 tỷ đồng, gấp hơn 3 lần cùng kỳ. Công ty duy trì tốc độ tăng trưởng nhanh chóng nhưng cũng cân bằng trên tất cả mảng kinh doanh trụ cột. Cụ thể, hoạt động cho vay margin đóng góp 24% doanh thu, phân phối trái phiếu và IB mang lại 22%, tự doanh cổ phiếu chiếm 28% và hoạt động nguồn vốn đóng góp 20%.

Công tác quản trị hiệu quả nhờ kế thừa mô hình tập đoàn, chất lượng doanh thu cao thông qua việc tối ưu hóa chuỗi giá trị dịch vụ, cùng sự hỗ trợ của ngân hàng mẹ VPBank và đối tác chiến lược SMBC, nền tảng công nghệ thông tin vững chắc là những yếu tố quan trọng giúp VPBankS đạt được hiệu quả kinh doanh cao hơn đáng kể so với trung bình ngành chứng khoán.

Cụ thể, CIR của công ty trong năm 2025 được kiểm soát ở mức 25%, giảm mạnh so với kết quả 36,5% của năm 2024. Song song, các chỉ tiêu sinh lời ROA và ROE lần lượt đạt 7,2% và 16,6%, đều cao hơn trung bình ngành chứng khoán. Năm 2025, VPBankS ghi nhận lợi nhuận trước thuế 4.476 tỷ đồng, gấp gần 4 lần cùng kỳ và đứng thứ 4 toàn ngành.

Số tài khoản mở mới trong 2025

684.480

Lợi nhuận trước thuế

4.476 tỷ đồng

gấp gần 4 lần cùng kỳ



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Với nền tảng vững chắc và khả năng nắm bắt cơ hội từ thị trường, năm 2025, VPBankS vượt kế hoạch kinh doanh đã điều chỉnh ở nhiều chỉ tiêu, vươn lên nhóm dẫn đầu. Những kết quả này phản ánh rõ nét năng lực quản trị, hiệu quả triển khai chiến lược và khả năng thích ứng của VPBankS, đồng thời tạo nền tảng quan trọng để công ty tiếp tục phát triển bền vững, nâng cao vị thế trên thị trường và thực hiện đầy đủ cam kết với cổ đông trong các giai đoạn tiếp theo.

Cụ thể, kết quả thực hiện so với kế hoạch ban đầu và kế hoạch đã điều chỉnh trong năm 2025 của VPBankS như sau:

Chỉ tiêu (Đơn vị: tỷ đồng)	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2025 điều chỉnh	Thực hiện 2025	% tăng trưởng so với 2024	% thực hiện so với kế hoạch điều chỉnh
Tổng doanh thu	2.491	4.552	7.177	7.962	220%	111%
Tổng chi phí	1.271	2.550	2.727	3.486	174%	128%
Lợi nhuận trước thuế	1.220	2.003	4.450	4.476	267%	101%



Khối Kinh doanh

Năm 2025, Khối Kinh doanh VPBankS tăng trưởng bứt phá trên nhiều chỉ tiêu trọng yếu, từ quy mô khách hàng, thị phần môi giới, dư nợ margin đến giá trị tài sản quản lý. Sự cộng hưởng từ hệ sinh thái VPBank - SMBC, cùng chiến lược đa dạng hóa sản phẩm và ứng dụng công nghệ, không chỉ củng cố lợi thế cạnh tranh mà còn tạo nền tảng vững chắc cho mục tiêu dẫn đầu thị trường trong giai đoạn tiếp theo.

Tăng trưởng bứt phá trên nhiều phương diện

Năm 2025 ghi dấu một giai đoạn tăng trưởng mạnh mẽ của Khối Kinh doanh VPBankS trên hầu hết các chỉ tiêu trọng yếu, phản ánh rõ nét hiệu quả của chiến lược phát triển khách hàng, mở rộng quy mô kinh doanh và tối ưu hóa hiệu suất hoạt động.

Khối Kinh doanh cung cấp đầy đủ các sản phẩm, dịch vụ đầu tư - tài chính cho khách hàng cá nhân và tổ chức, bao gồm môi giới chứng khoán, cho vay margin, tư vấn đầu tư, phân phối trái phiếu, chứng chỉ và các sản phẩm quản lý tài sản.

Trong năm 2025, các gói vay margin với lãi suất cạnh tranh, hạn mức lớn và linh hoạt theo nhu cầu khách hàng tiếp tục là sản phẩm chủ lực của VPBankS. Bên cạnh đó, các giải pháp đầu tư ứng dụng công nghệ như trợ lý AI StockGuru, các danh mục mẫu ePortfolio và sản phẩm thiết kế theo từng phân khúc đã tạo dấu ấn rõ nét, giúp nâng cao trải nghiệm và mức độ gắn kết của khách hàng.

Nhờ chiến lược đa dạng hóa sản phẩm và tận dụng hiệu quả hệ sinh thái VPBank – SMBC, đến cuối năm 2025, quy mô khách hàng của VPBankS đạt 1.144.508 tài khoản, gấp gần 2,5 lần so với năm 2024 và tương đương 10% tổng số tài khoản chứng khoán tại thị trường Việt Nam, khẳng định sức hút của thương hiệu và hiệu quả trong việc mở rộng tệp khách hàng.

Giá trị giao dịch cổ phiếu đạt 383.500 tỷ đồng, gấp hơn hai lần so với năm 2024, qua đó đưa thị phần môi giới trên HoSE vào quý IV/2025 lên 3,21%, lần đầu lọt top 10 công ty có thị phần cao nhất. Song song, VPBankS cũng duy trì vị thế top 10 thị phần môi giới trên HNX, UPCoM và thị trường chứng khoán phái sinh. Thị phần bình quân năm 2025 được cải thiện rõ rệt, ước đạt 2,47%. Tính đến cuối năm 2025, NAV của khách hàng ở mức 122.522 tỷ đồng, gấp hơn 4 lần so với năm 2024.

Sự tăng trưởng mạnh mẽ về thị phần còn được thể hiện trong hoạt động cho vay ký quỹ, với dư nợ margin và ứng trước đạt 34.093 tỷ đồng vào cuối năm 2025, gấp gần 4 lần thời điểm đầu năm và trở thành một trong những động lực tăng trưởng doanh thu quan trọng của Khối Kinh doanh.

Số lượng tài khoản chứng khoán

1.144.508

NAV cuối năm 2025

▲122.522 tỷ đồng

gấp hơn 4 lần

Giá trị giao dịch cổ phiếu

▲383.500 tỷ đồng

gấp hơn 2 lần

Mảng phân phối sản phẩm cũng tiếp tục đóng góp tích cực vào kết quả của Khối Kinh doanh trong năm 2025. Theo đó, quy mô phân phối trái phiếu đạt 16.196 tỷ đồng, trong khi phối chứng chỉ quỹ đạt 1.819 tỷ đồng.

Đặc biệt, doanh thu từ các sản phẩm mới đạt 460 tỷ đồng, tăng 104% so với năm trước, cho thấy hiệu quả rõ nét của chiến lược đa dạng hóa sản phẩm và mở rộng phân khúc khách hàng. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu, chủ yếu tới từ hoạt động cho vay margin và ứng trước, đạt 1.909 tỷ đồng, tăng trưởng 108% so với cùng kỳ và đóng góp đáng kể vào tổng doanh thu của toàn VPBankS.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

Khối Kinh doanh (Tiếp theo)

Cộng hưởng để dẫn đầu

Khối Kinh doanh xác định vai trò tiên phong trong việc nâng chuẩn dịch vụ, dẫn dắt xu hướng đầu tư an toàn – hiệu quả và đồng hành lâu dài cùng khách hàng. Khối đã và đang tập trung xây dựng nền tảng vận hành vững chắc, phát triển con người, ứng dụng công nghệ và tối ưu trải nghiệm khách hàng để hiện thực hóa mục tiêu dẫn đầu thị trường.

Trong hành trình phát triển, hệ sinh thái VPBank - SMBC đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ Khối Kinh doanh mở rộng tệp khách hàng, phát triển sản phẩm và nâng cao năng lực tài chính. Sự phối hợp chặt chẽ giữa ngân hàng, công ty chứng khoán và các đơn vị thành viên giúp tận dụng hiệu quả nguồn khách hàng, dữ liệu, giải pháp tài chính và nền tảng công nghệ, tạo lợi thế cạnh tranh bền vững cho VPBankS.

Với những nền tảng trên, hướng tới năm 2026, Khối Kinh doanh tập trung đẩy mạnh tăng trưởng bền vững, ưu tiên các mảng kinh doanh cốt lõi như môi giới, margin. Song song, Khối sẽ phát triển các sản phẩm đầu tư chuyên sâu cho từng phân khúc khách hàng, tăng cường ứng dụng công nghệ, nâng cao chất lượng đội ngũ và hiệu quả quản trị rủi ro, nhằm mục tiêu gia tăng thị phần và hiệu quả kinh doanh dài hạn.

Tăng cường ứng dụng công nghệ, nâng cao chất lượng đội ngũ và hiệu quả quản trị rủi ro, nhằm mục tiêu gia tăng thị phần và hiệu quả kinh doanh dài hạn.

"Những kết quả đạt được trong năm 2025 khẳng định năng lực thực thi và nền tảng tăng trưởng bền vững của Khối Kinh doanh VPBankS. Bước sang năm 2026, chúng tôi sẽ tiếp tục kiên định mục tiêu 'Vững bước dẫn đầu', tập trung vào các mảng kinh doanh cốt lõi, nâng cao chất lượng dịch vụ và khai thác tối đa sức mạnh hệ sinh thái để tạo ra giá trị dài hạn cho khách hàng và cổ đông."

Bà Nguyễn Thu Lê, Giám đốc Khối Kinh doanh

Trung tâm Ngân hàng Đầu tư

Với quy mô nhân sự tinh gọn, Trung tâm Ngân hàng Đầu tư VPBankS vẫn hoàn thành vượt xa các chỉ tiêu kinh doanh, mở rộng mạnh mẽ hoạt động tư vấn, đầu tư và phân phối trên thị trường vốn. Kết quả này được tạo nền từ việc khai thác hiệu quả hệ sinh thái VPBank - SMBC, cùng chiến lược phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và quản trị rủi ro bài bản.



Vượt xa các chỉ tiêu kinh doanh

Chỉ với định biên 44 nhân sự, Trung tâm Ngân hàng Đầu tư đã hoàn thành vượt xa các chỉ tiêu kinh doanh trong năm 2025. Theo đó, tổng doanh thu tư vấn và các dịch vụ liên quan đạt 997 tỷ đồng, tổng doanh số tư vấn đạt gần 36.000 tỷ đồng, đều hoàn thành vượt xa mục tiêu đề ra từ đầu năm. Trong đó, doanh số DCM gần 16.000 tỷ đồng, doanh số ECM và M&A ở mức gần 20.000 tỷ đồng.

Năm 2025, VPBankS lần đầu tiên phối hợp cùng đối tác SMBC Nikko để thực hiện tư vấn thương vụ M&A giữa KOKUYO và Thiên Long Group, quy mô thương vụ dự kiến đạt 4.600 tỷ đồng. Trong quý III/2025, VPBankS trở thành đơn vị thu xếp giao dịch/vốn cho thương vụ chuyển nhượng một dự án bất động sản phía Nam với giá trị thương vụ lên tới gần 15.000 tỷ đồng.

Hoạt động phân phối trái phiếu doanh nghiệp ghi nhận 51.222 tỷ VND giá trị giao dịch trong năm 2025, tăng trưởng 31% so với năm 2024, cho thấy khả năng mở rộng và khai thác hiệu quả hệ sinh thái khách hàng.

Kết quả này có sự đóng góp quan trọng từ hệ sinh thái VPBank - SMBC. Thông qua sự giới thiệu và kết nối từ ngân hàng mẹ và SMBC, VPBankS có điều kiện tiếp cận nhóm khách hàng tổ chức nước ngoài, cung cấp thông tin thị trường toàn diện, đồng thời hỗ trợ tìm kiếm đối tác chiến lược, đối tác đầu tư tài chính và các cơ hội đầu tư tiềm năng tại Việt Nam.

Bên cạnh đó, hệ sinh thái còn hỗ trợ Trung tâm Ngân hàng Đầu tư trong việc tiếp cận các khách hàng tổ chức nước ngoài có nhu cầu sử dụng dịch vụ ngân hàng đầu tư gắn với hoạt động giao dịch trên thị trường chứng khoán. Ngoài ra, VPBank - SMBC còn đóng vai trò cầu nối trong việc giới thiệu các khách hàng tổ chức tham gia giao dịch các sản phẩm trên thị trường vốn và tiền tệ, bao gồm chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu doanh nghiệp và các giấy tờ có giá khác.

Tổng doanh số tư vấn đạt gần

36.000

tỷ đồng

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

Trung tâm Ngân hàng Đầu tư (Tiếp theo)

Xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao và quản trị rủi ro hiệu quả

Trung tâm Ngân hàng Đầu tư xác định rõ vai trò trọng yếu, đóng góp trực tiếp của đơn vị vào năng lực cạnh tranh và vị thế dẫn đầu của VPBankS trên thị trường. Trung tâm kiên định triển khai chiến lược phát triển dài hạn, tập trung đồng thời vào hai mục tiêu cốt lõi: Nguồn nhân lực chất lượng cao và quản trị rủi ro hiệu quả để tạo nền móng vững chắc cho tăng trưởng.

Trong bối cảnh cạnh tranh gia tăng dưới tác động của chuyển đổi số và đổi mới công nghệ, Trung tâm Ngân hàng Đầu tư lựa chọn cách tiếp cận phát triển có chiều sâu, đặt nguồn nhân lực làm trung tâm chiến lược. Cùng với đầu tư hạ tầng công nghệ và phát triển các sản phẩm, giải pháp tài chính hiện đại, Trung tâm tập trung kiện toàn tổ chức và nâng cao chất lượng đội ngũ nhằm đáp ứng yêu cầu mở rộng quy mô và mức độ phức tạp của hoạt động kinh doanh.

Theo định hướng lấy con người làm trọng tâm, VPBankS thường xuyên rà soát, hoàn thiện chính sách tuyển dụng, đãi ngộ và đào tạo theo hướng minh bạch, cạnh tranh và gắn với hiệu quả công việc, đồng thời chú trọng xây dựng văn hóa doanh nghiệp chuyên nghiệp, năng động và gắn kết, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững.

Song song, với vai trò là đơn vị nòng cốt của VPBankS trong lĩnh vực dịch vụ chứng khoán và đầu tư tài chính, Trung tâm Ngân hàng Đầu tư xác định quản trị rủi ro là yếu tố then chốt bảo đảm tăng trưởng ổn định và hiệu quả sử dụng vốn. Quản trị rủi ro không chỉ dừng ở kiểm soát tổn thất, mà còn hướng tới cân bằng hợp lý giữa rủi ro và lợi nhuận trong toàn bộ hoạt động đầu tư, tư vấn và kinh doanh.

Trung tâm tuân thủ nghiêm các quy định pháp luật và chuẩn mực quốc tế, đồng thời chủ động nâng cao năng lực nhận diện, đánh giá rủi ro và xây dựng kịch bản ứng phó phù hợp, qua đó tăng khả năng thích ứng trước biến động thị trường và góp phần củng cố vị thế dài hạn của VPBankS.

Những định hướng trên được cụ thể hóa trong kế hoạch hoạt động năm 2026. Theo đó, Trung tâm Ngân hàng Đầu tư tập trung phát triển theo chiều sâu các mảng nghiệp vụ cốt lõi, với trọng tâm là tư vấn phát hành, đầu tư và phân phối trái phiếu doanh nghiệp chất lượng cao, ưu tiên các doanh nghiệp đầu ngành, có nền tảng tài chính lành mạnh và phương án sử dụng vốn minh bạch.

Trung tâm cũng đẩy mạnh hoạt động tư vấn M&A, tập trung vào các thương vụ tái cấu trúc, mua bán - sáp nhập trong các lĩnh vực tiềm năng như bất động sản khu công nghiệp, năng lượng, hạ tầng và dịch vụ tài chính. Đồng thời, chú trọng nâng cao năng lực tư vấn tổng thể cho khách hàng doanh nghiệp, từ cấu trúc vốn, huy động vốn đến chiến lược tăng trưởng dài hạn.

Trung tâm Ngân hàng Đầu tư tập trung phát triển theo chiều sâu các mảng nghiệp vụ cốt lõi, với trọng tâm là tư vấn phát hành, đầu tư và phân phối trái phiếu doanh nghiệp chất lượng cao, ưu tiên các doanh nghiệp đầu ngành, có nền tảng tài chính lành mạnh và phương án sử dụng vốn minh bạch.

"Năm 2025, thông qua nỗ lực của tập thể các cán bộ nhân viên, cộng hưởng yếu tố hỗ trợ của các đơn vị thành viên VPBank và chỉ đạo sát sao của Ban Lãnh đạo, VPBankS nói chung và Trung tâm Ngân hàng Đầu tư nói riêng đã có những bước tiến vượt bậc, đánh dấu nhiều thành tựu nổi bật.

Trong năm 2026, với định hướng kiện toàn hệ thống nguồn nhân lực, đẩy mạnh mô hình đột phá trong kinh doanh, đầu tư, quản trị trái phiếu, cổ phiếu, Trung tâm Ngân hàng Đầu tư sẽ tiếp tục là đầu tàu, mũi nhọn trong sự tăng trưởng chung của VPBankS."

Ông Nguyễn Lương Tân, Thành viên HĐQT, Giám đốc Trung tâm Ngân hàng Đầu tư

Phòng Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính

Năm 2025, Phòng Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính ghi dấu ấn bằng việc mở rộng quy mô nguồn vốn, mạng lưới đối tác tín dụng và tiếp cận thành công thị trường vốn quốc tế. Trên nền tảng đó, năm 2026 được xác định là giai đoạn củng cố năng lực quản trị, đa dạng hóa nguồn vốn và hướng tới tăng trưởng bền vững theo chuẩn mực cao hơn.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

Phòng Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính (Tiếp theo)

Củng cố nền tảng vốn, mở rộng kết nối quốc tế

Năm 2025, Phòng Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính VPBankS ghi nhận bước tăng trưởng vượt bậc, thể hiện qua cả quy mô, tốc độ mở rộng quan hệ và khả năng tiếp cận nguồn vốn đa dạng. Tính đến cuối năm 2025, tổng hạn mức từ các tổ chức tín dụng cho VPBankS đạt trên 45.000 tỷ đồng, tăng 2,5 lần so với năm 2024.

Song song, quy mô nguồn vốn tại thời điểm cuối năm 2025 đạt 37.300 tỷ đồng, gấp 4 lần so với cuối năm trước; doanh số vay vốn từ các tổ chức tín dụng đạt 88.100 tỷ đồng. Đồng thời, mạng lưới đối tác tiếp tục được mở rộng mạnh mẽ, với số lượng tổ chức tín dụng trong và ngoài nước có quan hệ tín dụng tăng từ 16 vào năm 2024 lên 26 đơn vị trong năm 2025.

Một dấu mốc quan trọng trong năm là việc VPBankS lần đầu tiên tiếp cận và vay vốn thành công trên thị trường quốc tế. Ngay trong quý I/2025, VPBankS đã ký kết và đến quý II/2025 giải ngân thành công khoản vay hợp vốn trị giá 125 triệu USD, với SMBC đóng vai trò ngân hàng đầu mối.

Tiếp tục những thành công đó, vào cuối quý III và đầu quý IV/2025, VPBankS tiếp tục chỉ định thành công SMBC làm đầu mối thu xếp khoản vay hợp vốn trị giá 200 triệu USD trên thị trường quốc tế, khẳng định uy tín và vị thế ngày càng cao trong mắt các định chế tài chính toàn cầu.

Giải ngân khoản vay hợp vốn trị giá
125 triệu USD

Chỉ định SMBC làm đầu mối thu xếp khoản vay hợp vốn trị giá
200 triệu USD

Sự đồng hành, hỗ trợ của SMBC với vai trò hỗ trợ thu xếp vốn, chia sẻ khẩu vị tín dụng và chuẩn mực cấu trúc giao dịch đã giúp VPBankS mở rộng hạn mức (room) nguồn vốn ngoại tệ cũng như cải thiện độ ổn định cho nguồn vốn. Song song, đối tác chiến lược cũng chuyển giao những kinh nghiệm về quản trị bảng cân đối, thanh khoản và rủi ro thị trường, giúp VPBankS nâng cấp quy trình và hồ sơ giao dịch theo chuẩn quốc tế.

Ngoài ra, hệ sinh thái VPBank tiếp tục phát huy vai trò trong việc hỗ trợ về mạng lưới khách hàng, thương hiệu, phối hợp liên đơn vị cũng như hạ tầng vận hành, pháp chế và kiểm soát, qua đó tạo điều kiện để Phòng Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính triển khai các hoạt động huy động một cách nhanh chóng và hiệu quả hơn.



Định hướng 2026: Phát triển cả về quy mô và chiều sâu, nâng chuẩn quản trị rủi ro

Sau khi tạo dựng nền tảng vững chắc trong năm 2025, bước sang năm 2026, Phòng Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính tiếp tục tập trung nghiên cứu và triển khai các định hướng trọng tâm nhằm củng cố năng lực tài chính và tạo dư địa cho tăng trưởng bền vững.

Trong giai đoạn chuyển tiếp 2025 - 2026, Phòng ưu tiên đa dạng hóa nguồn vốn cho công ty, đồng thời tiếp tục đàm phán với các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước nhằm nâng hạn mức tín dụng. Khung quản trị bảng cân đối tiếp tục được chuẩn hóa theo hướng hoàn thiện cơ chế hạn mức và ra quyết định, nâng cao chất lượng dự báo và kiểm thử căng thẳng (stress test); đồng thời tăng cường phối hợp liên khối để gắn kết chặt chẽ cấu trúc nguồn vốn với chiến lược sản phẩm.

Trên cơ sở đó, từ năm 2026, Phòng Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính đặt mục tiêu nâng cao chất lượng nguồn vốn của VPBankS cả về quy mô lẫn chiều sâu, quản trị rủi ro theo chuẩn mực cao.

Đầu tiên, VPBankS hướng tới tăng tỷ trọng nguồn vốn trung và dài hạn, mở rộng tệp đối tác quốc tế và phát triển các cấu trúc huy động linh hoạt, phù hợp với nhu cầu kinh doanh. VPBankS sẽ xây dựng năng lực quản trị tài sản - nguồn vốn (ALM) chủ động, hoàn thiện "khung điều phối thanh khoản" theo kịch bản; nâng chất lượng dự báo dòng tiền; và quản trị khoảng trống kỳ hạn (maturity gap) theo hạn mức. Cơ chế điều chuyển vốn nội bộ (FTP) sẽ được nâng cấp, qua đó giúp minh bạch hóa chi phí vốn nội bộ và hỗ trợ ra quyết định giá sản phẩm cũng như phân bổ vốn theo hiệu quả - rủi ro.

Ngoài ra, công tác quản trị danh mục đầu tư tiếp tục được triển khai theo chuẩn rủi ro chặt chẽ, với kỷ luật hạn mức rõ ràng, stress test định kỳ, nâng cao khả năng thanh khoản và tối ưu hóa lợi suất trong phạm vi rủi ro chấp nhận được. Việc tự động hóa hệ thống báo cáo và kiểm soát cũng được đẩy mạnh, thông qua chuẩn hóa bảng điều khiển (dashboard) theo ngày và tuần, cùng với thiết lập các chỉ báo cảnh báo sớm (EWI) phục vụ công tác điều hành.

"Chúng tôi nhìn nhận 'vững bước' là kỷ luật quản trị nguồn vốn và khả năng chống chịu trong mọi kịch bản, còn 'dẫn đầu' là năng lực điều phối bảng cân đối và tối ưu nguồn lực để bứt tốc khi cơ hội đến.

Năm 2025, Phòng Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính tập trung đảm bảo thanh khoản, tối ưu cấu trúc nguồn và quản trị danh mục đầu tư theo nguyên tắc an toàn - thanh khoản - hiệu quả, đồng thời tăng cường chuẩn mực quản trị rủi ro thị trường. Năm 2026, chúng tôi sẽ tiếp tục đa dạng hóa nguồn và nâng cấp các công cụ ALM/FTP, stress testing và cơ chế cảnh báo sớm, nhằm hỗ trợ VPBankS tăng trưởng nhanh hơn nhưng chắc chắn hơn, hướng tới vị thế dẫn đầu bền vững."

Ông Trần Đình Hiệu, Giám đốc Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

Khối Vận hành và Công nghệ Thông tin

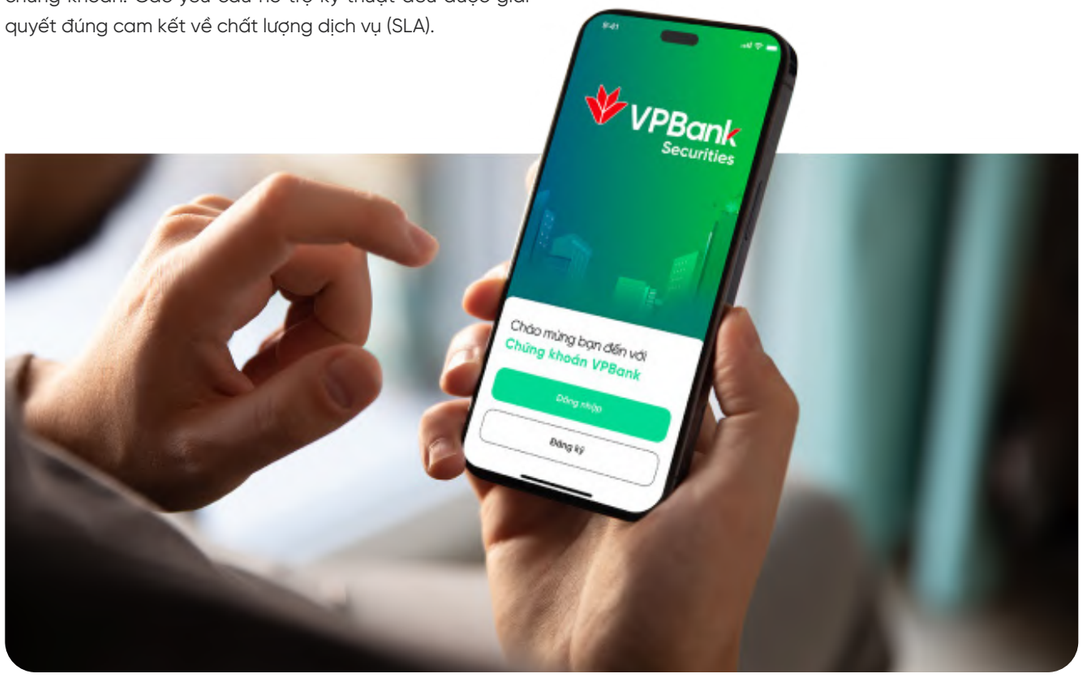
Năm 2025, VPBankS củng cố nền tảng vận hành vững chắc và hệ thống công nghệ hiện đại, qua đó tạo tiền đề cho đà tăng trưởng vượt bậc và không ngừng cung cấp các sản phẩm mới cho khách hàng.

Nền tảng vận hành vững chắc cho tăng trưởng vượt bậc

Năm 2025, Khối Vận hành và Công nghệ Thông tin đã hoàn thành mục tiêu kép: Vừa đảm bảo sự ổn định tuyệt đối cho hệ thống trong giai đoạn chuyển đổi và đáp ứng nhu cầu giao dịch tăng cao của thị trường, vừa tối ưu hóa chi phí và hiệu năng vận hành thông qua các giải pháp hạ tầng thông minh.

Toàn bộ hệ thống được vận hành ổn định và an toàn, với mức độ sẵn sàng đạt 99,9% xuyên suốt 12 tháng, không phát sinh sự cố nghiêm trọng ảnh hưởng đến giao dịch của khách hàng. Thời gian hoạt động của mạng lưới (network) được đảm bảo ở mức 99,99%, đáp ứng trôi chảy nhu cầu giao dịch tăng cao và kết nối ổn định tới các sở giao dịch chứng khoán. Các yêu cầu hỗ trợ kỹ thuật đều được giải quyết đúng cam kết về chất lượng dịch vụ (SLA).

Khối đã nâng cấp toàn diện các hệ thống lõi (core systems), đặc biệt với hệ thống giao dịch chứng khoán cơ sở và phái sinh. Những nâng cấp này giúp VPBankS đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn vận hành mới của thị trường sau khi HoSE chính thức đưa KRX vào hoạt động, đồng thời nâng cao năng lực xử lý lệnh, cải thiện tốc độ giao dịch và đảm bảo khả năng thích ứng linh hoạt với các thay đổi về quy định và khối lượng giao dịch ngày càng gia tăng. VPBankS cũng triển khai thành công các tính năng nghiệp vụ trọng yếu như: Quản lý hạn mức margin tối ưu theo dư nợ thực tế, giao dịch chứng khoán chưa niêm yết trên nền tảng số.



Bên cạnh đó, Khối Vận hành và Công nghệ Thông tin đẩy mạnh chuyển đổi số quy trình nội bộ thông qua việc ứng dụng các giải pháp quản trị quy trình nghiệp vụ (Business Process Management – BPM). Nhiều quy trình phê duyệt điện tử trong các lĩnh vực trọng yếu như thanh toán, ký quỹ và quản lý tài liệu, được triển khai thành công, qua đó rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ, nâng cao hiệu quả vận hành và hướng tới mô hình văn phòng không giấy tờ.

Ngoài các sáng kiến công nghệ, Khối thành công trong chiến lược tối ưu hóa hạ tầng đám mây (cloud optimization) giúp giảm chi phí hạ tầng và khẳng định năng lực quản trị tài nguyên công nghệ hiệu quả. Đồng thời, VPBankS cũng mở rộng năng lực hạ tầng tại chỗ (on-premise), bảo đảm tài nguyên hệ thống luôn duy trì ở ngưỡng an toàn, sẵn sàng đáp ứng các giai đoạn tăng trưởng đột biến của thị trường.

Toàn bộ hệ thống được vận hành ổn định và an toàn, với mức độ sẵn sàng đạt 99,9% xuyên suốt

12 tháng

Công nghệ dẫn dắt trải nghiệm

VPBankS không ngừng đưa các xu hướng công nghệ mới vào thực tiễn kinh doanh, tiếp tục kiện toàn hệ sinh thái sản phẩm số nhằm mang đến trải nghiệm đầu tư liền mạch và thuận tiện cho khách hàng. Trong năm 2025, nền tảng giao dịch NEO Invest đã được nâng cấp trên cả phiên bản website và ứng dụng di động, với giao diện được cải tiến toàn diện, tích hợp các tính năng hỗ trợ đầu tư ứng dụng AI, cùng các công cụ hữu ích như Stock Alert (cảnh báo cổ phiếu) và tích sản.

Song song, hệ thống phân phối trái phiếu và chứng chỉ quỹ trên nền tảng số được hoàn thiện, cho phép nhà đầu tư thực hiện toàn bộ quy trình từ mua bán, theo dõi danh mục đến quản lý quyền lợi tài chính một cách tự động ngay trên ứng dụng.

Trước bối cảnh rủi ro an ninh mạng gia tăng, Khối Vận hành và Công nghệ Thông tin đã đẩy mạnh chiến lược "Chuẩn hóa và Tăng cường" trong năm 2025. Cụ thể, Khối đã xây dựng hệ thống phòng thủ nhiều lớp, triển khai đồng bộ các giải pháp bảo mật tiên tiến cho thiết bị đầu cuối (EDR), quản lý truy cập đặc quyền (PAM) và bảo mật email, tạo nên lá chắn vững chắc cho dữ liệu khách hàng. Đồng thời, hệ thống giám sát an ninh (SOC) được triển khai, với khả năng tự động nhận diện và truy vết mối nguy, đảm bảo phát hiện sớm và ngăn chặn kịp thời các cuộc tấn công mạng.

Lợi thế cạnh tranh trong lĩnh vực công nghệ và an ninh mạng của VPBankS được củng cố vững chắc nhờ sự hậu thuẫn từ hệ sinh thái VPBank. Công ty thừa hưởng các tiêu chuẩn an ninh thông tin cấp ngân hàng để tạo dựng "lá chắn số" tin cậy cho tài sản nhà đầu tư. Đồng thời, mô hình dịch vụ dùng chung (Shared Services) của từ tập đoàn giúp VPBankS tối ưu nguồn lực, tập trung phát triển các hệ thống lõi phục vụ chứng khoán chuyên biệt.

Công ty thừa hưởng các tiêu chuẩn an ninh thông tin cấp ngân hàng để tạo dựng "lá chắn số" tin cậy cho tài sản nhà đầu tư.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

Khối Vận hành và Công nghệ Thông tin (Tiếp theo)

Chiến lược 2026: Tốc độ - Quy mô - Đổi mới

Tiếp nối nền tảng vững chắc đã thiết lập, Khối Vận hành và Công nghệ Thông tin xác định năm 2026 là giai đoạn bứt phá, dựa trên 3 trụ cột chiến lược: Dẫn đầu về tốc độ, mở rộng dịch vụ và đổi mới. Theo đó, Khối sẽ tập trung nguồn lực triển khai hệ thống New Front Office ứng dụng công nghệ độ trễ thấp, hướng tới mục tiêu cung cấp tốc độ xử lý lệnh nhanh hàng đầu thị trường.

Đồng thời, Khối sẽ đưa vào vận hành hệ thống quản lý lệnh theo chuẩn quốc tế, sẵn sàng kết nối với các đối tác dữ liệu và giao dịch toàn cầu, qua đó mở rộng cánh cửa đón dòng vốn từ nhà đầu tư tổ chức. Song song, VPBankS sẽ phát triển nền tảng quản lý gia sản chuyên biệt, cung cấp các giải pháp tài chính được "may đo", cũng như tiếp tục ứng dụng công nghệ nhằm cá nhân hóa trải nghiệm cho khách hàng.

"Sự ổn định của năm 2025 là tiền đề để năm 2026 trở thành năm của sự bứt phá về hiệu năng và trải nghiệm khách hàng. VPBankS cam kết dùng năng lực công nghệ vượt trội để định hình lại các chuẩn mực giao dịch, mang lại lợi thế tốc độ tối đa cho nhà đầu tư".

Ông Steve Yam, Giám đốc Công nghệ Thông tin

Phòng Quản trị Rủi ro

Hướng tới mục tiêu tăng trưởng quy mô mạnh mẽ, VPBankS tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro theo mô hình 3 tuyến bảo vệ, kết hợp ứng dụng công nghệ và các mô hình phân tích hiện đại nhằm nâng cao năng lực nhận diện, đo lường và cảnh báo sớm rủi ro. Nền tảng quản trị vững chắc cùng sự đồng hành của hệ sinh thái VPBank-SMBC đã góp phần bảo đảm hoạt động an toàn, hiệu quả và phát triển bền vững.

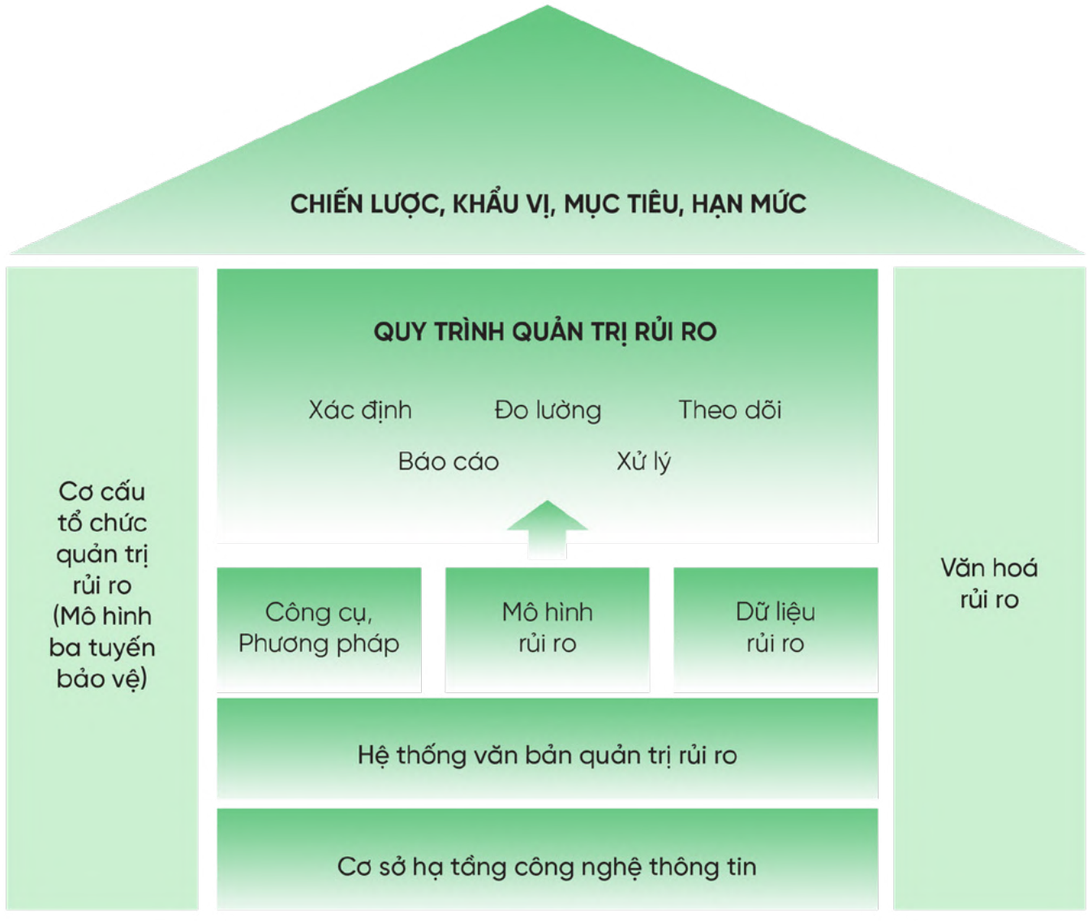


Hệ thống quản trị rủi ro 3 tuyến

Với kinh nghiệm kế thừa từ ngân hàng mẹ, VPBankS đã xây dựng và từng bước hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro đồng bộ, qua đó nâng cao hiệu quả, chuyên nghiệp trong nhận diện, đo lường, cảnh báo sớm, phát hiện, xử lý rủi ro của các loại rủi ro trọng yếu.

Khung Quản trị Rủi ro của VPBankS được thiết kế trên nền tảng các mục tiêu và chiến lược quản trị rủi ro rõ ràng, gắn liền với khẩu vị và hạn mức rủi ro, theo mô hình 3 tuyến bảo vệ, bao gồm: Đơn vị kinh doanh, Đơn vị vận hành và Đơn vị hỗ trợ (tuyến thứ nhất); Quản trị rủi ro, Pháp chế và Tuân thủ, Kiểm soát nội bộ (tuyến thứ hai) và Kiểm toán Nội bộ (tuyến thứ ba).

Song song, VPBankS đã xây dựng hệ thống văn bản nội bộ về quản trị rủi ro cùng với hệ thống các công cụ, phương pháp, mô hình, dữ liệu, cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin giúp công ty có thể thực hiện công tác quản trị rủi ro hiệu quả như: (i) Xác định rủi ro; (ii) đo lường rủi ro; (iii) theo dõi rủi ro; (iv) báo cáo rủi ro; (v) xử lý rủi ro. Đồng thời, văn hóa quản trị rủi ro cũng được chú trọng xây dựng và lan tỏa trong toàn hệ thống, góp phần nâng cao nhận thức và trách nhiệm của từng cá nhân, đơn vị.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

Phòng Quản trị Rủi ro (Tiếp theo)

Hệ thống quản trị rủi ro 3 tuyến (Tiếp theo)

Để nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro và tăng cường năng lực giám sát, Phòng Quản trị Rủi ro đã chủ động ứng dụng các công cụ, công nghệ và mô hình phân tích hiện đại trong toàn bộ quy trình quản trị. Trong đó, hệ thống báo cáo trên nền tảng Power BI cho phép cập nhật dữ liệu nhanh nhất và phát hiện rủi ro hàng ngày.

Phòng cũng ứng dụng các mô hình dự báo tổn thất (ECL) sử dụng phương pháp luận là mô hình giá theo GBM (Geometric Brownian Motion), mô hình dự báo thanh khoản thị trường, mô hình hoạt động xử lý bán giải chấp chứng khoán, mô hình xếp hạng các định chế tài chính... để ra quyết định trong hoạt động cho vay, đầu tư, chính sách giá bán...

Trong năm 2025, VPBankS đã tiếp tục cập nhật, triển khai và hoàn thiện nhiều chính sách văn bản quản trị rủi ro quan trọng nhằm nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro. Đồng thời, công ty cũng phối hợp với VPBank để kiện toàn và nâng cao hiệu quả mô hình quản trị rủi ro tập đoàn.

Nhờ đó, VPBankS đã duy trì được mức độ an toàn cao trong các hoạt động kinh doanh trọng yếu dù quy mô hoạt động tăng trưởng vượt bậc. Năm 2025, công ty không phát sinh thêm các khoản nợ phải thu khó đòi trong hai lĩnh vực cốt lõi là cho vay giao dịch ký quỹ và đầu tư chứng khoán.

Củng cố nền tảng quản trị rủi ro với sự đồng hành của hệ sinh thái

Hệ sinh thái VPBank – SMBC đã hỗ trợ tích cực về chuyên môn, góp phần nâng cao năng lực quản trị rủi ro tại VPBankS thông qua hoạt động tư vấn, tham mưu và chia sẻ thông tin, mang lại hiệu quả cao nhất cho hoạt động quản trị rủi ro của công ty nói riêng và trên toàn tập đoàn nói chung, trọng tâm là 8 rủi ro trọng yếu như rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro lãi suất & thanh khoản, rủi ro công nghệ thông tin, rủi ro hoạt động, rủi ro mô hình, rủi ro tích hợp.

Cụ thể, VPBank – SMBC phối hợp cùng VPBankS xây dựng Khung Quản trị Rủi ro, bao gồm: Chính sách rủi ro, tuyên bố khẩu vị rủi ro và chính sách hạn mức rủi ro... Đồng thời, triển khai các chương trình bảo hiểm rủi ro toàn diện cho nhiều lĩnh vực trọng yếu như bảo hiểm chống hành vi gian lận điện tử (BBB & ECC), bảo hiểm trách nhiệm người điều hành (D&O), bảo hiểm trách nhiệm tổ chức tài chính (FIPI), bảo hiểm an ninh mạng và bảo hiểm trách nhiệm công cộng. Song song, VPBank đã tổ chức đào tạo cho các đơn vị nội bộ thuộc VPBankS để triển khai chương trình bảo hiểm rủi ro tài sản cho năm 2026.

Không ngừng nâng cao năng lực quản trị rủi ro

VPBankS sẽ tiếp tục hoàn thiện Khung Quản trị Rủi ro, chuẩn hóa các quy trình nhận diện, đo lường, giám sát và xử lý rủi ro theo thông lệ tốt và yêu cầu của cơ quan quản lý, cân bằng giữa mục tiêu tăng trưởng và mức độ chấp nhận rủi ro.

Song song đó, nâng cao nhận thức và năng lực quản trị rủi ro của cán bộ nhân viên thông qua đào tạo và truyền thông nội bộ, hướng tới xây dựng văn hóa rủi ro xuyên suốt trên toàn công ty, góp phần bảo đảm hoạt động an toàn, ổn định và phát triển bền vững.

Ngoài ra, đẩy mạnh công tác chủ động phát hiện, cảnh báo sớm rủi ro và tăng cường áp dụng các giải pháp công nghệ trong lĩnh vực quản trị rủi ro, tập trung vào tự động hóa công tác báo cáo nhằm nâng cao hiệu quả vận hành, tiết kiệm nguồn lực và hạn chế sai sót.

"Phòng Quản trị rủi ro không ngừng nâng cao năng lực dự báo và cảnh báo sớm rủi ro thông qua ứng dụng công nghệ và phân tích dữ liệu, qua đó tạo nền tảng vững chắc cho tăng trưởng bền vững của VPBankS."

Bà Nguyễn Thị Bích, Giám đốc Quản trị rủi ro



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

Phòng Hành chính Nhân sự

Phòng Hành chính Nhân sự đã đóng vai trò then chốt trong việc bảo đảm nguồn lực, mở rộng quy mô và xây dựng nền tảng nhân sự bền vững thông qua các sáng kiến tuyển dụng, đào tạo và số hóa quản trị nhân sự.

Đồng hành cùng chiến lược mở rộng của VPBankS

Năm 2025, trong bối cảnh VPBankS tăng tốc và chuẩn bị cho thương vụ IPO, Phòng Hành chính Nhân sự đóng vai trò then chốt trong việc bảo đảm nguồn lực, ổn định tổ chức, đồng thời xây dựng nền tảng nhân sự bền vững.

Nhằm phục vụ chiến lược mở rộng, đặc biệt tại Khối Kinh doanh và Khối Vận hành và Công nghệ Thông tin, VPBankS đã tăng tốc độ tuyển dụng lên cao nhất trong vòng 3 năm qua. Tính đến cuối 2025, quy mô nhân sự toàn công ty đạt 812 người, so với 582 nhân viên vào cuối năm 2024.

Kết quả này đến từ việc Phòng Hành chính Nhân sự đồng thời triển khai nhiều giải pháp trọng tâm như: Củng cố thương hiệu nhà tuyển dụng, cải tiến quy trình tuyển dụng theo hướng số hóa, nâng cao trải nghiệm ứng viên – cán bộ nhân viên, mở rộng cơ hội tuyển dụng nội bộ và tăng cường phát triển lộ trình nghề nghiệp.

Song song, Phòng đẩy mạnh hợp tác với các trường đại học, tiếp cận trực tiếp nguồn nhân lực trẻ và tiềm năng. Năm 2025, VPBankS đã tổ chức thành công 10 chương trình tại các trường đại học lớn ở Hà Nội và TP HCM, bao gồm: Tài trợ cuộc thi học thuật, tham quan doanh nghiệp, ngày hội việc làm và các hội thảo đào tạo kiến thức chứng khoán – hướng nghiệp. Các hoạt động này không chỉ góp phần bổ sung nguồn ứng viên chất lượng mà còn nâng cao hình ảnh VPBankS như một doanh nghiệp chú trọng phát triển con người và đầu tư cho thế hệ nhân sự tương lai.

VPBankS đã tổ chức thành công 10 chương trình tại các trường đại học lớn ở Hà Nội và TP HCM



Thúc đẩy văn hóa học tập, giữ chân nhân tài

Trong năm 2025, Phòng Hành chính Nhân sự xác định đào tạo và phát triển con người là trụ cột quan trọng nhằm nâng cao năng lực tổ chức và khả năng thích ứng của đội ngũ trước những thay đổi nhanh chóng của thị trường.

Từ định hướng trên, các chương trình đào tạo được triển khai theo hướng toàn diện, kết hợp giữa năng lực chuyên môn, kỹ năng và văn hóa tổ chức. VPBankS tổ chức nhiều chương trình đào tạo nổi bật như: Agile Transformation, Tối ưu hóa công việc với AI, Thiết kế và truyền thông đa phương tiện với AI, Quản trị tổ chức bằng văn hóa, cũng như các chuyên đề ứng dụng trong quản trị nhân sự. Song song với đào tạo chuyên môn, các chương trình văn hóa như VPBankS OpenTalk và People 4rum cũng được tổ chức định kỳ, tạo không gian đối thoại hai chiều, lan tỏa văn hóa học tập và tăng cường kết nối nội bộ.

Nhờ triển khai đồng bộ các chương trình đào tạo và thúc đẩy văn hóa học tập trong toàn hệ thống, 100% cán bộ nhân viên hoàn thành các khóa đào tạo bắt buộc và 90% cán bộ nhân viên hoàn thành chỉ tiêu giờ đào tạo 30 giờ/năm, thể hiện mức độ tuân thủ cao và ý thức chủ động học tập của đội ngũ.

Song song với hoạt động đào tạo, Phòng Hành chính Nhân sự cũng liên tục rà soát, tinh chỉnh hệ thống vị trí công việc, bảo đảm đồng bộ với chính sách thưởng kinh doanh; thực hiện điều chỉnh lương toàn công ty và duy trì các chương trình phúc lợi thường niên. Những chính sách đãi ngộ đặc thù được triển khai hiệu quả, góp phần nâng cao mức độ gắn bó của cán bộ nhân viên.

Bên cạnh đó, các sáng kiến như Chương trình Critical Role 2025, chương trình kế nhiệm và các hoạt động vinh danh – khen thưởng xuyên suốt năm, giúp VPBankS giữ chân nhân sự chủ chốt và xây dựng đội ngũ kế cận ổn định cho giai đoạn phát triển tiếp theo.

Các giải thưởng nổi bật năm 2025

Môi trường làm việc tốt nhất châu Á 2025

HR Asia Awards



Nhân sự xuất sắc hạng mục Đào tạo và phát triển con người

Vietnam Excellence



Doanh nghiệp được yêu thích với vị trí Top 1 ngành Tài chính – Ngân hàng – Chứng khoán (Khối Doanh nghiệp Vừa) và Top 2 Doanh nghiệp được yêu thích (Khối Doanh nghiệp Vừa)

CareerViet

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

Phòng Hành chính Nhân sự (Tiếp theo)

Sẵn sàng đáp ứng mục tiêu tăng trưởng mạnh mẽ

Bước sang năm 2026, Phòng Hành chính Nhân sự xác định trọng tâm là tiếp tục xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng mục tiêu mở rộng mạnh mẽ với quy mô nhân sự dự kiến tăng lên gần 1.300 cán bộ nhân viên. Công tác tuyển dụng sẽ được triển khai đồng bộ với kế hoạch xây dựng thương hiệu tuyển dụng theo từng tháng, thông qua các hoạt động truyền thông thương hiệu tuyển dụng đa kênh, bám sát định hướng phát triển nguồn nhân lực và chiến lược kinh doanh của công ty.

Song song, Phòng tiếp tục đẩy mạnh số hóa và tự động hóa trong quản trị nhân sự, với các mục tiêu: Đưa vào hoạt động hệ thống LMS năm 2026 với chức năng ghi nhận giờ đào tạo và quản lý chứng chỉ hành nghề; số hóa toàn bộ khóa học theo hình thức e-learning tương tác; triển khai hệ thống gửi email tự động chúc mừng cán bộ nhân viên. VPBankS sẽ phối hợp cùng Khối Công nghệ Thông tin, Khối Quản trị Nguồn nhân lực của VPBank để xây dựng hệ thống quản trị nhân sự SAP tích hợp đầy đủ các chức năng tuyển dụng - vận hành - đánh giá nhân sự.

"Trên những kết quả đạt được trong năm 2025, Phòng Hành chính Nhân sự sẽ tiếp tục chuẩn hóa, số hóa và phát triển đội ngũ theo chiều sâu, nhằm đồng hành cùng VPBankS nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững."

Bà Nguyễn Thanh Hoa, Giám đốc Nhân sự VPBankS

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các khoản đầu tư lớn

Đầu tư tài chính

Tham khảo nội dung tại Chương IV. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc và Chương IX. Báo cáo tài chính.

Đầu tư dự án

Công ty không có khoản đầu tư dự án lớn nào trong năm 2025.

Công ty con, công ty liên kết

Công ty không có bất kỳ công ty con, công ty liên kết nào

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

CHỈ TIÊU	Năm 2024	Năm 2025	% tăng giảm
Kết quả kinh doanh			
Doanh thu thuần (tỷ đồng)	2.490	7.958	220%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (tỷ đồng)	1.456	4.869	234%
Lợi nhuận khác (tỷ đồng)	0.10	3.44	3.266%
Tổng lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	1.220	4.476	267%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	976	3.569	266%
Bảng cân đối			
Tổng tài sản (tỷ đồng)	26.714	73.017	173%
Vốn điều lệ (tỷ đồng)	15.000	18.750	25%
Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	17.404	33.831	94%
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	0,99	1,00	1%
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	0,01	0,004	-57%
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,35	0,54	54%
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,65	0,46	-29%
Tỷ suất lợi nhuận			
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	4,2%	7,0%	69%
Lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu (ROE)	5,8%	16,6%	193%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	0,07	0,23	251%
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	4,70	5,38	14%
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu EPS (đồng)	650	2.302	254%
Khả năng thanh toán			
Chỉ số thanh toán hiện hành (Tài sản lưu động/Nợ ngắn hạn)	2,84	1,86	-34%
Chỉ số thanh toán nhanh ([Tiền + Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn]/Nợ ngắn hạn)	2,80	1,81	-35%

Chi tiết phân tích các số liệu được thể hiện trong **mục 2. Kết quả kinh doanh nổi bật năm 2025,** thuộc **Chương IV. Báo cáo của Tổng Giám đốc.**

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Vốn điều lệ

Trong năm 2025, công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ thông qua chào bán thành công cổ phiếu lần đầu ra công chúng, cụ thể như sau:

Mức vốn điều lệ cũ:

15.000.000.000.000 đồng

(Bằng chữ: Mười lăm nghìn tỷ đồng)

Mức vốn điều lệ mới:

18.750.000.000.000 đồng

(Bằng chữ: Mười tám nghìn bảy trăm năm mươi tỷ đồng)

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	31/12/2024	31/12/2025
Vốn điều lệ	15.000	18.750
Thặng dư vốn cổ phần	1	8.870
Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	(13)	226
Các quỹ dự trữ	1	1
Cổ phiếu quỹ	-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	2.415	5.984
Tổng vốn chủ sở hữu	**17.404**	**33.831**



Cơ cấu cổ đông

Cơ cấu cổ đông tại 31/12/2025

94,59% CỔ ĐÔNG TRONG NƯỚC

5,41% CỔ ĐÔNG NƯỚC NGOÀI

6,35% CÁ NHÂN **0,05%**

88,24% TỔ CHỨC **5,36%**

Chỉ tiêu (tỷ đồng)	Số cổ đông	Tỷ lệ/Tổng số cổ đông	Tổng số cổ phần	Tỷ lệ/Tổng số cổ phần
Trong nước	**9.606**	**99,43%**	**1.773.590.814**	**94,59%**
Cá nhân	9.587	99,23%	119.038.798	6,35%
Tổ chức	19	0,20%	1.654.552.016	88,24%
Nước ngoài	**55**	**0,57%**	**101.409.186**	**5,41%**
Cá nhân	33	0,34%	982.556	0,05%
Tổ chức	22	0,23%	100.426.630	5,36%
Tổng	**9.661**	**100,00%**	**1.875.000.000**	**100,00%**

Tính đến 31/12/2025, VPBankS có 01 cổ đông lớn (sở hữu từ 5% số cổ phiếu có quyền biểu quyết).

STT	Cá nhân/ Tổ chức	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ báo cáo
1	**Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng**	**Cổ đông lớn**	**1.499.306.000**	**79,963%**

Tỷ lệ sở hữu của người liên quan

Cổ đông nội bộ gồm các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người nội bộ khác: Không sở hữu cổ phiếu công ty tính đến ngày 31/12/2025.

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Cổ đông nội bộ gồm các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và người nội bộ khác: Không có giao dịch cổ phiếu của công ty trong năm 2025.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Tham khảo nội dung tóm tắt tại **Chương VIII. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội.**

04 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

58 Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

63 Kết quả kinh doanh nổi bật năm 2025

67 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý

69 Định hướng hoạt động kinh doanh trong năm 2026

71 Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

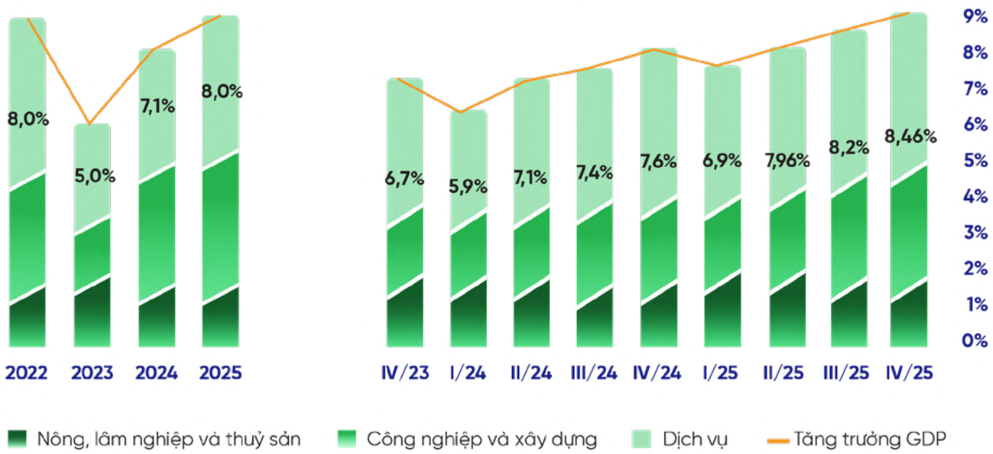


ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Môi trường vĩ mô

Năm 2025 đánh dấu việc Việt Nam hoàn thành thắng lợi Kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn 2021-2025. Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu chịu nhiều sức ép từ xu hướng bảo hộ thương mại, phân mảnh chuỗi cung ứng và bất ổn địa chính trị, Việt Nam khẳng định sức chống chịu và nội lực tăng trưởng với những kết quả tích cực trên hầu hết các chỉ tiêu vĩ mô, tạo nền tảng vững chắc cho giai đoạn phát triển tiếp theo.

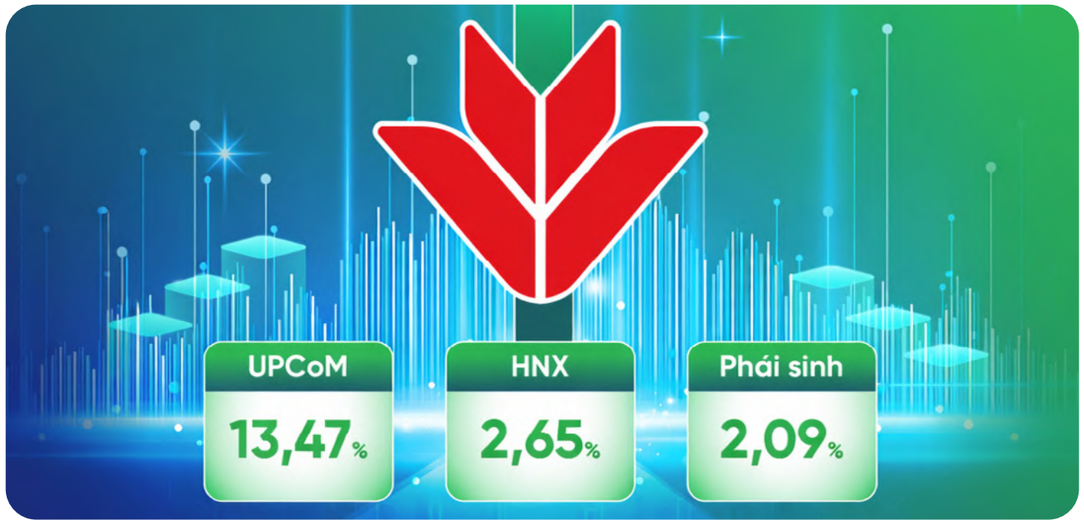
Tăng trưởng GDP theo các năm và theo từng quý (svck)





GDP năm 2025 tăng trưởng 8,02%, vượt mục tiêu của Chính phủ và là mức tăng cao thứ hai trong giai đoạn 5 năm qua. Bình quân tăng trưởng giai đoạn 2021-2025 đạt khoảng 6,3%, thuộc nhóm cao của khu vực và thế giới, phản ánh quá trình phục hồi và tăng tốc rõ nét sau giai đoạn biến động. Quy mô nền kinh tế tiếp tục được mở rộng mạnh mẽ, từ 346 tỷ USD năm 2020 lên khoảng 514 tỷ USD năm 2025, vươn lên vị trí thứ 32 thế giới. GDP bình quân đầu người vượt mốc 5.000 USD, chính thức đưa Việt Nam gia nhập nhóm các quốc gia thu nhập trung bình cao, hoàn thành một trong những mục tiêu trọng tâm được Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ XIII đề ra.

Sự ổn định kinh tế vĩ mô tiếp tục được duy trì vững chắc. Lạm phát bình quân năm 2025 ở mức 3,31%, thấp hơn mục tiêu của Quốc hội và duy trì dưới ngưỡng 3,6% trong suốt giai đoạn 2021-2025. Mặt bằng giá ổn định không chỉ góp phần bảo đảm đời sống người dân mà còn giúp doanh nghiệp kiểm soát chi phí đầu vào, củng cố niềm tin vào môi trường kinh doanh.



Dòng vốn được khơi thông rõ nét, với tăng trưởng tín dụng đạt 19,1% trong năm 2025, phản ánh khả năng hấp thụ vốn tích cực của khu vực sản xuất kinh doanh khi nhu cầu mở rộng hoạt động gia tăng. Bên cạnh đó, giải ngân đầu tư công tăng 36,6%, cùng với vốn FDI thực hiện đạt 27,6 tỷ USD - mức cao nhất trong 5 năm - tiếp tục đóng vai trò là hai trụ cột quan trọng dẫn dắt tăng trưởng, thúc đẩy đầu tư, việc làm và chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Hoạt động thương mại quốc tế duy trì động lực ấn tượng: Xuất nhập khẩu tăng trưởng hai con số, mang lại thặng dư thương mại trên 20 tỷ USD, đánh dấu năm thứ 10 liên tiếp Việt Nam xuất siêu. Kết quả này góp phần củng cố dự trữ ngoại hối, hỗ trợ ổn định tỷ giá và tăng cường khả năng chống chịu của nền kinh tế trước các cú sốc bên ngoài.

Tuy vậy, những kết quả tích cực trong năm 2025 chủ yếu thể hiện sự ổn định và mở rộng về quy mô tăng trưởng. Thách thức lớn trong giai đoạn tới là chuyển dịch mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, dựa nhiều hơn vào năng suất, chất lượng và hiệu quả phân bổ nguồn lực. Một số yếu tố vẫn cần được quan tâm, chẳng hạn như sự phục hồi chưa đồng đều của thị trường bất động sản hay những yếu tố có thể ảnh hưởng đến tính bền vững của tăng trưởng trong trung và dài hạn.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2025: Khởi đầu tích cực cho một giai đoạn tăng trưởng mới

Năm 2025 đánh dấu giai đoạn tăng trưởng nổi bật của thị trường chứng khoán Việt Nam với diễn biến mang tính "vượt khó - bứt phá - mở rộng". Sau nhịp điều chỉnh mạnh vào tháng 4 do chính sách thuế quan đối ứng của Tổng thống Mỹ Donald Trump, VN-Index nhanh chóng lấy lại đà tăng và bước vào xu hướng đi lên rõ rệt.

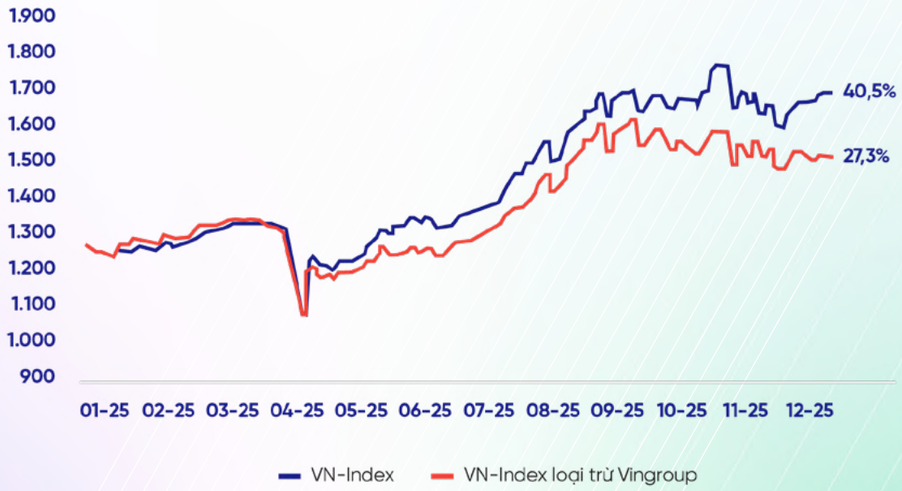
Kết thúc 2025, chỉ số VN-Index tăng khoảng 41% và ghi nhận mức đóng cửa cao nhất là 1.784,5 điểm. Tuy nhiên, năm 2025 cũng chứng kiến sự phân hóa lớn giữa các nhóm ngành, đặc biệt nhóm các cổ phiếu có liên quan tới tập đoàn Vingroup. Nếu loại trừ ảnh hưởng của nhóm cổ phiếu này, VN-Index chỉ tăng khoảng 27%.

Trong năm qua, thị trường đã hưởng lợi từ hàng loạt điểm sáng, chẳng hạn như hệ thống pháp lý dần hoàn thiện theo hướng tăng tính minh bạch, chuyên nghiệp và thu hút sự tham gia của các nhà đầu tư, đặc biệt là nhà đầu tư nước ngoài. Đồng thời, việc chính thức đưa hệ thống KRX vào vận hành từ tháng 5 đã tạo nền tảng kỹ thuật ổn định và đáp ứng giá trị giao dịch lớn.

Chỉ số VN-INDEX kết thúc 2025 tăng

41% **và ghi nhận mức đóng cửa cao nhất là 1.784,5 điểm**

Diễn biến chỉ số VN-Index và chỉ số VN-Index loại trừ Vingroup



Song song, vào tháng 10, FTSE chính thức công bố nâng hạng Việt Nam lên thị trường mới nổi thứ cấp. Quyết định nâng hạng sẽ có hiệu lực từ 21/09/2026 sau khi kỳ đánh giá vào tháng 3/2026 xác nhận khả năng triển khai và đánh giá mức độ sẵn sàng của thị trường Việt Nam. Ngoài ra, thị trường chứng khoán cũng ghi dấu ấn với hàng loạt thương vụ IPO, huy động vốn và niêm yết quy mô lớn, ví dụ như Vinpearl (5.035 tỷ đồng), TCBS (10.818 tỷ đồng), VPBankS (12.713 tỷ đồng) và VPS (12.138 tỷ đồng).

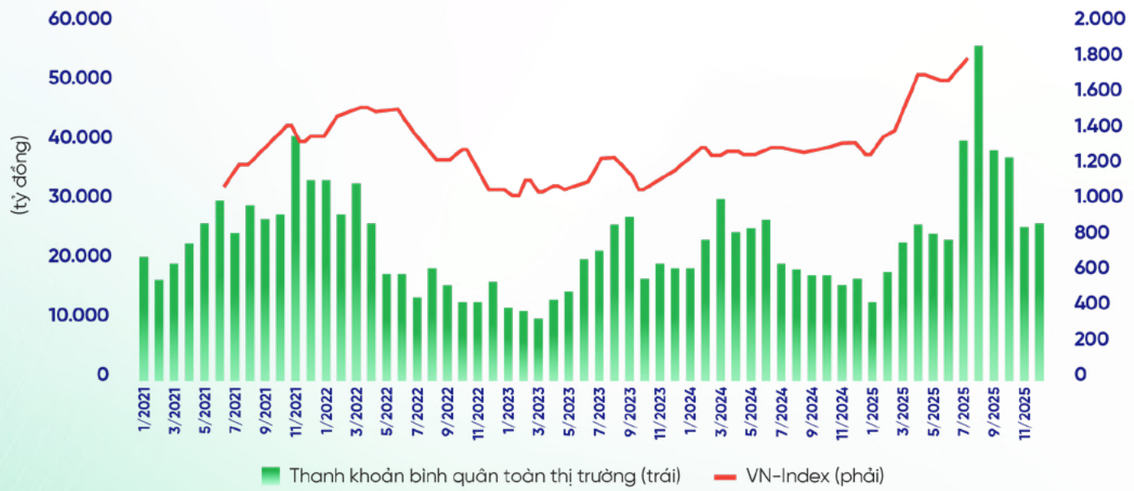
Tính đến cuối năm 2025, giá trị vốn hóa toàn thị trường đạt khoảng 390 tỷ USD, tương đương 76% GDP năm 2025 (514 tỷ USD), tăng mạnh so với kết quả 60% GDP của năm 2024.

Về thanh khoản, giá trị giao dịch trung bình hàng ngày trên cả 3 sàn năm 2025 đạt 29.331 tỷ đồng, tăng 40% so với bình quân năm 2024. Kết quả trên phản ánh sự cải thiện trong niềm tin của nhà đầu tư trong nước, đồng thời cho thấy sức hấp dẫn ngày càng gia tăng của thị trường chứng khoán, khi trở thành kênh đầu tư quan trọng trong bối cảnh lãi suất tiền gửi duy trì ở mức thấp. Thị trường ghi nhận gần 2,6 triệu tài khoản chứng khoán mở mới trong năm 2025, tăng 28% so với đầu năm, nâng tổng số tài khoản lên gần 11,9 triệu.

Giá trị vốn hóa toàn thị trường cuối năm 2025 đạt khoảng

390 tỷ USD

Thanh khoản thị trường theo tháng



Tuy nhiên, trái với diễn biến tích cực của nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục đà bán ròng kể từ năm 2023 trong bối cảnh dòng vốn toàn cầu có sự dịch chuyển vào các thị trường phát triển, xu hướng tăng giá của đồng USD và hoạt động chốt lời tại nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn. Năm 2025, nhà đầu tư nước ngoài đã bán ròng khoảng 4,8 tỷ USD thông qua phương thức khớp lệnh – một con số kỷ lục trong lịch sử thị trường chứng khoán Việt Nam.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp

Trên thị trường vốn nợ, trái phiếu doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng trong việc cung cấp vốn trung và dài hạn trong nền kinh tế. Trái phiếu doanh nghiệp là một trong những trọng tâm phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam theo Quyết định số 1726/QĐ-TTg ngày 29/12/2023, với mục tiêu quy mô đạt tối thiểu 25% GDP năm 2030.

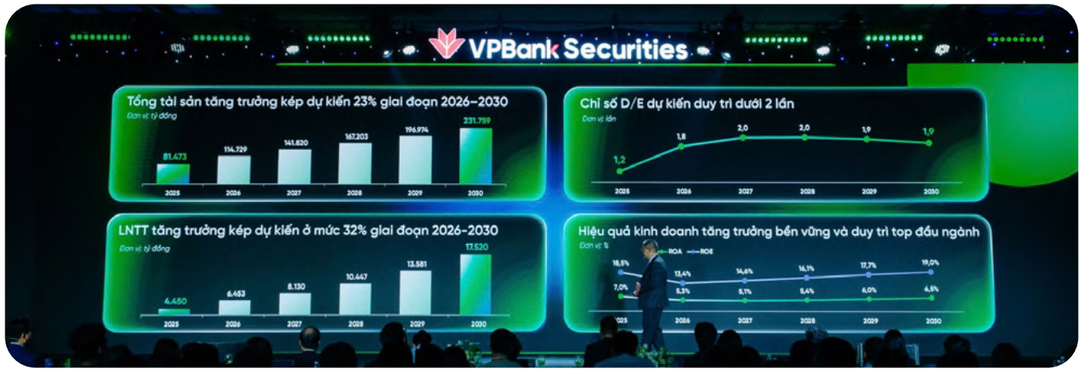
Năm 2025 đánh dấu sự hồi phục của thị trường trái phiếu doanh nghiệp với tổng giá trị phát hành sơ cấp là 644.100 tỷ đồng, tăng 35% so với cùng kỳ; trong đó tính riêng trái phiếu doanh nghiệp phi ngân hàng đạt 218.000 tỷ đồng, tăng 28%. Hoạt động phát hành sôi động nhất kể từ tháng 6, phản ánh nhu cầu vốn tăng dần khi kinh tế tăng trưởng mạnh trong giai đoạn cuối năm. Phần lớn trái phiếu được phát hành trong năm 2025 là nhóm ngân hàng, đạt 425.800 tỷ đồng, tương đương 66% tổng quy mô, tiếp theo là nhóm bất động sản với 149.400 tỷ đồng, tương đương 23% tổng quy mô.

Thị trường trái phiếu doanh nghiệp phi ngân hàng sẽ phục hồi mạnh mẽ từ năm 2026. Áp lực đáo hạn trong giai đoạn 2026-2027, cùng với nhu cầu gia tăng của doanh nghiệp đối với nguồn vốn trung và dài hạn, sẽ là động lực chính thúc đẩy hoạt động phát hành sơ cấp trong năm 2026. Theo ước tính từ FiinGroup, sẽ có khoảng hơn 187.100 tỷ đồng nợ gốc trái phiếu doanh nghiệp phi ngân hàng đáo hạn trong năm 2026. Bên cạnh đó, sự phục hồi của niềm tin nhà đầu tư được kỳ vọng sẽ thúc đẩy thanh khoản giao dịch trên thị trường thứ cấp phục hồi rõ nét.

Những cập nhật gần đây trong khung pháp lý và quy định, hướng tới nâng cao tính minh bạch và tăng cường bảo vệ nhà đầu tư, chẳng hạn như Nghị định số 245/2025/NĐ-CP, đang hỗ trợ sự phát triển bền vững của thị trường trái phiếu doanh nghiệp.

Năm 2025 đánh dấu sự hồi phục của thị trường trái phiếu doanh nghiệp với tổng giá trị phát hành sơ cấp là

644.100 tỷ đồng
tăng 35% so với cùng kỳ



KẾT QUẢ KINH DOANH NỔI BẬT NĂM 2025

Những "trái ngọt" đầu tiên từ nền tảng vững chắc

Với nền tảng vững chắc về vốn, công nghệ, nhân lực và kế thừa mô hình quản trị tập đoàn từ hệ sinh thái VPBank, năm 2025, VPBankS đã đạt được những thành tựu đáng chú ý, vào nhóm công ty chứng khoán dẫn đầu về quy mô tài sản, vốn chủ sở hữu, trong nhiều mảng kinh doanh và hiệu quả hoạt động.

Quy mô tăng trưởng mạnh mẽ, từng bước khẳng định vị thế hàng đầu thị trường

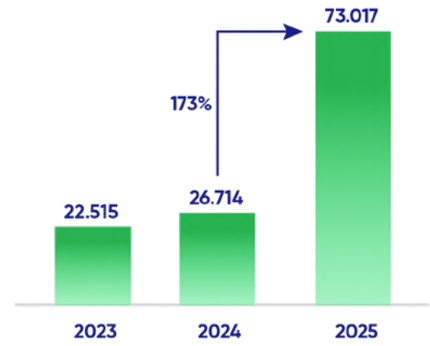
Tính đến cuối 2025, tổng tài sản của VPBankS đạt 73.017 tỷ đồng, nằm trong top 3 công ty chứng khoán có quy mô lớn nhất. VPBankS duy trì tốc độ tăng trưởng quy mô cao trên tất cả mảng nghiệp vụ: Ngân hàng đầu tư, cho vay margin, đầu tư và môi giới. Cụ thể, về cơ cấu tài sản, các khoản cho vay chiếm 47%, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL) đóng góp 36%, trong khi tiền và các khoản tương đương tiền chiếm 11% tổng tài sản.

Việc hoạt động IB được đầu tư một cách bài bản, cùng với năng lực phân phối, năng lực triển khai tư vấn, năng lực bảo lãnh phát hành vượt trội, giúp doanh số trong năm 2025 của VPBankS ghi nhận kết quả ấn tượng. Cụ thể, doanh số hoạt động tư vấn DCM trong năm 2025 chiếm gần 10% tổng giá trị trái phiếu doanh nghiệp phi ngân hàng sơ cấp toàn thị trường, đưa VPBankS vào nhóm công ty chứng khoán hàng đầu trong lĩnh vực này. Bên cạnh đó, doanh số mảng ECM cũng đạt gần 20.000 tỷ đồng, chứng minh năng lực toàn diện của công ty trong việc cung cấp dịch vụ IB. Một số thương vụ tiêu biểu trong năm 2025 có thể kể đến như Kinh Bắc (KBC), Thiên Long Group...

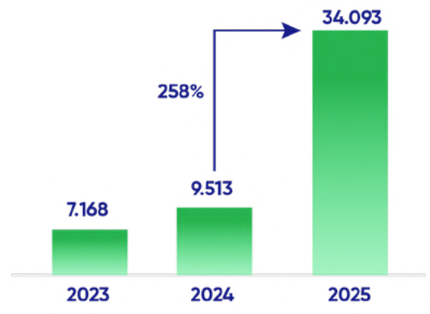
Song song, nền tảng vốn vững chắc, quy mô lớn cùng với lợi thế chi phí thấp giúp dư nợ cho vay margin và ứng trước của VPBankS đạt tăng trưởng 258% so với cùng kỳ, quy mô vượt 34.000 tỷ đồng vào cuối năm 2025, lọt vào top 3 toàn thị trường. Trong đó, nhóm ngành ngân hàng chiếm gần 50% dư nợ, cổ phiếu VN-30 chiếm 50%.

Nhờ việc chú trọng công tác quản trị rủi ro và kế thừa mô hình quản trị tập đoàn, mô hình quản trị rủi ro với 3 tuyến phòng thủ, các công cụ để lượng hóa, đo lường, cảnh báo sớm rủi ro, VPBankS có thể tăng trưởng dư nợ ký quỹ một cách nhanh chóng, bền vững và an toàn.

Tổng tài sản (tỷ đồng)



Dư nợ cho vay margin và ứng trước (tỷ đồng)



KẾT QUẢ KINH DOANH NỔI BẬT NĂM 2025 (TIẾP THEO)

Quy mô tăng trưởng mạnh mẽ, từng bước khẳng định vị thế hàng đầu thị trường (Tiếp theo)

Trong hoạt động đầu tư, danh mục FVTPL của VPBankS của VPBankS tăng trưởng mạnh mẽ, được quản lý theo hướng cân bằng, hiệu quả và chuyên nghiệp, bao gồm: 49,5% là trái phiếu doanh nghiệp, 22,7% là cổ phiếu và 20,8% là chứng chỉ tiền gửi. Danh mục trái phiếu của VPBankS có giá trị 12.946 tỷ đồng, tăng trưởng 68,2% so với cùng kỳ. Đây là kênh đầu tư an toàn nhờ việc được đa dạng hóa và quản trị rủi ro chặt chẽ, mang lại hiệu quả trên vốn sử dụng bình quân khoảng 16,6%/năm, đóng góp quan trọng cho cơ cấu doanh thu của VPBankS.

Danh mục cổ phiếu của công ty bao gồm 97% cổ phiếu niêm yết và 3% cổ phiếu chưa niêm yết. Năm 2025, VPBankS đã triển khai hiệu quả và chuyên nghiệp hoạt động đầu tư theo 3 lĩnh vực chính: Đầu tư cổ phiếu niêm yết, thương vụ M&A và thương vụ PIPE. Đối với mảng cổ phiếu niêm yết, VPBankS hoạt động tương tự một công ty quản lý quỹ, tận dụng cơ hội từ thị trường và đạt được hiệu suất lợi nhuận/vốn sử dụng bình quân tích cực. Bên cạnh đó, công ty cũng thực hiện chiến lược PIPE tương đối thành công, mang lại tỷ suất sinh lời cao trên một số mã cổ phiếu niêm yết. Trong hoạt động đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết, VPBankS tìm kiếm những cơ hội M&A tiềm năng với kỳ vọng lợi nhuận cao trong tương lai, đồng thời kiểm soát rủi ro chặt chẽ thông qua mô hình quản trị tập đoàn của ngân hàng mẹ.

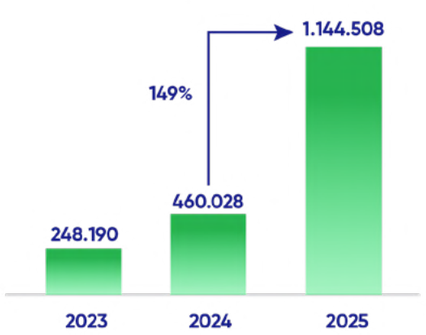
Tại mảng môi giới, trong quý IV/2025, công ty đã lọt top 10 thị phần HoSE, chiếm 3,21%, song song với việc vươn lên top 6 thị phần trên HNX, đạt 4,75%, cải thiện 4 bậc so với quý liền trước; top 10 tại UPCoM và thị trường giao dịch chứng khoán phái sinh. Đồng thời, trong năm 2025, VPBankS ghi nhận 684.480 tài khoản mở mới, chiếm 26,3% tổng số tài khoản mở mới trên toàn thị trường. Nhờ đó, số tài khoản chứng khoán lũy kế của VPBankS vượt mốc 1,1 triệu, tương đương khoảng 10% tổng tài khoản chứng khoán cá nhân toàn thị trường.

Số tài khoản chứng khoán lũy kế của VPBankS vượt mốc

1.100.000

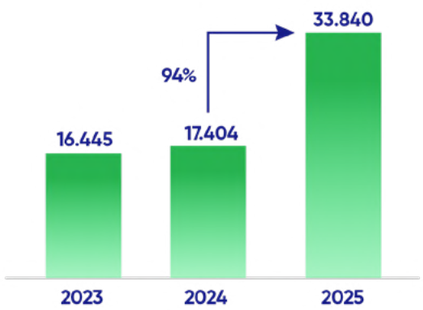
~ khoảng 10% tổng tài khoản chứng khoán cá nhân toàn thị trường

Tổng tài khoản chứng khoán luỹ kế



Nền tảng vốn vững chắc, kiến tạo giá trị bền vững

Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)



Nhận thức rõ vai trò then chốt của nền tảng vốn trong việc đảm bảo an toàn hoạt động, nâng cao năng lực quản trị và tạo dư địa tăng trưởng dài hạn, VPBankS đã chủ động triển khai kế hoạch tăng cường năng lực tài chính thông qua việc thực hiện IPO trong năm. Trong đợt chào bán, VPBankS đã phát hành thành công 375 triệu cổ phiếu ở mức giá 33.900 đồng/cp, qua đó nâng vốn điều lệ từ 15.000 tỷ đồng lên 18.750 tỷ đồng. Quy mô vốn chủ sở hữu của VPBankS được củng cố mạnh mẽ, đạt gần 34.000 tỷ đồng, đứng vị trí thứ hai toàn ngành. Việc gia tăng quy mô vốn chủ sở hữu không chỉ củng cố các chỉ tiêu an toàn tài chính, mở rộng hạn mức cho các hoạt động kinh doanh trọng yếu như cho vay ký quỹ, tự doanh và ngân hàng đầu tư, mà còn tạo nền tảng để VPBankS nâng cao vị thế cạnh tranh, đón đầu cơ hội và phát triển bền vững trong giai đoạn mới.

Cơ cấu nguồn vốn của VPBankS được duy trì cân bằng, an toàn, với vốn chủ sở hữu chiếm 46,3% tổng nguồn vốn, vay ngắn hạn chiếm 51%. Tỷ lệ nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu của VPBankS ở mức 1,16 lần, thấp hơn so với trung bình của 30 công ty chứng khoán lớn nhất. Hoạt động nguồn vốn đóng vai trò quan trọng trong việc phân bổ nguồn lực, đáp ứng nhu cầu tăng trưởng nhanh nhưng bền vững. Đến cuối 2025, VPBankS có hạn mức lên tới 45.000 tỷ đồng từ 26 tổ chức tín dụng. Nhờ sự đồng hành của đối tác chiến lược SMBC, trong năm vừa qua, VPBankS ký kết và giải ngân thành công khoản vay hợp vốn trị giá 125 triệu USD, đồng thời chỉ định SMBC thu xếp khoản vay trị giá 200 triệu USD trên thị trường quốc tế.

Tổng hòa những yếu tố trên giúp VPBankS có nền tảng vốn vững chắc, an toàn và chi phí thấp, mở ra tiềm năng tăng trưởng mạnh mẽ trong tương lai. Việc huy động này sẽ mở ra cơ hội hợp tác chiến lược lâu dài với các định chế tài chính quốc tế, đặt nền móng cho những thương vụ huy động vốn lớn hơn trong tương lai, đồng thời, khẳng định tầm ảnh hưởng ngày càng lớn của VPBankS trên thị trường tài chính toàn cầu.

Tỷ lệ nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu (D/E)

1,16 lần

thấp hơn so với trung bình của 30 công ty chứng khoán lớn nhất

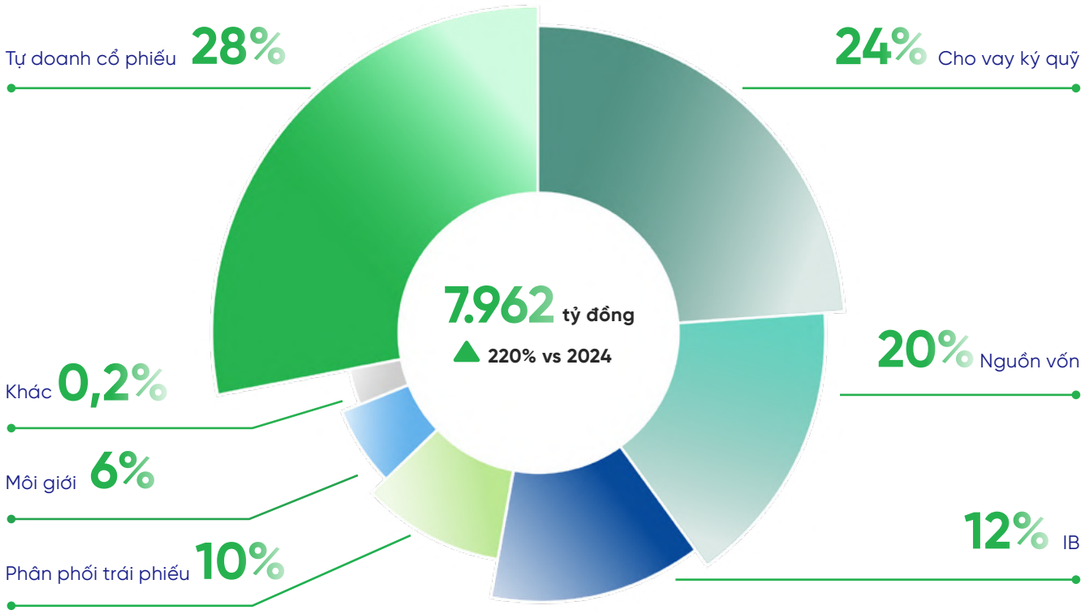


KẾT QUẢ KINH DOANH NỔI BẬT NĂM 2025 (TIẾP THEO)

Doanh thu cân bằng, hiệu quả sinh lời vượt trội

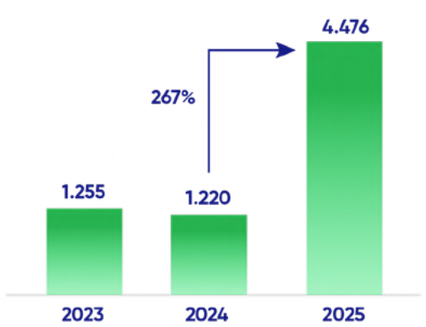
Năm 2025, VPBankS ghi nhận tổng doanh thu đạt 7.962 tỷ đồng, hơn 3 lần so với năm 2024. Lợi nhuận trước thuế đạt mức 4.476 tỷ đồng, gấp gần 4 lần cùng kỳ, vượt kế hoạch đã điều chỉnh và đứng thứ 4 toàn ngành.

Kết quả kinh doanh mạnh mẽ được đóng góp đồng đều của cả 4 mảng kinh doanh cốt lõi gồm: Ngân hàng đầu tư, cho vay ký quỹ, môi giới chứng khoán và tự doanh. Cụ thể, hoạt động cho vay margin đóng góp 24% doanh thu, phân phối trái phiếu và IB mang lại 22%, tự doanh cổ phiếu chiếm 28% và hoạt động nguồn vốn mang lại 20%.



Công tác quản trị hiệu quả nhờ kế thừa mô hình tập đoàn, chất lượng doanh thu cao nhờ tối ưu hóa được chuỗi giá trị trong các dịch vụ VPBankS cung cấp, đồng thời chi phí vốn duy trì ở mức thấp với sự hỗ trợ của ngân hàng mẹ và đối tác chiến lược SMBC, nền tảng công nghệ thông tin vững chắc, là những yếu tố quan trọng đã giúp VPBankS đạt được hiệu quả kinh doanh cao hơn đáng kể so với trung bình ngành chứng khoán. Tỷ lệ CIR của VPBankS trong năm 2025 được kiểm soát ở mức 25%, giảm mạnh so với kết quả 36,5% của năm 2024 và thấp hơn so với bình quân ngành là 43,5%. Song song, chỉ tiêu về hiệu quả sinh lời ROA và ROE của công ty lần lượt đạt 7,2% và 16,6%, đều tốt hơn trung bình ngành chứng khoán.

Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH VÀ QUẢN LÝ

Tổng số nhân viên và thu nhập bình quân của người lao động

Tại thời điểm 31/12/2025, VPBankS có
812 nhân viên

Thu nhập bình quân của cán bộ nhân viên trong năm 2025 đạt
33,2 triệu đồng/tháng

Tóm tắt những thay đổi trong chính sách với người lao động năm 2025

Trong năm 2025, VPBankS tiếp tục rà soát và hoàn thiện hệ thống chính sách tiền lương - đãi ngộ căn cứ theo dữ liệu khảo sát thị trường và định hướng chung của tập đoàn VPBank, đảm bảo phù hợp với thực tế cơ cấu chi trả lương thưởng (pay mix) theo từng nhóm chức danh tại các mảng front/mid/back (kinh doanh/quản lý và hỗ trợ/vận hành). Dữ liệu này được sử dụng làm căn cứ xác định mức lương đối với cán bộ nhân viên mới tuyển dụng, thăng chức và bổ nhiệm.

Bên cạnh đó, công ty triển khai điều chỉnh lương định kỳ năm 2025 cho toàn thể cán bộ nhân viên đủ điều kiện theo quy định, góp phần đảm bảo tính cạnh tranh, công bằng nội bộ và gắn kết người lao động.

Chương trình thưởng theo kết quả công việc cá nhân gắn với kết quả kinh doanh của đơn vị tiếp tục được duy trì và hoàn thiện, đảm bảo nguyên tắc cân bằng, phù hợp với tính chất công việc, định hướng cơ cấu chi trả lương thưởng và tiệm cận với định vị thị trường mục tiêu của VPBankS.

Các chương trình phúc lợi hiện hữu như khám sức khỏe định kỳ, bảo hiểm sức khỏe và tai nạn dành cho cán bộ nhân viên tiếp tục được duy trì với chất lượng ngày càng cao, song song với tối ưu hiệu quả ngân sách. Trong năm 2025, VPBankS tích cực phối hợp với tập đoàn triển khai các phúc lợi dài hạn vượt trội, góp phần nâng cao an sinh tài chính và tăng mức độ gắn bó lâu dài của người lao động.

Bước sang năm 2026, VPBankS tiếp tục hoàn thiện chính sách phúc lợi theo hướng thiết thực và bền vững. Theo đó, công ty chính thức điều chỉnh tăng hạn mức một số phúc lợi áp dụng từ 01/01/2026, bao gồm: Chế độ đối với cán bộ nhân viên kết hôn, tang lễ thân nhân, phúc lợi các dịp lễ, Tết, lì xì đầu năm và phụ cấp ăn ca.

Những điều chỉnh này thể hiện cam kết lâu dài của VPBankS trong việc chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ nhân viên, đồng thời tạo nền tảng nhân sự ổn định, đáp ứng chiến lược phát triển bền vững của công ty trong giai đoạn tiếp theo.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH VÀ QUẢN LÝ (TIẾP THEO)

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và công tác quản lý nhân sự năm 2025

Nhằm nâng cao hiệu quả quản trị và giảm tải cho hoạt động vận hành, VPBankS tiếp tục chuẩn hóa, số hóa và tự động hóa các quy trình nhân sự, đẩy mạnh ứng dụng hệ thống và nền tảng công nghệ trong công tác quản lý nhân sự, đào tạo, đánh giá và quản trị dữ liệu.



ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM 2026

Triển vọng vĩ mô 2026: Định hình quỹ đạo tăng trưởng mới

2026 mở đầu cho giai đoạn phát triển 2026-2030, với mục tiêu đưa Việt Nam trở thành quốc gia thu nhập trung bình cao, nền kinh tế được kỳ vọng sẽ vận động theo hướng nâng cao chất lượng tăng trưởng. Bởi vậy, 2026 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, không chỉ đối với kết quả tăng trưởng ngắn hạn mà còn trong việc định hình mô hình phát triển và quỹ đạo tăng trưởng dài hạn của nền kinh tế.

Mục tiêu tăng trưởng GDP từ 10% trở lên đặt ra thách thức lớn, nhất là khi các động lực truyền thống có dấu hiệu suy giảm và những hạn chế về năng suất, chất lượng tăng trưởng cũng như năng lực cạnh tranh ngày càng bộc lộ rõ. Bối cảnh trên đòi hỏi nền kinh tế phải bước vào giai đoạn đổi mới sâu hơn về tư duy phát triển, phương thức quản trị và phân bổ nguồn lực, đi kèm với cải cách đủ mạnh và quyết liệt để tạo dư địa tăng trưởng bền vững.

Về cơ hội và động lực dẫn dắt, đầu tư công, phát triển hạ tầng tiếp tục giữ vai trò then chốt khi chính sách tài khóa mở rộng được duy trì và hàng loạt dự án hạ tầng giao thông trọng điểm bước vào giai đoạn giải ngân cao điểm. Dòng vốn này được kỳ vọng tạo hiệu ứng lan tỏa tích cực sang các ngành xây dựng, vật liệu và bất động sản khu công nghiệp, qua đó hỗ trợ tăng trưởng trong trung hạn. Song song, dòng tín dụng với định hướng tăng trưởng theo hướng chọn lọc hơn, tập trung vào lĩnh vực sản xuất, công nghệ cao, xuất khẩu và tiêu dùng thực, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn của nền kinh tế. Bên cạnh đó, Việt Nam tiếp tục duy trì sức hấp dẫn đối với dòng vốn FDI thế hệ mới, đặc biệt trong các lĩnh vực bán dẫn, AI và năng lượng xanh nhờ môi trường đầu tư ngày càng cải thiện và xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu.

Tuy nhiên, năm 2026 cũng đặt ra nhiều thách thức cần được quản trị chặt chẽ. Mặt bằng lãi suất mới, với xu hướng cao hơn so với năm 2025 sẽ tạo áp lực lên chi phí vốn, buộc doanh nghiệp phải chú trọng hơn đến tối ưu hóa cấu trúc tài chính và hiệu quả sử dụng vốn. Bên cạnh đó, rủi ro từ môi trường bên ngoài, đặc biệt là xu hướng bảo hộ thương mại và các chính sách thuế quan khó lường từ các thị trường lớn như Mỹ, có thể ảnh hưởng đến triển vọng xuất khẩu. Trong nước, việc xử lý các tồn tại của thị trường bất động sản và nợ xấu trong hệ thống ngân hàng tiếp tục là nhiệm vụ quan trọng nhằm khơi thông nguồn lực và củng cố nền tảng cho tăng trưởng dài hạn.

2026 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, không chỉ đối với kết quả tăng trưởng ngắn hạn mà còn trong việc định hình mô hình phát triển và quỹ đạo tăng trưởng dài hạn của nền kinh tế.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRONG NĂM 2026 (TIẾP THEO)

Triển vọng thị trường chứng khoán 2026

Chỉ số VN-Index được dự báo có khả năng chạm mức 2.087 điểm trong năm 2026, nhờ sự kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế vững chắc và các cải cách thị trường quan trọng. Những yếu tố hỗ trợ chính từ trong nước bao gồm: Tăng trưởng tín dụng duy trì ở mức cao, xu hướng nợ xấu tiếp tục cải thiện và tỷ giá ổn định.

Về chính sách, năm 2026 sẽ chứng kiến những bước tiến nền tảng như triển khai cơ chế đối tác bù trừ trung tâm (CCP), xây dựng lộ trình áp dụng bắt buộc chuẩn mực báo cáo tài chính IFRS cho doanh nghiệp niêm yết, cùng với việc đơn giản hóa thủ tục mở tài khoản cho nhà đầu tư nước ngoài. Tất cả những yếu tố trên góp phần nâng cao tính minh bạch, giảm rủi ro thông tin và tăng cường thanh khoản thị trường.

Lợi nhuận doanh nghiệp niêm yết được kỳ vọng tiếp tục tăng trưởng hai con số, trong khi VN-Index hiện đang giao dịch ở mức P/E dự phóng 2026 khoảng 12 lần, thấp hơn đáng kể so với mức trung bình 10 năm là 16 lần. Với mức định giá hấp dẫn và câu chuyện nâng hạng, Việt Nam hứa hẹn có thể sẽ thu hút dòng vốn ngoại quay trở lại mua ròng, nhất là khi đang được đánh giá là một trong những thị trường nổi bật trong khu vực.

Thanh khoản thị trường dự kiến tăng trưởng mạnh mẽ, với giá trị giao dịch bình quân mỗi phiên có thể đạt khoảng 33.350 tỷ đồng, tăng 15% so với năm 2025. Thanh khoản được thúc đẩy khi môi trường chính sách tiền tệ nới lỏng tiếp tục được duy trì; triển vọng chính thức nâng hạng thị trường, đặc biệt sau đợt rà soát của FTSE Russell vào tháng 3/2026; sự xuất hiện của một số thương vụ IPO quy mô lớn và các tính năng mới từ hệ thống giao dịch KRX như giao dịch xuyên trưa. Trong kịch bản tích cực hơn, thanh khoản có thể vượt dự báo nếu số lượng thương vụ IPO tăng mạnh, hệ thống KRX được triển khai thêm nhiều tính năng (kéo dài thời gian giao dịch, rút ngắn chu kỳ thanh toán, phát triển sản phẩm mới), đồng thời các cải cách cấu trúc như CCP và đơn giản hóa thủ tục cho nhà đầu tư nước ngoài được hoàn thiện triệt để.

Nhìn chung, năm 2026 được kỳ vọng là giai đoạn thị trường chứng khoán Việt Nam tăng trưởng bền vững, dựa trên nền tảng vĩ mô ổn định và các bước cải cách mang tính đột phá.

Dự báo thanh khoản thị trường chứng khoán năm 2026

	Đơn vị	Kịch bản cơ sở	Kịch bản tích cực	Kịch bản hưng phấn
Dự báo mức cao của GTGD	Tỷ đồng/phiên	39.760	43.294	48.739
Dự báo mức cơ sở của GTGD	Tỷ đồng/phiên	33.350	37.700	43.500
Dự báo mức thấp của GTGD	Tỷ đồng/phiên	25.194	25.897	34.325

Định hướng kinh doanh năm 2026

Năm 2026, VPBankS định hướng tăng trưởng quy mô song hành với hiệu quả, chuyển trọng tâm từ mở rộng thuần túy sang phát triển dựa trên dữ liệu, nâng cao chất lượng lợi nhuận và kỷ luật tài chính, qua đó tối ưu CIR trong giai đoạn phát triển nhanh.

- Ở mảng cho vay margin và môi giới, công ty đặt mục tiêu tăng thị phần trên HoSE thông qua mở rộng dư nợ và giá trị giao dịch; nâng cao chất lượng khách hàng và hiệu quả sử dụng vốn để đảm bảo tăng trưởng bền vững. Hoạt động ngân hàng đầu tư sẽ tiếp tục tăng tốc, với trọng tâm là ECM, DCM và M&A. VPBankS sẽ đón đầu làn sóng IPO, tái cấu trúc và huy động vốn doanh nghiệp, đồng thời đóng vai trò tư vấn phát hành, phân phối trái phiếu doanh nghiệp chất lượng cao và tư vấn tổng thể về cấu trúc vốn, chiến lược tăng trưởng dài hạn cho khách hàng.

- Hướng tới mục tiêu số hóa toàn diện hành trình đầu tư và gia tăng giá trị vòng đời khách hàng, VPBankS phát triển hệ sinh thái sản phẩm đầu tư với trọng tâm là trái phiếu doanh nghiệp giao dịch trực tiếp (outright) và chứng chỉ quỹ trên nền tảng ứng dụng hoặc website. Đồng thời, bổ sung các công cụ quản lý danh mục, dòng tiền và thanh khoản nhằm nâng cao trải nghiệm cho các phân khúc khách hàng.

- Công ty tiếp tục nâng cấp nền tảng công nghệ, hệ thống giao dịch, chuẩn hóa vận hành theo thông lệ quốc tế và đẩy mạnh ứng dụng AI, dữ liệu trong cá nhân hóa sản phẩm, quản trị rủi ro và tối ưu hiệu quả vận hành. Trên phương diện quản trị, VPBankS tập trung tinh gọn quy trình, tăng tự động hóa và chuẩn hóa kiểm soát rủi ro, tạo nền tảng vận hành vững chắc cho giai đoạn tăng trưởng 2026-2030



GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Công ty kiểm toán EY không có ý kiến không chấp thuận đối với Báo cáo tài chính của VPBankS.

05 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA VPBANKS

74 Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của VPBankS

76 Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

77 Định hướng hoạt động Hội đồng Quản trị năm 2026



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA VPBANKS

Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của công ty năm 2025

Kết quả kinh doanh vượt kế hoạch

Sau 3 năm chuẩn bị kỹ lưỡng về năng lực quản trị, nguồn vốn, công nghệ và con người, VPBankS đã gặt hái hàng loạt kết quả nổi bật về cả tài chính và vị thế trên thị trường, qua đó hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh đã được điều chỉnh trong năm 2025.

Vào tháng 9/2025, VPBankS đã công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ về việc nâng kế hoạch tổng doanh thu từ 4.552 tỷ đồng lên 7.177 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 58%; đồng thời lợi nhuận trước thuế điều chỉnh từ 2.003 tỷ đồng lên 4.450 tỷ đồng, tăng 122%.

Thực tế, VPBankS đạt tổng doanh thu 7.962 tỷ đồng, gấp khoảng 3 lần cùng kỳ và vượt kế hoạch điều chỉnh cả năm. Lợi nhuận trước thuế ở mức 4.476 tỷ đồng, gấp 4 lần và cũng vượt kế hoạch.

Sự kiện IPO kỷ lục

Trong năm, VPBankS đã hoàn tất IPO với số vốn huy động gần 12.713 tỷ đồng, trở thành một trong những công ty chứng khoán có vốn chủ sở hữu lớn nhất. Đồng thời, chỉ sau chưa đầy 30 ngày, công ty cũng thực hiện niêm yết cổ phiếu trên HoSE.

Việc hoàn thành thương vụ IPO kỷ lục và niêm yết cổ phiếu giúp VPBankS củng cố nền tảng vốn, lợi thế cạnh tranh cũng như nâng cao chuẩn mực quản trị, minh bạch thông tin, tạo điều kiện để công ty mở rộng hoạt động kinh doanh, đặc biệt trong hoạt động cho vay margin và IB.

Thị phần và thương hiệu

Quý IV/2025, vượt qua nhiều tên tuổi lâu đời, VPBankS tiến vào top 10 thị phần môi giới trên sàn HoSE, chiếm 3,21%. Đồng thời, công ty cũng vươn lên top 6 về thị phần trên HNX, top 10 tại UPCoM và thị trường giao dịch phái sinh. Những kết quả này phản ánh sự tăng trưởng không chỉ về số liệu tài chính mà cả về vị thế cạnh tranh của VPBankS trong ngành chứng khoán Việt Nam.

Đánh giá của HĐQT liên quan đến tác động môi trường xã hội của công ty

HĐQT đánh giá cao những nỗ lực của VPBankS trong việc chủ động triển khai và đồng hành cùng các hoạt động vì cộng đồng, đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực trẻ, qua đó tạo ra các tác động tích cực và bền vững đối với môi trường xã hội.

Thông qua việc đồng hành cùng chương trình thiện nguyện "Mái trường cho em", công ty đã góp phần cải thiện cơ sở vật chất học đường, hỗ trợ điều kiện học tập cho học sinh tại các khu vực còn nhiều khó khăn. Chương trình thể hiện rõ cam kết trách nhiệm xã hội của VPBankS, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và tạo nền tảng phát triển lâu dài cho thế hệ tương lai.

Bên cạnh đó, công ty tích cực triển khai nhiều chương trình tài trợ, hợp tác và hướng nghiệp cho sinh viên tại các trường đại học, bao gồm tài trợ các cuộc thi học thuật, tổ chức tham quan doanh nghiệp, hội thảo chuyên môn, ngày hội việc làm và ký kết hợp tác chiến lược với các cơ sở đào tạo. Các hoạt động tiêu biểu như tài trợ cuộc thi "Behind the Data" tại Trường Đại học Hoa Sen, tham gia ngày hội việc làm; tổ chức hội thảo đào tạo kiến thức chứng khoán, hướng nghiệp cho sinh viên năm nhất, cũng như ký kết hợp tác chiến lược với Khoa Công nghệ số liên ngành-Trường Đại học Phenikaa, đã góp phần trang bị kiến thức thực tiễn, kỹ năng nghề nghiệp và định hướng tương lai cho sinh viên.

Những chương trình này không chỉ giúp sinh viên nâng cao hiểu biết về thị trường lao động và lĩnh vực chuyên môn, mà còn tạo cầu nối hiệu quả giữa nhà trường và doanh nghiệp, hỗ trợ quá trình phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội. Đồng thời, các hoạt động cũng góp phần nâng cao hình ảnh doanh nghiệp gắn liền với tri thức, đổi mới và trách nhiệm cộng đồng.

HĐQT ghi nhận chuỗi hoạt động xã hội - giáo dục trong năm đã mang lại tác động lan tỏa tích cực, thúc đẩy sự phát triển chung của cộng đồng sinh viên và xã hội. Trong thời gian tới, HĐQT sẽ tiếp tục định hướng và khuyến khích VPBankS mở rộng các chương trình hợp tác giáo dục, thiện nguyện và đào tạo, coi đây là một trụ cột quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững và cam kết đóng góp lâu dài cho xã hội.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động chung của Ban Tổng Giám đốc

HĐQT ghi nhận và đánh giá cao vai trò điều hành, năng lực quản lý và tinh thần chủ động của Ban Tổng Giám đốc trong năm 2025. Dưới sự chỉ đạo quyết liệt, linh hoạt và bám sát định hướng chiến lược đã được ĐHĐCĐ, HĐQT thông qua, Ban Tổng Giám đốc đã tổ chức triển khai hiệu quả các kế hoạch kinh doanh, qua đó hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh năm 2025, bao gồm cả phần kế hoạch được điều chỉnh tăng. Kết quả này thể hiện sự nỗ lực lớn trong việc thích ứng với bối cảnh thị trường nhiều biến động, đồng thời phản ánh hiệu quả trong công tác quản trị, điều hành và sử dụng nguồn lực.

Bên cạnh việc tập trung vào mục tiêu tăng trưởng và hiệu quả kinh doanh, Ban Tổng Giám đốc còn chú trọng thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo thông qua việc tổ chức cuộc thi đổi mới sáng tạo trong toàn công ty. Cuộc thi đã khuyến khích tinh thần sáng tạo, cải tiến quy trình, sản phẩm và mô hình hoạt động, đồng thời phát huy trí tuệ tập thể của cán bộ nhân viên. Nhiều ý tưởng có tính ứng dụng cao đã được ghi nhận, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động và tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững trong dài hạn.

HĐQT đánh giá rằng những kết quả đạt được trong năm 2025 là minh chứng rõ nét cho năng lực điều hành, tinh thần trách nhiệm và sự đồng hành của Ban Tổng Giám đốc cùng HĐQT. Trên cơ sở đó, HĐQT tin tưởng Ban Tổng Giám đốc sẽ tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được, không ngừng đổi mới, nâng cao năng lực quản trị và dẫn dắt công ty phát triển ổn định, bền vững trong các giai đoạn tiếp theo.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2026

VPBankS kỳ vọng trở thành công ty chứng khoán, ngân hàng đầu tư hàng đầu, cá nhân hóa giải pháp tài chính cho mọi phân khúc khách hàng. Công ty sẽ cung cấp các sản phẩm tài chính toàn diện thông qua nền tảng công nghệ dẫn đầu, khiến tạo giá trị thịnh vượng bền vững cho khách hàng, cổ đông và xã hội.

Theo kế hoạch 5 năm (2026–2030), tới năm 2030, VPBankS định vị trở thành công ty chứng khoán top 1 Việt Nam về tổng tài sản và lợi nhuận trước thuế, đứng top 2 về thị phần môi giới và ngân hàng đầu tư. Để đạt mục tiêu trên, VPBankS sẽ duy trì tốc độ tăng trưởng kép 32%/năm và CIR ở mức 23–25%.

Trong kế hoạch đó, năm 2026 đóng vai trò bản lề, mở đầu cho giai đoạn tăng trưởng mạnh mẽ, với mục tiêu lợi nhuận trước thuế đạt 6.453 tỷ đồng, tăng trưởng 44% so với cùng kỳ.

STT	Chỉ tiêu	Kết quả năm 2025 (tỷ đồng)	Kế hoạch 2026 (tỷ đồng)	Tăng trưởng (%)
1	Tổng doanh thu	7.962	11.074	39%
2	Tổng chi phí	3.486	4.621	32,5%
3	Lợi nhuận trước thuế	4.476	6.453	44%



06 QUẢN TRỊ CÔNG TY

80 Danh sách Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc và các giám đốc khối, trung tâm, phòng

88 Báo cáo Quản trị Công ty



THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bà
Hồ Thúy Ngà

Chủ tịch HĐQT



- **Từ tháng 9/2025 đến nay:** Chủ tịch HĐQT, VPBankS
- **Từ tháng 2/2022 đến tháng 9/2025:** Thành viên HĐQT, VPBankS
- **Từ năm 2012 đến nay:** Trưởng phòng Giám sát tín dụng/Giám đốc Điều hành Quản lý rủi ro tín dụng toàn hàng, Khối Quản trị rủi ro, VPBank
- **Từ năm 2011 đến năm 2012:** Phó Tổng Giám đốc, Công ty Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
- **Từ năm 2010 đến năm 2011:** Phó Giám đốc Trung tâm Quản trị rủi ro tín dụng, Khối Khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ, Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (Techcombank)
- **Từ năm 2008 đến năm 2009:** Trưởng phòng Thẩm định miền Bắc, Khối Khách hàng Doanh nghiệp, Techcombank
- **Từ năm 2006 đến năm 2007:** Trưởng phòng Chính sách tín dụng Hội sở, Techcombank
- **Từ năm 2005 đến năm 2006:** Phó phòng Quản lý tín dụng Hội sở, Techcombank
- **Từ năm 2004 đến năm 2005:** Trưởng phòng Doanh nghiệp, Trung tâm Kinh doanh, Techcombank
- **Từ năm 2001 đến năm 2004:** Chuyên viên tín dụng, Trung tâm Kinh doanh, Techcombank
- Thạc sỹ Tài chính, Đại học Kinh tế Quốc dân.

Ông
Vũ Hữu Điền

Phó Chủ tịch HĐQT



- **Từ tháng 12/2025 đến nay:** Phó Chủ tịch HĐQT, VPBankS
- **Từ tháng 11/2024 đến tháng 12/2025:** Tổng Giám đốc, VPBankS
- **Từ tháng 9/2025 đến nay:** Thành viên HĐQT, VPBankS
- **Từ tháng 7/2024 đến tháng 9/2025:** Chủ tịch HĐQT, VPBankS
- **Từ năm 2023 đến nay:** Chủ tịch HĐQT, CTCP Fintech AI
- **Từ năm 2000 đến năm 2024:** Chuyên viên cao cấp, Giám đốc phòng Tài chính Doanh nghiệp, Giám đốc phụ trách Danh mục đầu tư, CTCP Quản lý quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam
- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, Đại học Kinh tế và Quản trị Solvay Brussels

Ông
Nguyễn Lương Tân

Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Trung tâm Ngân hàng Đầu tư



- **Từ tháng 5/2025 đến nay:** Chủ tịch HĐQT, CTCP Thương mại Dịch vụ Mạng lưới Thông minh
- **Từ năm 2024 đến tháng 5/2025:** Thành viên HĐQT, CTCP Thương mại Dịch vụ Mạng lưới Thông minh
- **Từ năm 2024 đến nay:** Thành viên HĐQT, CTCP Be Holdings
- **Từ tháng 12/2023 đến nay:** Thành viên HĐQT, VPBankS
- **Từ năm 2023 đến nay:** Giám đốc Trung tâm Ngân hàng Đầu tư, VPBankS
- **Từ năm 2023 đến nay:** Giám đốc, Công ty TNHH Đầu tư Nhật Quang Minh
- **Từ năm 2016 đến nay:** Giám đốc, Công ty TNHH Đầu tư Tân Nhật Minh
- **Từ năm 2012 đến năm 2016:** Trợ lý Cao cấp Tổng Giám đốc, VPBank
- **Từ năm 2011 đến năm 2012:** Phó Tổng Giám đốc, CTCP Chứng khoán Sao Việt
- **Từ năm 2010 đến năm 2011:** Trưởng phòng Đầu tư, CTCP Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội
- **Từ năm 2006 đến năm 2010:** Chuyên viên, Phó phòng, Trưởng phòng Phân tích, CTCP Chứng khoán Bảo Việt
- Thạc sỹ Tài chính, Đại học Prifysgol Aberystwyth

Ông
Nguyễn Quang Trung

Thành viên HĐQT độc lập



- **Từ tháng 9/2025 đến nay:** Thành viên HĐQT độc lập, VPBankS
- **Từ tháng 8/2017 đến nay:** Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, GPBank
- **Từ tháng 4/2025 đến nay:** Thành viên Hội đồng Thành viên - Người quản lý, GPBank
- **Từ tháng 2/2025 đến tháng 4/2025:** Thành viên Hội đồng Thành viên phụ trách điều hành hoạt động của Hội đồng Thành viên – Người quản lý, GPBank
- **Từ tháng 10/2022 đến tháng 2/2025:** Thành viên Hội đồng Thành viên – Người quản lý, GPBank
- **Từ tháng 7/2013 đến tháng 10/2022:** Phó Tổng Giám đốc – Người điều hành, GPBank
- **Từ tháng 5/2009 đến tháng 6/2013:** Giám đốc PGD TT Đông Đô, GPBank
- **Từ tháng 1/2007 đến tháng 4/2009:** Giám đốc chi nhánh Nghệ An, VPBank
- **Từ tháng 10/2001 đến tháng 12/2006:** Phó Giám đốc chi nhánh Bắc Nghệ An, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (VietinBank)
- **Từ tháng 6/1998 đến tháng 9/2001:** Phó phòng Kinh doanh chi nhánh Nghệ An, VietinBank
- **Từ tháng 12/1996 đến tháng 5/1998:** Cán bộ tín dụng chi nhánh Nghệ An, VietinBank
- **Từ tháng 1/1996 đến tháng 12/1996**: Nhân viên Kế hoạch, Xí nghiệp xây dựng Công trình Ngầm, Công ty Xây dựng Lũng Lô cơ sở tại Vinh, Nghệ An.
- Thạc sỹ Tài chính, Ngân hàng và Bảo hiểm

Thay đổi thành viên Hội đồng Quản trị năm 2025

- Bà Hồ Thúy Ngà được bổ nhiệm vị trí Chủ tịch HĐQT VPBankS từ tháng 9/2025.
- Ông Vũ Hữu Điền thôi giữ vị trí Chủ tịch HĐQT VPBankS từ tháng 9/2025 và được bổ nhiệm vị trí Phó Chủ tịch HĐQT từ tháng 12/2025.
- Ông Nguyễn Quang Trung được bổ nhiệm vị trí Thành viên HĐQT độc lập từ tháng 9/2025.

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Ông
Vũ Hồng Cao



Trưởng Ban Kiểm soát

- **Từ tháng 2/2022 đến nay:** Trưởng Ban Kiểm soát, VPBankS
- **Từ tháng 4/2019 đến nay:** Thành viên Ban Kiểm soát, VPBank
- **Từ năm 1998 đến năm 2018:** Trải qua các vị trí Phó trưởng Kiểm toán Nội bộ tại VPBank; Phó trưởng Kiểm toán nội bộ tại Techcombank; Phó Giám đốc Khối phụ trách Kiểm soát Nội bộ tại Ngân hàng TMCP Quân đội (MB)
- Cử nhân Tài chính ngân hàng, Đại học Kinh tế Quốc dân

Ông
Nguyễn Hùng Cường



Thành viên Ban Kiểm soát

- **Từ tháng 4/2024 đến nay:** Thành viên Ban Kiểm soát, VPBankS
- **Từ năm 2022 đến năm 2024:** Trưởng phòng Kiểm soát Nội bộ, CTCP Chứng khoán Thủ đô
- **Từ năm 2016 đến năm 2022:** Trải qua các vị trí Chuyên viên, Trưởng Bộ phận, Trưởng phòng Kiểm toán Nội bộ tại CTCP Tập đoàn MIK Group
- **Từ năm 2010 đến năm 2016:** Trải qua các vị trí Chuyên viên Kiểm toán Nội bộ, Chuyên viên Rủi ro hoạt động tại VPBank
- **Từ năm 2008 đến năm 2010:** Trợ lý kiểm toán, Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đầu tư Tài chính Châu Á
- Cử nhân Kế toán, Đại học Thương mại; Thạc sỹ Tài chính, Ngân hàng, Bảo hiểm, Đại học Nantes, Pháp

Ông
Trần Vĩnh Khang



Thành viên Ban Kiểm soát

- **Từ tháng 8/2024 đến nay:** Thành viên Ban Kiểm soát, VPBankS
- **Từ năm 2018 đến năm 2024**: Chuyên viên Cao cấp, Khối Kiểm toán Nội bộ, VPBank
- **Từ năm 2012 đến năm 2018:** Chuyên viên Cao cấp, Phòng Kiểm tra Kiểm soát, Khối Kiểm soát Nội bộ, MB
- **Từ năm 2010 đến năm 2012:** Phó Phòng Nghiệp vụ I, Công ty TNHH Kiểm toán MHD
- Cử nhân Tài chính doanh nghiệp, Học viện Tài chính; Cử nhân Luật, Đại học Luật Hà Nội

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC GIÁM ĐỐC KHỐI, TRUNG TÂM, TRƯỞNG PHÒNG

Ông
Nhâm Hà Hải



Tổng Giám đốc

- **Từ tháng 12/2025 đến nay:** Tổng Giám đốc VPBankS
- **Từ tháng 1/2022 đến tháng 10/2025:** Tổng Giám đốc, CTCP Chứng khoán An Bình
- **Từ tháng 11/2021 đến tháng 1/2022:** Giám đốc điều hành Dự án Quản lý Tài sản, Standard Chartered Bank
- **Từ tháng 1/2015 đến tháng 10/2021:** Phó Tổng Giám đốc, CTCP Chứng khoán Kỹ Thương (TCBS)
- **Từ tháng 11/2013 đến tháng 12/2014:** Tổng Giám đốc, CTCP Quản lý Quỹ Kỹ Thương (Techcom Capital)
- Thạc sỹ Tài chính, Đại học Paris Dauphine và Trường Kinh doanh ESCP-EAP

Ông
Nguyễn Lương Tân



Thành viên HĐQT, Giám đốc Trung tâm Ngân hàng Đầu tư

- Thông tin chi tiết xem tại Chương VI. Quản trị ngân hàng, mục Danh sách Thành viên Hội đồng Quản trị - Trang 81

Bà
Nguyễn Thu Lê



Giám đốc Khối Kinh doanh

- **Từ tháng 12/2025 đến nay:** Giám đốc Khối Kinh doanh, VPBankS
- **Từ tháng 8/2023 đến tháng 12/2025:** Giám đốc Trung tâm kinh doanh 1, Khối Kinh doanh, VPBankS
- **Từ năm 2021 đến năm 2023:** Trưởng phòng cao cấp, Phòng MG Khách hàng ưu tiên, VPBankS
- Cử nhân tiếng Nhật, Đại học Quốc gia Hà Nội

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC GIÁM ĐỐC KHỐI, TRUNG TÂM, TRƯỞNG PHÒNG (TIẾP THEO)

Bà Đinh Thị Thu Hiền



Giám đốc Tài chính

- **Từ tháng 2/2022 đến nay:** Giám đốc Tài chính, VPBankS
- **Từ năm 2020 đến năm 2022:** Giám đốc Tài chính, CTCP Quản lý Quỹ Trí tuệ Việt Nam
- **Từ năm 2019 đến năm 2020:** Kế toán trưởng, CTCP Đầu tư Tài chính Hoàng Minh
- **Từ năm 2010 đến năm 2019:** Kế toán trưởng, CTCP Chứng khoán Dầu khí
- Cử nhân Tài chính ngân hàng, Học viện Tài chính; Thạc sỹ ngành Tài chính doanh nghiệp và kiểm soát quản trị, Đại học Toulon, Pháp

Bà Nguyễn Thanh Hoa



Giám đốc Nhân sự

- **Từ tháng 7/2021 đến nay:** Giám đốc Nhân sự, VPBankS
- **Từ tháng 3/2018 đến tháng 7/2021:** Giám đốc Đối tác nhân sự, Khối Quản trị Nguồn nhân lực, VPBank
- **Từ tháng 2/2016 đến tháng 11/2017:** Giám đốc Nhân sự, Công ty TNHH Venesa Việt Nam
- **Từ tháng 4/2012 đến tháng 2/2016:** Giám đốc Tuyển dụng, Khối Quản trị Nguồn nhân lực, VPBank
- Cử nhân Tài chính Ngân hàng, Đại học Kinh tế Quốc dân

Bà Nguyễn Thị Bích



Giám đốc Quản trị rủi ro

- **Từ tháng 3/2022 đến nay:** Giám đốc Quản trị rủi ro, VPBankS
- **Từ năm 2008 đến năm 2022:** Phó Phòng Chính sách Tài chính, CTCP Chứng khoán Tân Việt
- Cử nhân Toán Tài chính, Đại học Kinh tế Quốc dân

Bà Nguyễn Thị Tuyết



Giám đốc Pháp chế và tuân thủ

- **Từ năm 2023 đến nay:** Giám đốc Pháp chế và tuân thủ, VPBankS
- **Từ năm 2019 đến năm 2023:** Trưởng phòng Pháp chế và Tuân thủ, CTCP Chứng khoán Pinetree
- **Từ năm 2014 đến năm 2019:** Trưởng nhóm Pháp chế, CTCP Chứng khoán VNDirect
- Cử nhân Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

Ông Trần Đình Hiệu



Giám đốc Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính

- **Từ tháng 3/2024 đến nay:** Giám đốc Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính, VPBankS
- **Từ năm 2019 đến năm 2024:** Trưởng phòng Thẩm định đầu tư kiêm Trưởng phòng Kiểm soát tài chính công ty con và công ty liên kết, Techcombank
- **Từ năm 2017 đến năm 2019:** Kế toán Trưởng kiêm thành viên Hội đồng Rủi ro, Ngân hàng Công nghiệp Hàn Quốc chi nhánh Hà Nội
- **Từ năm 2016 đến năm 2017:** Trưởng nhóm Kế toán, Chính sách Kế toán và Báo cáo Tuân thủ, VPBank
- **Từ năm 2008 đến năm 2016:** Kiểm toán viên cao cấp, Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam
- Thạc sỹ Quản trị rủi ro tài chính – lĩnh vực ngân hàng

Bà Đoàn Ngọc Ly Ly



Giám đốc Khối Vận hành và Công nghệ thông tin

- **Từ tháng 8/2024 đến nay:** Giám đốc Khối Vận hành và Công nghệ thông tin, VPBankS
- **Từ năm 2014 đến năm 2024:** Giám đốc Vận hành, CTCP Chứng khoán SSI
- **Từ năm 2012 đến năm 2018:** Giám đốc Nhân sự, CTCP Chứng khoán SSI
- Cử nhân Kỹ thuật Điện, Đại học Bách Khoa; Thạc sỹ Quản trị Nguồn nhân lực, Đại học Quốc gia Hà Nội

TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC GIÁM ĐỐC KHỐI, TRUNG TÂM, TRƯỞNG PHÒNG (TIẾP THEO)

Bà
Hà Thị Thùy Mai



Giám đốc Kiểm soát nội bộ

- **Từ tháng 7/2025 đến nay:** Giám đốc Kiểm soát Nội bộ, VPBankS
- **Từ năm 2021 đến năm 2025:** Giám đốc Kiểm soát Nội bộ, CTCP Chứng khoán Smartmind
- **Từ năm 2015 đến năm 2021:** Kiểm toán viên cao cấp, CTCP Chứng khoán MB
- Cử nhân Tài chính ngân hàng, Học viện Ngân hàng

Ông
Ngô Hoàng Long



Giám đốc Trung tâm Phân tích

- **Từ năm 2024 đến nay:** Giám đốc Trung tâm Phân tích, VPBankS
- **Từ năm 2022 đến năm 2024:** Giám đốc Tài chính, Ngân hàng số Timo
- **Từ năm 2018 đến năm 2022:** Phó Giám đốc Phân tích, CTCP Chứng khoán Vietcap
- **Từ năm 2017 đến năm 2018:** Giám đốc Đầu tư, Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ AIA Việt Nam
- Cử nhân Thương mại, Đại học Melbourne

Bà
Bùi Thị Kim Oanh



Giám đốc Marketing và Truyền thông

- **Từ tháng 5/2025 đến nay:** Giám đốc Marketing và Truyền thông, VPBankS
- **Từ năm 2022 đến năm 2025:** Phó Giám đốc Marcom, CTCP Chứng khoán MB
- **Từ năm 2009 đến năm 2022:** Trải qua các vị trí Phó Phòng truyền thông, Phó phòng Marcom, Phó phòng Phát triển Sản phẩm Khối Khách hàng Cá nhân, Phó phòng Kế hoạch tổng hợp tại MB
- **Từ năm 2008 đến năm 2009:** Chuyên viên Hoạch định mạng lưới Khối Bán lẻ, Techcombank
- Thạc sỹ MBA

Thay đổi thành viên Tổng Giám đốc và các giám đốc khối, trung tâm, trưởng phòng năm 2025

- Ông Nhâm Hà Hải được bổ nhiệm vị trí Tổng Giám đốc VPBankS từ tháng 12/2025.
- Bà Nguyễn Thu Lê được bổ nhiệm vị trí Giám đốc Khối Kinh doanh từ tháng 12/2025.
- Bà Hà Thị Thùy Mai được bổ nhiệm vị trí Giám đốc Kiểm soát Nội bộ từ tháng 7/2025.
- Bà Bùi Thị Kim Oanh được bổ nhiệm vị trí Giám đốc Marketing và Truyền thông từ tháng 5/2025.
- Ông Vũ Hữu Điền thôi giữ vị trí Tổng Giám đốc VPBankS từ tháng 12/2025.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng Quản trị

HĐQT VPBankS gồm 4 thành viên, trong đó bao gồm 1 thành viên HĐQT độc lập. Nhiệm kỳ HĐQT là 5 năm (2022-2027). Các thông tin chi tiết về từng thành viên HĐQT được trình bày tại Chương VI, trang 80-81 của báo cáo này. HĐQT VPBankS thực hiện các vai trò, trách nhiệm và nghĩa vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ VPBankS và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Tổ chức các cuộc họp HĐQT

Trong năm 2025, HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức năng quản trị, định hướng chiến lược và giám sát hoạt động của công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. HĐQT đã tổ chức 24 cuộc họp và ban hành 144 nghị quyết. Cụ thể, danh sách các nghị quyết HĐQT như sau:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2025/NQ-HĐQT	3/1/2025	Thông qua việc tổ chức phát hành xin ý kiến người sở hữu trái phiếu	100%
2	02/2025/NQ-HĐQT	6/1/2025	Thông qua giao dịch với người có liên quan	100%
3	03/2025/NQ-HĐQT	6/1/2025	Thông qua giao dịch vay hợp vốn	100%
4	04/2025/NQ-HĐQT	13/1/2025	Thông qua việc tổ chức phát hành xin ý kiến người sở hữu trái phiếu	100%
5	05/2025/NQ-HĐQT	22/1/2025	Thông qua việc xin ý kiến cổ đông bằng văn bản	100%
6	06/2025/NQ-HĐQT	23/1/2025	Thông qua việc đầu tư thứ cấp trái phiếu	100%
7	07/2025/NQ-HĐQT	12/2/2025	Thông qua phương án phát hành chứng quyền có đảm bảo	100%
8	08/2025/NQ-HĐQT	12/2/2025	Thông qua việc thanh toán CR 2023	100%
9	08A/2025/NQ-HĐQT	17/2/2025	Thông qua việc gia hạn thời gian nhận phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	100%
10	09/2025/NQ-HĐQT	19/2/2025	Thông qua việc thành lập các hội đồng trực thuộc TGĐ và Quy chế hoạt động	100%
11	10/2025/NQ-HĐQT	20/2/2025	Thông qua phương án đầu tư cổ phiếu	100%
12	11/2025/NQ-HĐQT	20/2/2025	Thông qua việc phê duyệt chủ trương triển khai mua sắm	100%
13	12/2025/NQ-HĐQT	28/2/2025	Thông qua việc phê duyệt chủ trương triển khai mua sắm	100%
14	13/2025/NQ-HĐQT	3/3/2025	Thông qua hạn mức đầu tư hợp đồng tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi	100%
15	14/2025/NQ-HĐQT	4/3/2025	Thông qua thẩm quyền liên quan đến kinh doanh cổ phiếu	100%
16	15/2025/NQ-HĐQT	5/3/2025	Thông qua về việc thẩm quyền quyết định hiệu quả sử dụng vốn	100%
17	16/2025/NQ-HĐQT	13/3/2025	Thông qua việc nâng tổng mức cho vay giao dịch ký quỹ	100%
18	17/2025/NQ-HĐQT	18/3/2025	Thông qua việc tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên	100%
19	18/2025/NQ-HĐQT	20/3/2025	Thông qua việc nâng tổng mức cho vay giao dịch ký quỹ	100%
20	19/2025/NQ-HĐQT	20/3/2025	Thông qua việc đầu tư chứng chỉ tiền gửi	100%
21	20/2025/NQ-HĐQT	21/3/2025	Thông qua sửa đổi nội dung quy định tại nghị quyết 14/2025/NQ-HĐQT	100%
22	21/2025/NQ-HĐQT	26/3/2025	Thông qua việc nâng tổng mức cho vay giao dịch ký quỹ	100%
23	22/2025/NQ-HĐQT	26/3/2025	Thông qua điều chỉnh nội dung NQ 38a/2024/NQ-HĐQT	100%

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
24	23/2025/NQ-HĐQT	21/04/2025	Thông qua giao dịch với người có liên quan	100%
25	23A/2025/NQ-HĐQT	24/04/2025	Thông qua hạn mức cho vay giao dịch ký quỹ	100%
26	24/2025/NQ-HĐQT	25/04/2025	Thông qua giao dịch với người có liên quan	100%
27	25/2025/NQ-HĐQT	28/04/2025	Thông qua việc đầu tư chứng chỉ tiền gửi	100%
28	26/2025/NQ-HĐQT	29/04/2025	Thông qua việc thuê văn phòng	100%
29	27/2025/NQ-HĐQT	29/04/2025	Thông qua thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	100%
30	28/2025/NQ-HĐQT	6/5/2025	Thông qua việc quản lý và vận hành trái phiếu	100%
31	29/2025/NQ-HĐQT	9/5/2025	Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán 2025	100%
32	30/2025/NQ-HĐQT	20/5/2025	Thông qua việc mua sắm	100%
33	31/2025/NQ-HĐQT	21/5/2025	Thông qua việc quản lý và vận hành trái phiếu	100%
34	32/2025/NQ-HĐQT	27/5/2025	Thông qua việc mua sắm	100%
35	33/2025/NQ-HĐQT	28/5/2025	Thông qua việc mua sắm	100%
36	34/2025/NQ-HĐQT	28/5/2025	Thông qua việc mua sắm	100%
37	35/2025/NQ-HĐQT	28/5/2025	Thông qua việc bổ nhiệm nhân sự	100%
38	36/2025/NQ-HĐQT	6/6/2025	Thông qua chủ trương đầu tư	100%
39	37/2025/NQ-HĐQT	16/6/2025	Thông qua việc giao dịch trái phiếu với người có liên quan	100%
40	38/2025/NQ-HĐQT	17/6/2025	Thông qua việc thành lập Chi nhánh	100%
41	39/2025/NQ-HĐQT	18/6/2025	Thông qua việc cầm cố thế chấp tài sản để vay vốn	100%
42	40/2025/NQ-HĐQT	19/6/2025	Thông qua việc hủy bỏ mã chứng quyền	100%
43	41/2025/NQ-HĐQT	23/6/2025	Thông qua phương án đầu tư cổ phiếu	100%
44	42/2025/NQ-HĐQT	23/6/2025	Thông qua hạn mức cho vay giao dịch ký quỹ	100%
45	43/2025/NQ-HĐQT	25/6/2025	Thông qua hạn mức cho vay giao dịch ký quỹ	100%
46	44/2025/NQ-HĐQT	25/6/2025	Thông qua chủ trương đầu tư	100%
47	45/2025/NQ-HĐQT	25/6/2025	Thông qua chủ trương đầu tư	100%
48	46/2025/NQ-HĐQT	27/6/2025	Thông qua phương án đầu tư	100%
49	46A/2025/NQ-HĐQT	27/6/2025	Thông qua chiến lược công nghệ thông tin	100%
50	47/2025/NQ-HĐQT	30/6/2025	Thông qua phương án đầu tư	100%
51	47A/2025/NQ-HĐQT	30/6/2025	Thông qua phương án đầu tư	100%
52	48A/2025/NQ-HĐQT	1/7/2025	Thông qua các gói mua sắm để cung cấp dịch vụ tư vấn	100%
53	48/2025/NQ-HĐQT	3/7/2025	Thông qua hạn mức cho vay giao dịch ký quỹ	100%
54	49/2025/NQ-HĐQT	4/7/2025	Thông qua thẩm quyền đầu tư	100%
55	50/2025/NQ-HĐQT	9/7/2025	Thông qua thẩm quyền hạn mức cho vay giao dịch ký quỹ	100%
56	51/2025/NQ-HĐQT	10/7/2025	Thông qua thẩm quyền hạn mức cho vay giao dịch ký quỹ	100%
57	52/2025/NQ-HĐQT	24/7/2025	Thông qua thay đổi thông tin người đại diện pháp luật	100%
58	53/2025/NQ-HĐQT	24/7/2025	Thông qua việc tổ chức phát hành xin ý kiến người sở hữu trái phiếu	100%
59	54/2025/NQ-HĐQT	25/7/2025	Thông qua chiến lược phát triển sản phẩm 2025-2028	100%
60	55/2025/NQ-HĐQT	28/7/2025	Thông qua thẩm quyền đầu tư	100%
61	56/2025/NQ-HĐQT	12/8/2025	Thông qua các nội dung xin ý kiến người sở hữu trái phiếu	100%
62	57/2025/NQ-HĐQT	12/8/2025	Thông qua các nội dung xin ý kiến người sở hữu trái phiếu	100%
63	58/2025/NQ-HĐQT	15/8/2025	Thông qua việc ký hợp đồng với bên có liên quan	100%

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY (TIẾP THEO)

Tổ chức các cuộc họp HĐQT (Tiếp theo)

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
64	59/2025/NQ-HĐQT	15/8/2025	Thông qua thẩm quyền đầu tư	100%
65	60/2025/NQ-HĐQT	18/8/2025	Thông qua việc xin ý kiến cổ đông bằng văn bản	100%
66	61/2025/NQ-HĐQT	21/8/2025	Thông qua việc thành lập phòng giao dịch	100%
67	62/2025/NQ-HĐQT	21/8/2025	Thông qua việc thuê văn phòng	100%
68	63/2025/NQ-HĐQT	22/8/2025	Thông qua việc thoái vốn đầu tư	100%
69	64/2025/NQ-HĐQT	22/8/2025	Thông qua việc thoái vốn đầu tư	100%
70	65/2025/NQ-HĐQT	22/8/2025	Thông qua điều kiện đầu tư	100%
71	66A/2025/NQ-HĐQT	25/8/2025	Thông qua chủ trương cung cấp dịch vụ và đầu tư	100%
72	66/2025/NQ-HĐQT	25/8/2025	Thông qua Quy chế Công bố thông tin	100%
73	67/2025/NQ-HĐQT	25/8/2025	Thông qua việc phát hành chứng quyền	100%
74	68/2025/NQ-HĐQT	26/8/2025	Thông qua việc chấp thuận đầu tư	100%
75	69/2025/NQ-HĐQT	27/8/2025	Thông qua việc xin ý kiến người sở hữu trái phiếu	100%
76	69A/2025/NQ-HĐQT	27/8/2025	Thông qua các tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	100%
77	70/2025/NQ-HĐQT	3/9/2025	Thông qua việc triển khai phương án IPO	100%
78	71/2025/NQ-HĐQT	3/9/2025	Thông qua hồ sơ đăng ký IPO	100%
79	72/2025/NQ-HĐQT	3/9/2025	Thông qua hồ sơ đăng ký IPO thay thế NQ 71/2025 - Hồ sơ đăng ký IPO	100%
80	73/2025/NQ-HĐQT	3/9/2025	Thông qua các khoản chi phí	100%
81	74/2025/NQ-HĐQT	3/9/2025	Thông qua các khoản chi phí	100%
82	75/2025/NQ-HĐQT	8/9/2025	Thông qua phương án đầu tư	100%
83	76/2025/NQ-HĐQT	8/9/2025	Thông qua phương án đầu tư	100%
84	77/2025/NQ-HĐQT	12/9/2025	Thông qua phương án đầu tư	100%
85	78/2025/NQ-HĐQT	12/9/2025	Thông qua thẩm quyền đầu tư	100%
86	79/2025/NQ-HĐQT	12/9/2025	Thông qua thẩm quyền hoạt động kinh doanh chứng khoán cơ sở	100%
87	80/2025/NQ-HĐQT	12/9/2025	Thông qua việc mua sắm	100%
88	81/2025/NQ-HĐQT	15/9/2025	Thông qua chiến lược 5 năm giai đoạn 2026-2030	100%
89	82/2025/NQ-HĐQT	15/9/2025	Thông qua việc miễn nhiệm bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT	100%
90	83/2025/NQ-HĐQT	16/9/2025	Thông qua hạn mức cho vay giao dịch ký quỹ	100%
91	84/2025/NQ-HĐQT	16/9/2025	Thông qua phương án đầu tư	100%
92	85/2025/NQ-HĐQT	16/9/2025	Thông qua việc cử người đại diện phần vốn góp	100%
93	86/2025/NQ-HĐQT	17/9/2025	Thông qua Phụ lục đổi tên Hội đồng Đầu tư thành Ủy ban Đầu tư	100%
94	87/2025/NQ-HĐQT	18/9/2025	Thông qua phương án phát hành trái phiếu	100%
95	88/2025/NQ-HĐQT	18/9/2025	Thông qua ngân sách chi phí	100%
96	89/2025/NQ-HĐQT	24/9/2025	Thông qua việc tổ chức phát hành xin ý kiến người sở hữu trái phiếu	100%
97	90/2025/NQ-HĐQT	24/9/2025	Thông qua việc tổ chức phát hành xin ý kiến người sở hữu trái phiếu	100%
98	91/2025/NQ-HĐQT	25/9/2025	Thông qua điều chỉnh phương án IPO	100%

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
99	92/2025/NQ-HĐQT	25/9/2025	Thông qua điều chỉnh hồ sơ IPO	100%
100	93/2025/NQ-HĐQT	26/9/2025	Thông qua phương án đầu tư	100%
101	94/2025/NQ-HĐQT	26/9/2025	Thông qua hạn mức cho vay giao dịch ký quỹ	100%
102	95/2025/NQ-HĐQT	29/09/2025	Thông qua phương án đầu tư	100%
103	96/2025/NQ-HĐQT	10/10/2025	Thông qua mở tài khoản nhà đầu tư và tài khoản thanh toán với GPBank	100%
104	97/2025/NQ-HĐQT	20/10/2025	Thông qua phương án đầu tư	100%
105	100/2025/NQ-HĐQT	22/10/2025	Thông qua giao dịch vay hợp vốn với người có liên quan	100%
106	101/2025/NQ-HĐQT	23/10/2025	Thông qua nội dung khoản vay hợp vốn	100%
107	102/2025/NQ-HĐQT	28/10/2025	Thông qua việc mua sắm	100%
108	103/2025/NQ-HĐQT	28/10/2025	Thông qua quy chế cho vay giao dịch ký quỹ	100%
109	104/2025/NQ-HĐQT	29/10/2025	Thông qua hợp đồng hợp tác với GPBank	100%
110	105/2025/NQ-HĐQT	30/10/2025	Thông qua nội dung cho vay giao dịch ký quỹ	100%
111	106/2025/NQ-HĐQT	30/10/2025	Thông qua việc tổ chức phát hành xin ý kiến người sở hữu trái phiếu	100%
112	107/2025/NQ-HĐQT	6/11/2025	Thông qua thuê văn phòng HCM	100%
113	108/2025/NQ-HĐQT	10/11/2025	Thông qua phương án xử lý cổ phiếu chưa phân phối hết trong đợt chào bán IPO	100%
114	109/2025/NQ-HĐQT	12/11/2025	Thông qua kết quả chào bán IPO	100%
115	110/2025/NQ-HĐQT	14/11/2025	Thông qua phương án đầu tư	100%
116	111/2025/NQ-HĐQT	18/11/2025	Thông qua việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị kiêm Thư ký Công ty	100%
117	112/2025/NQ-HĐQT	18/11/2025	Thông qua phương án sử dụng vốn chi tiết sau IPO	100%
118	112A/2025/NQ-HĐQT	21/11/2025	Thông qua phương án đầu tư	100%
119	113/2025/NQ-HĐQT	27/11/2025	Thông qua phương án đầu tư	100%
120	114/2025/NQ-HĐQT	1/12/2025	Thông qua việc tổ chức sự kiện	100%
121	115/2025/NQ-HĐQT	1/12/2025	Thông qua việc mua sắm	100%
122	116/2025/NQ-HĐQT	2/12/2025	Thông qua giá tham chiếu cổ phiếu VPBankS vào ngày giao dịch đầu tiên trên HoSE	100%
123	116A/2025/NQ-HĐQT	3/12/2025	Thông qua việc lựa chọn nhà cung cấp	100%
124	117/2025/NQ-HĐQT	3/12/2025	Thông qua quy mô danh mục đầu tư	100%
125	117A/2025/NQ-HĐQT	12/12/2025	Thông qua hạn mức cho vay giao dịch ký quỹ	100%
126	118/2025/NQ-HĐQT	15/12/2025	Thông qua việc miễn nhiệm, bổ nhiệm	100%
127	119/2025/NQ-HĐQT	15/12/2025	Thông qua việc miễn nhiệm bổ nhiệm	100%
128	120/2025/NQ-HĐQT	15/12/2025	Thông qua việc nội dung ủy quyền	100%
129	121/2025/NQ-HĐQT	15/12/2025	Thông qua việc bổ nhiệm nhân sự	100%
130	122/2025/NQ-HĐQT	15/12/2025	Thông qua phương án đầu tư	100%
131	123/2025/NQ-HĐQT	15/12/2025	Thông qua việc nội dung ủy quyền	100%
132	124/2025/NQ-HĐQT	15/12/2025	Thông qua việc sửa đổi Nghị quyết về đầu tư chứng khoán niêm yết	100%
133	125/2025/NQ-HĐQT	17/12/2025	Thông qua việc nâng hạn mức cho vay ký quỹ	100%
134	126/2025/NQ-HĐQT	22/12/2025	Thông qua việc tham gia đấu giá cổ phần	100%

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY (TIẾP THEO)

Tổ chức các cuộc họp HĐQT (Tiếp theo)

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
135	126A/2025/NQ-HĐQT	24/12/2025	Thông qua việc vay vốn	100%
136	127/2025/NQ-HĐQT	26/12/2025	Thông qua nội dung liên quan đến phát hành trái phiếu VPBankS	100%
137	128/2025/NQ-HĐQT	26/12/2025	Thông qua việc điều chỉnh Nghị quyết số 88/2025/NQ-HĐQT	100%
138	128A/2025/NQ-HĐQT	26/12/2025	Thông qua thay đổi điều kiện đầu tư	100%
139	129/2025/NQ-HĐQT	29/12/2025	Thông qua phương án đầu tư	100%
140	130/2025/NQ-HĐQT	31/12/2025	Thông qua phương án đầu tư	100%
141	131/2025/NQ-HĐQT	31/12/2025	Thông qua việc chi trả lương của cán bộ nhân viên	100%
142	132/2025/NQ-HĐQT	31/12/2025	Thông qua phương án đầu tư	100%
143	133/2025/NQ-HĐQT	31/12/2025	Thông qua phương án đầu tư	100%
144	134/2025/NQ-HĐQT	31/12/2025	Thông qua phương án đầu tư	100%

HĐQT ghi nhận rằng các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp, thể hiện tinh thần trách nhiệm, sự cam kết và tính chuyên nghiệp trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao. Sự tham gia tích cực của các thành viên đã góp phần nâng cao chất lượng thảo luận, quyết sách và hiệu quả hoạt động chung của HĐQT trong năm 2025.

Các nghị quyết được thông qua trong năm tập trung vào nhiều nội dung trọng yếu, có ý nghĩa quan trọng đối với hoạt động và định hướng phát triển của công ty. Trong đó, HĐQT đã xem xét và thông qua các nội dung liên quan đến tổ chức ĐHĐCĐ thường niên, đảm bảo việc chuẩn bị và triển khai đại hội đúng quy định, minh bạch và hiệu quả. Đồng thời, HĐQT đã thảo luận và cho ý kiến đối với phương án IPO, bao gồm các định hướng, lộ trình và nội dung chuẩn bị cần thiết, tạo nền tảng cho chiến lược huy động vốn và phát triển trong giai đoạn tiếp theo.

Bên cạnh đó, HĐQT đặc biệt chú trọng công tác kiện toàn bộ máy nhân sự cấp cao, bao gồm vị trí Tổng Giám đốc và Thành viên HĐQT, thông qua các quyết định liên quan đến bổ nhiệm, miễn nhiệm và sắp xếp nhân sự quản lý chủ chốt, nhằm nâng cao năng lực quản trị, tăng cường hiệu quả điều hành và đảm bảo sự ổn định, tính kế thừa trong bộ máy lãnh đạo.



Thiết lập Ủy ban Đầu tư

Trong năm 2025 đến tháng 3/2026, Ủy ban Đầu tư bao gồm 3 thành viên, bao gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Ủy ban Đầu tư
1	Hồ Thúy Ngà	Chủ tịch Ủy ban Đầu tư
2	Vũ Hữu Điển	Thành viên Ủy ban Đầu tư
3	Phạm Thanh Huyền	Thành viên Ủy ban Đầu tư

Từ ngày 2/3/2026, nhân sự Ủy ban Đầu tư có sự thay đổi, bao gồm 5 thành viên:

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Ủy ban Đầu tư
1	Nguyễn Thanh Bình	Chủ tịch Ủy ban Đầu tư
2	Hồ Thúy Ngà	Phó Chủ tịch Ủy ban Đầu tư
3	Nhâm Hà Hải	Thành viên Ủy ban Đầu tư
4	Phạm Thanh Huyền	Thành viên Ủy ban Đầu tư
5	Chu Anh Thi	Thành viên Ủy ban Đầu tư

HĐQT đã thành lập Ủy ban Đầu tư nhằm hỗ trợ HĐQT trong hoạt động đầu tư. Trong năm 2025, Ủy ban Đầu tư đã thực hiện đầy đủ chức năng tham mưu, thẩm định và giám sát các hoạt động đầu tư của công ty theo phân công của HĐQT, góp phần đảm bảo các quyết định đầu tư phù hợp với chiến lược phát triển, kiểm soát rủi ro và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

Ủy ban Đầu tư đã phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng Giám đốc trong việc xem xét, đánh giá và thẩm định các cơ hội đầu tư. Các nội dung thẩm định tập trung vào tính khả thi, hiệu quả tài chính, mức độ rủi ro, khả năng thu hồi vốn và sự phù hợp với định hướng chiến lược trung và dài hạn của công ty trước khi trình HĐQT xem xét, quyết định.

Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

Thành viên HĐQT độc lập của VPBankS được bổ nhiệm ngày 15/09/2025, đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định đối với công ty đại chúng, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty.

Kể từ thời điểm được bổ nhiệm, Thành viên HĐQT độc lập đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, nghiên cứu kỹ lưỡng các tài liệu, tích cực tham gia thảo luận và đóng góp ý kiến đối với các vấn đề quan trọng liên quan đến chiến lược, quản trị, hoạt động đầu tư và tổ chức bộ máy của công ty.

Với vai trò độc lập, Thành viên HĐQT đã thực hiện chức năng phản biện, giám sát và tư vấn, góp phần nâng cao tính khách quan, minh bạch trong quá trình ra quyết định của HĐQT, đồng thời bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, đặc biệt là cổ đông thiểu số.

BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY (TIẾP THEO)

Hoạt động đào tạo về quản trị công ty

Trong năm 2025, công ty chú trọng triển khai các chương trình đào tạo về quản trị công ty nhằm nâng cao năng lực quản trị, điều hành và tuân thủ cho HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và đội ngũ quản lý. Các nội dung đào tạo được lựa chọn theo hướng thiết thực, cập nhật xu hướng quản trị hiện đại và đáp ứng yêu cầu quản trị đối với doanh nghiệp trong bối cảnh phát triển và hội nhập.

Cụ thể, công ty đã tổ chức và/hoặc cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo về Agile, giúp nâng cao tư duy linh hoạt, khả năng thích ứng nhanh và hiệu quả trong quản trị và điều hành. Bên cạnh đó, các chương trình đào tạo về quản trị doanh nghiệp bằng văn hóa đã góp phần củng cố giá trị cốt lõi, tăng cường sự gắn kết nội bộ và xây dựng nền tảng văn hóa doanh nghiệp bền vững.

Ngoài ra, công ty cũng chú trọng công tác tuân thủ và quản trị rủi ro thông qua các khóa đào tạo về phòng, chống rửa tiền; khóa học quản trị rủi ro giúp nâng cao nhận thức, trách nhiệm và năng lực thực thi các quy định pháp luật liên quan. Song song, các chương trình đào tạo về xây dựng thói quen làm việc hiệu quả đã hỗ trợ đội ngũ quản lý và nhân sự nâng cao năng suất, kỷ luật và hiệu quả công việc.

HĐQT đánh giá rằng các hoạt động đào tạo quản trị công ty trong năm đã được triển khai phù hợp, góp phần nâng cao chất lượng quản trị, hiệu quả điều hành và năng lực tuân thủ, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển ổn định và bền vững của công ty trong thời gian tới.

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát VPBankS gồm Trưởng Ban Kiểm soát và 2 thành viên. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát có thời hạn tương đương nhiệm kỳ của HĐQT là 5 năm (2022-2027). Các thông tin chi tiết về từng thành viên Ban Kiểm soát được trình bày tại Chương VI, trang 82 của báo cáo này.

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã tổ chức 7 cuộc họp để triển khai các công việc theo chức năng, nhiệm vụ. Tại các cuộc họp, Ban Kiểm soát đã trao đổi về việc thực hiện nhiệm vụ trọng tâm hàng quý và định hướng cho Bộ phận Kiểm toán Nội bộ các công tác liên quan. Tỷ lệ tham dự các cuộc họp và tỷ lệ biểu quyết đạt 100%. Ban Kiểm soát VPBankS thực hiện các vai trò, trách nhiệm và nghĩa vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ VPBankS và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã thực hiện một số hoạt động chính:

Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc

Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát tập trung vào các nội dung liên quan đến trách nhiệm của Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát, bao gồm: Công tác quản trị điều hành của VPBankS; việc thực hiện của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc với các định hướng, mục tiêu và chỉ tiêu kinh doanh đã được ĐHĐCĐ thông qua; các nội dung khác theo quy định của pháp luật.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc

HĐQT, Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát đã có cơ chế phối hợp phù hợp trong các hoạt động giám sát, kiểm tra, kiểm soát; đảm bảo Ban Kiểm soát triển khai và hoàn thành nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế tổ chức hoạt động của Ban Kiểm soát. Các ý kiến, kiến nghị của Ban Kiểm soát và Bộ phận Kiểm toán Nội bộ đã được Ban Tổng Giám đốc ghi nhận và thực hiện các giải pháp khắc phục liên quan. Trong năm, Ban Kiểm soát đã tham gia một số cuộc họp HĐQT, các hội đồng để kịp thời cập nhật thông tin cho mục đích giám sát. Ban Kiểm soát đã phối hợp với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong chỉ đạo/triển khai thực hiện các yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước, giám sát và đôn đốc, khắc phục các vấn đề theo kết luận của cơ quan quản lý (nếu có).

Thực hiện thẩm định báo cáo tài chính năm và giữa niên độ của VPBankS theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của VPBankS

Các chức năng nhiệm vụ khác của Ban Kiểm soát

Ngoài ra, Ban Kiểm soát đã chỉ đạo Bộ phận Kiểm toán Nội bộ thực hiện một số công việc và nội dung nhằm đáp ứng các yêu cầu chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát như: Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan của Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc; giám sát tình hình tài chính; rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty...

Hoạt động của Bộ phận Kiểm toán Nội bộ

Tại VPBankS, Bộ phận Kiểm toán Nội bộ là đơn vị trực thuộc Ban Kiểm soát, đóng vai trò tuyến bảo vệ thứ 3 trong mô hình 3 tuyến bảo vệ; thực hiện rà soát, đánh giá độc lập khách quan về tính thích hợp và sự tuân thủ cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ của VPBankS; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm công ty chứng khoán hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật. Bộ phận Kiểm toán Nội bộ có nhiệm vụ thực hiện các cuộc kiểm toán nội bộ; theo dõi đánh giá việc thực hiện các kiến nghị kiểm toán nội bộ và các công việc khác liên quan đến chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát theo chỉ đạo phân công từng thời kỳ của Ban Kiểm soát.



BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY (TIẾP THEO)

Giao dịch và Thù lao

Thù lao, lương, thưởng của HĐQT, Ban Kiểm soát

Thù lao của HĐQT và Ban Kiểm soát trong năm 2025 đã được ĐHĐCĐ thường niên VPBankS phê duyệt là 900 triệu đồng. Việc chi trả thù lao được thực hiện theo đúng nghị quyết của ĐHĐCĐ, phù hợp với quy mô hoạt động, khối lượng công việc và trách nhiệm của HĐQT và Ban Kiểm soát trong công tác quản trị, giám sát hoạt động của công ty.

Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm 2025, HĐQT đã xem xét và thông qua các giao dịch với các bên liên quan theo đúng thẩm quyền, quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đảm bảo nguyên tắc minh bạch, khách quan và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của công ty và cổ đông.

Cụ thể, HĐQT đã thông qua các giao dịch phát sinh giữa công ty với VPBank, GPBank, OPES, SMBC và người có liên quan khác. Những giao dịch này được thực hiện trên cơ sở nhu cầu hoạt động kinh doanh thực tế, phù hợp với điều kiện thị trường, tuân thủ nguyên tắc giao dịch độc lập và không gây xung đột lợi ích.

Việc thông qua và triển khai các giao dịch với bên liên quan góp phần hỗ trợ hoạt động kinh doanh của công ty, đồng thời đảm bảo tính minh bạch và kỷ luật trong quản trị doanh nghiệp.

Hoạt động quan hệ nhà đầu tư

VPBankS chính thức niêm yết cổ phiếu trên HoSE từ ngày 11/12/2025, đánh dấu cột mốc quan trọng trong lộ trình phát triển, khẳng định cam kết nâng cao tính minh bạch và tuân thủ các chuẩn mực quản trị của doanh nghiệp đại chúng.

Với định hướng tối đa hóa lợi ích cổ đông, VPBankS chú trọng triển khai đồng bộ các hoạt động quan hệ nhà đầu tư (Investor Relations – IR) nhằm tăng cường minh bạch thông tin, bảo vệ quyền lợi của cổ đông, đồng thời bảo đảm sự công bằng giữa các nhóm nhà đầu tư. Thông qua việc chủ động cung cấp thông tin và tăng cường kết nối với cộng đồng đầu tư, công ty tiếp tục củng cố niềm tin của cổ đông hiện hữu, mở rộng tiếp cận tới các nhà đầu tư tiềm năng, qua đó từng bước xây dựng hình ảnh VPBankS là một doanh nghiệp niêm yết minh bạch, chuyên nghiệp trên thị trường vốn Việt Nam và khu vực.

Minh bạch hóa thông tin

Hoạt động quan hệ nhà đầu tư được VPBankS xác định là một cấu phần quan trọng trong công tác quản trị doanh nghiệp, đóng vai trò cầu nối giữa công ty với cổ đông và cộng đồng nhà đầu tư. Theo đó, VPBankS đã xây dựng và vận hành quy trình công bố thông tin tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn của Chính phủ, Bộ Tài chính, UBCKNN và quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán, bảo đảm nguyên tắc minh bạch, kịp thời và công bằng cho cổ đông và nhà đầu tư. Trong giai đoạn đầu sau khi niêm yết, bộ phận quan hệ nhà đầu tư đóng vai trò đầu mối tiếp nhận, xử lý và phản hồi các yêu cầu, thắc mắc của cổ đông và nhà đầu tư thông qua nhiều kênh như điện thoại, thư điện tử và các buổi gặp gỡ trực tiếp.

Bên cạnh đó, trang thông tin điện tử của công ty tại địa chỉ **www.vpbanks.com.vn** là kênh công bố thông tin chính thức, cung cấp đầy đủ các thông tin dành cho cổ đông và nhà đầu tư, bao gồm dữ liệu tài chính, tài liệu họp, Điều lệ, Quy chế quản trị công ty và các báo cáo định kỳ, báo cáo công bố thông tin kể từ khi thành lập. Báo cáo Thường niên được phát hành hằng năm, cung cấp cái nhìn toàn diện về chiến lược phát triển, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và công tác quản trị. Đồng thời, VPBankS triển khai website song ngữ từ cuối năm 2025 nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư trong nước và quốc tế tiếp cận thông tin một cách kịp thời và hiệu quả.

Tăng cường kết nối nhà đầu tư

Trong năm 2025, VPBankS đã tích cực triển khai các hoạt động tiếp xúc nhà đầu tư trong và ngoài nước để gia tăng độ phủ trong cộng đồng đầu tư. Công ty tổ chức các chương trình roadshow quốc tế tại Thái Lan, Singapore, Hong Kong (Trung Quốc) và Vương quốc Anh, với hơn 50 buổi gặp gỡ và làm việc cùng các quỹ đầu tư và nhà đầu tư tổ chức quốc tế (bao gồm cả onshore và offshore). Tại thị trường trong nước, VPBankS tổ chức chương trình IPO roadshow với sự tham gia của khoảng 1.000 nhà đầu tư cá nhân và tổ chức. Các buổi làm việc đều có sự tham dự của Ban Lãnh đạo cấp cao, qua đó giúp nhà đầu tư có cái nhìn toàn diện về hoạt động kinh doanh hiện tại cũng như chiến lược phát triển dài hạn của Công ty.

Song song với các chương trình roadshow, VPBankS đa dạng hóa hình thức tiếp xúc nhà đầu tư thông qua các hội thảo chuyên đề, buổi gặp gỡ trực tiếp và trao đổi định kỳ qua điện đàm. Kế thừa kinh nghiệm quản trị theo mô hình tập đoàn và định hướng minh bạch thông tin, VPBankS đã tổ chức thành công chương trình Gặp gỡ Nhà đầu tư công bố Kết quả kinh doanh Quý IV/2025 cùng với ngân hàng mẹ VPBank. Các thông tin cập nhật về kết quả hoạt động kinh doanh được gửi tới cổ đông và công bố rộng rãi trên các kênh thông tin chính thức, đồng thời cung cấp cho các cơ quan thông tấn, báo chí, nhằm bảo đảm nhà đầu tư cá nhân và tổ chức tiếp cận thông tin kịp thời và đầy đủ.

Thông qua các hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư, VPBankS không chỉ cung cấp thông tin minh bạch về chiến lược và kết quả kinh doanh, mà còn chủ động lắng nghe ý kiến phản hồi từ thị trường, góp phần củng cố niềm tin của nhà đầu tư và từng bước nâng cao chất lượng công tác IR theo các thông lệ tốt trên thị trường vốn.



Định hướng hoạt động quản trị và quan hệ nhà đầu tư

Năm 2026 đánh dấu giai đoạn phát triển mới của VPBankS với tư cách doanh nghiệp niêm yết. Công ty cam kết hoàn thiện hệ thống quản trị theo chuẩn mực công ty đại chúng, tuân thủ chặt chẽ quy định pháp luật và từng bước tiếp cận thông lệ quốc tế, nâng cao tính minh bạch và hiệu quả điều hành.

Đối với hoạt động quan hệ nhà đầu tư, VPBankS định hướng xây dựng một nền tảng IR chuyên nghiệp, chủ động và minh bạch. Bên cạnh việc thực hiện đầy đủ và kịp thời nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định, công ty chú trọng nâng cao chất lượng nội dung công bố, tăng cường tính nhất quán trong thông điệp chiến lược và chủ động mở rộng các kênh tương tác với cộng đồng đầu tư thông qua các cuộc gặp gỡ, hội thảo và báo cáo phân tích. Thông qua việc duy trì đối thoại cởi mở, cung cấp thông tin minh bạch và nhất quán, VPBankS hướng tới mục tiêu củng cố niềm tin thị trường, nâng cao mức độ tín nhiệm và hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và tạo ra những giá trị dài hạn cho cổ đông.

07 GIẢI THƯỞNG, CÁC SỰ KIỆN ĐÁNG CHÚ Ý VÀ HOẠT ĐỘNG TỪ THIỆN XÃ HỘI NĂM 2025

100 Giải thưởng

102 Các sự kiện đáng chú ý

104 Hoạt động từ thiện xã hội (CSR)



GIẢI THƯỞNG

01 Global Banking & Finance Review Awards - Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam 2025

02 Asia Pacific Enterprise Awards - Doanh nghiệp xuất sắc nhất Châu Á 2025

03 Asian Business Review - Giải pháp AI đột phá trong lĩnh vực chứng khoán

04 Báo Đầu tư – Tài chính - Doanh nghiệp có thương vụ IPO tiêu biểu 2024 - 2025

05 HR Asia Award - Giải Nơi làm việc tốt nhất Châu Á 2025

06 Vietnam Excellence - Giải thưởng Nhân sự xuất sắc hạng mục "Đào tạo và phát triển con người"























CÁC SỰ KIỆN ĐÁNG CHÚ Ý

02/2025:

- VPBankS là Nhà tài trợ Đồng cho giải chạy VPBank VnExpress Marathon HoChiMinh City Midnight (VVMM) mùa thứ 3 - sự kiện thu hút sự tham dự của hơn 12.000 vận động viên, trong đó có khoảng 600 chân chạy quốc tế.

04/2025:

- VPBankS và GtelPay ký kết hợp tác chiến lược, kiến tạo hệ sinh thái đầu tư – thanh toán tích hợp.
- Đồng hành với vai trò Nhà tài trợ Vàng cho giải chạy thường niên SSC Run 2025 của UBCKNN.

05/2025:

- VPBankS huy động thành công khoản vay hợp vốn quốc tế trị giá 125 triệu USD, với SMBC là Điều phối viên duy nhất, cùng với sự tham gia thu xếp, dựng sổ và đồng cho vay của các định chế tài chính uy tín gồm Maybank, Cathay United Bank và Standard Chartered Bank.

06/2025:

- VPBankS ký kết thỏa thuận hợp tác chiến lược với CTCP Fintech AI nhằm phát triển StockGuru – trợ lý đầu tư AI ứng dụng công nghệ Agentic AI đầu tiên tại Việt Nam.
- Đồng hành cùng hệ sinh thái VPBank, mang đến các giải pháp đầu tư thông minh, hiện đại tại sự kiện "Ngày không tiền mặt 2025".

07/2025:

- VPBankS ra mắt trợ lý AI StockGuru tại hội thảo VPBankS Talk #5.
- Ký kết thỏa thuận hợp tác chiến lược với CTCP Tư vấn Đầu tư và Quản lý Tài sản FIDT (FIDT) nhằm phát triển những giải pháp tài chính cá nhân chuyên sâu.
- Đồng hành cùng CafeF mang đến cho nhà đầu tư series talkshow đặc biệt "The Investors" (Người Đầu Tư) mùa 2 - The Resilients.

09/2025:

- VPBankS công bố chiến lược 5 năm giai đoạn 2026 – 2030, kèm theo mục tiêu kinh doanh và mục tiêu tài chính đến năm 2030.
- Thông qua kế hoạch IPO ngay trong trong quý IV/2025.
- Thực hiện chuyến roadshow quốc tế tới 4 trung tâm tài chính Vương quốc Anh, Hong Kong (Trung Quốc), Singapore và Thái Lan, tiếp xúc hơn 50 đối tác quốc tế để chuẩn bị cho thương vụ IPO kỷ lục.

10/2025:

- VPBankS chính thức mở bán cổ phiếu IPO trên cả nền tảng trực tuyến, trực tiếp và qua đại lý phân phối.
- Tổ chức sự kiện roadshow IPO tại Hà Nội và TP HCM, thu hút 1.500 nhà đầu tư trực tiếp tham dự, hàng chục nghìn người theo dõi qua các nền tảng trực tuyến và hàng trăm nghìn lượt hiển thị trên mạng xã hội.
- Chỉ định SMBC thu xếp cho khoản vay hợp vốn trị giá lên đến 200 triệu USD.
- Là Nhà tại trợ Bạc cho VPBank Hanoi International Marathon 2025, thu hút hơn 11.000 vận động viên đến từ 25 quốc gia và vùng lãnh thổ.

11/2025:

- VPBankS hoàn thành thương vụ IPO kỷ lục, chào bán 375 triệu cổ phiếu và huy động 12.713 tỷ đồng, nâng vốn chủ sở hữu lên top 2 ngành chứng khoán tại thời điểm đó.

12/2025:

- VPBankS chính thức đưa 1,875 tỷ cổ phiếu niêm yết trên HoSE, đánh dấu giai đoạn tăng trưởng mới.
- Tham gia với vai trò đồng tư vấn trong thương vụ M&A trị giá 185 triệu USD giữa Tập đoàn Thiên Long và Tập đoàn Kokuyo.
- Góp mặt trong ngày hội thể thao điện tử "VPBank presents eSport Festival: Legends Unite", với vai trò Nhà tài trợ Đồng.

HOẠT ĐỘNG TỪ THIỆN XÃ HỘI (CSR)

Lan tỏa giá trị thịnh vượng cùng cộng đồng

Sự phát triển của một doanh nghiệp không chỉ được đo lường bằng kết quả kinh doanh mà còn thể hiện qua những giá trị tích cực đóng góp cho xã hội. Nhận thức rõ vai trò của mình, VPBankS đã chủ động triển khai nhiều hoạt động trách nhiệm xã hội (CSR), tập trung vào các lĩnh vực giáo dục, phát triển nguồn nhân lực trẻ và nâng cao hiểu biết tài chính cộng đồng. Những nỗ lực này thể hiện cam kết nhất quán của VPBankS trong việc đồng hành cùng sự phát triển bền vững của xã hội, phù hợp với định hướng chung của hệ sinh thái VPBank trong việc lan tỏa giá trị thịnh vượng.

Một trong những trọng tâm của hoạt động CSR tại VPBankS là đồng hành cùng các chương trình hỗ trợ giáo dục, góp phần cải thiện điều kiện học tập và tạo nền tảng phát triển cho thế hệ tương lai. Thông qua chương trình thiện nguyện "Mái trường cho em", VPBankS đã góp phần nâng cấp cơ sở vật chất học đường tại các khu vực còn nhiều khó khăn, giúp học sinh có môi trường học tập an toàn và thuận lợi hơn.



Bên cạnh hoạt động thiện nguyện, VPBankS cũng tích cực hợp tác với các trường đại học nhằm hỗ trợ sinh viên trang bị kiến thức thực tiễn và định hướng nghề nghiệp. Công ty đã tài trợ cuộc thi "Behind the Data" tại Trường Đại học Hoa Sen, góp phần khuyến khích sinh viên phát triển tư duy phân tích dữ liệu và năng lực tài chính. VPBankS cũng ký kết hợp tác chiến lược với Khoa Công nghệ số liên ngành – Trường Đại học Phenikaa, nhằm phối hợp triển khai các chương trình đào tạo, chia sẻ kiến thức chuyên môn và tạo cơ hội trải nghiệm thực tế cho sinh viên. Các hoạt động này góp phần thu hẹp khoảng cách giữa đào tạo và thực tiễn, đồng thời hỗ trợ quá trình phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành tài chính và nền kinh tế.



Song song với việc hỗ trợ giáo dục trực tiếp, VPBankS tích cực góp phần nâng cao hiểu biết tài chính cho cộng đồng. Việc tham gia, đồng hành cùng các chương trình chuyên môn như hội thảo VPBankS Talk 05, "Việt Nam và các chỉ số" trên VTV, "The Investor" trên CafeF hoặc chuỗi livestream chia sẻ kiến thức trên các nền tảng trực tuyến đã giúp lan tỏa góc nhìn chuyên sâu về thị trường, cung cấp thông tin khách quan và nâng cao năng lực phân tích cho nhà đầu tư cá nhân. VPBankS cũng cử chuyên gia tham gia chương trình "Cảnh giác 247" do VPBank phối hợp với VTV2 thực hiện, góp phần nâng cao nhận thức cộng đồng về các hình thức lừa đảo tài chính và đầu tư.

Thông qua việc tích cực tham gia các giải chạy thuộc hệ sinh thái VPBank như VPMM (VPBank VnExpress Marathon Midnight), VPIM (VPBank International Marathon) hay SSC Run 2025, cùng nhiều sự kiện văn hóa đẳng cấp quốc tế như ngày hội thể thao điện tử "VPBank presents eSport Festival: Legends Unite", VPBankS góp phần lan tỏa tinh thần sống tích cực đến cộng đồng nhà đầu tư và xã hội. Những hoạt động thể thao quy mô lớn khuyến khích mỗi cá nhân rèn luyện sức khỏe, xây dựng lối sống năng động, qua đó thúc đẩy khía cạnh "Thịnh vượng Thể chất"; trong khi các sự kiện văn hóa góp phần bồi đắp "Thịnh vượng Tinh thần" cho cộng đồng.

Bên cạnh các hoạt động hướng tới cộng đồng, VPBankS chú trọng xây dựng môi trường làm việc gắn kết và phát triển bền vững cho đội ngũ nhân sự. Trong năm 2025, công ty đã triển khai nhiều hoạt động nhằm nâng cao sự gắn kết và phát triển toàn diện cho cán bộ nhân viên, qua đó xây dựng nền tảng văn hóa doanh nghiệp vững chắc

Đồng thời, VPBankS cũng tích cực tham gia các hoạt động vì cộng đồng với sự đồng hành của cán bộ nhân viên, tiêu biểu như chương trình hiến máu nhân đạo "Một giọt máu cho đi, một cuộc đời ở lại" và đồng hành cùng những hoạt động cộng đồng khác trong hệ sinh thái VPBank.

Thông qua việc kiên định triển khai các hoạt động trách nhiệm xã hội, VPBankS tiếp tục khẳng định định hướng phát triển gắn liền với trách nhiệm cộng đồng và giá trị bền vững. Các chương trình hỗ trợ giáo dục, phát triển nguồn nhân lực và nâng cao hiểu biết tài chính không chỉ mang lại tác động tích cực trước mắt mà còn góp phần xây dựng nền tảng phát triển lâu dài cho xã hội. Những nỗ lực này thể hiện cam kết của VPBankS trong việc đóng góp tích cực cho cộng đồng, đồng thời góp phần lan tỏa các giá trị nhân văn và thúc đẩy sự phát triển bền vững của thị trường tài chính, phù hợp với tuyên ngôn "Vì một tương lai thịnh vượng".



08 BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

108 Môi trường

110 Xã hội

114 Quản trị



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Môi trường

VPBankS ý thức rõ trách nhiệm trong việc sử dụng hiệu quả tài nguyên và giảm thiểu tác động đến môi trường thông qua việc tối ưu hóa tiêu thụ năng lượng tại nơi làm việc. Nhằm góp phần tiết kiệm điện năng và giảm phát thải gián tiếp, công ty đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp quản lý và nâng cao nhận thức trong toàn hệ thống.

Cụ thể, VPBankS đã phối hợp với Ban Quản lý tòa nhà để đăng ký và thực hiện các biện pháp kiểm soát việc sử dụng điều hòa không khí, phù hợp với nhu cầu vận hành thực tế, qua đó hạn chế tiêu thụ điện năng không cần thiết. Đồng thời, công ty tăng cường giám sát việc sử dụng các thiết bị điện trong văn phòng, ban hành quy định kiểm tra và tắt các thiết bị điện sau giờ làm việc; hệ thống điều hòa được thiết lập chế độ tự động tắt sau 19:00 nhằm đảm bảo sử dụng năng lượng một cách hợp lý và hiệu quả.

Không gian làm việc tại VPBankS được thiết kế theo hướng tối ưu hóa ánh sáng tự nhiên, kết hợp bố trí cây xanh trong văn phòng, góp phần cải thiện chất lượng môi trường làm việc, nâng cao sức khỏe thể chất và tinh thần cho cán bộ nhân viên, đồng thời giảm sự phụ thuộc vào các thiết bị chiếu sáng và làm mát nhân tạo. Bên cạnh đó, công ty thực hiện kiểm tra, bảo trì định kỳ hệ thống máy móc, thiết bị và hạ tầng điện nhằm nâng cao hiệu suất vận hành, kéo dài tuổi thọ thiết bị và hạn chế lãng phí năng lượng.



Song song với các giải pháp kỹ thuật, VPBankS chú trọng đẩy mạnh truyền thông nội bộ nhằm nâng cao nhận thức và khuyến khích cán bộ nhân viên thực hành tiết kiệm năng lượng trong hoạt động hàng ngày. Hoạt động 5S cũng được triển khai thường xuyên, góp phần xây dựng môi trường làm việc khoa học, ngăn nắp, tối ưu hóa không gian và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực.

Thông qua các biện pháp trên, VPBankS từng bước xây dựng môi trường làm việc thân thiện với môi trường, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và giảm thiểu tác động môi trường trong hoạt động vận hành.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI (TIẾP THEO)

Xã hội

Trong vai trò là một thành viên tích cực của thị trường chứng khoán Việt Nam, VPBankS luôn chủ động đồng hành cùng quá trình hiện đại hóa hạ tầng và nâng cao chuẩn mực vận hành thị trường. Công ty đã tham gia kiểm thử hệ thống KRX theo lộ trình của cơ quan quản lý, đồng thời, chủ động truyền thông, cập nhật kịp thời các thay đổi liên quan đến KRX, hỗ trợ nhà đầu tư thích ứng an toàn trong giai đoạn chuyển đổi.

Bên cạnh đó, VPBankS là thành viên của Hiệp hội Thị trường Trái phiếu Việt Nam (VBMA), tích cực tham gia các hoạt động trao đổi, xây dựng chuẩn mực và thúc đẩy sự phát triển chuyên nghiệp của thị trường vốn. Công ty cũng là cổ đông tại VIS Rating - tổ chức xếp hạng tín nhiệm được cấp phép tại Việt Nam - qua đó góp phần nâng cao tính minh bạch thông tin và chất lượng xếp hạng tín nhiệm.

Đồng thời, thông qua việc đầu tư phát triển nguồn nhân lực và triển khai các hoạt động trách nhiệm xã hội một cách nhất quán, VPBankS từng bước kiến tạo môi trường làm việc bền vững, phát triển con người toàn diện và lan tỏa các giá trị thịnh vượng tới xã hội.

Đến cuối năm 2025, quy mô nhân sự của công ty đạt 812 cán bộ nhân viên, chưa bao gồm đội ngũ cộng tác viên đông đảo đang tham gia hỗ trợ các hoạt động kinh doanh. Việc mở rộng lực lượng lao động thể hiện cam kết đồng hành cùng sự phát triển kinh tế – xã hội, đồng thời xây dựng nền tảng vững chắc phục vụ cho chiến lược tăng trưởng trong tương lai.





Năm 2025, công ty triển khai đồng bộ nhiều khóa đào tạo, kết hợp giữa nâng cao năng lực chuyên môn, phát triển kỹ năng và lan tỏa văn hóa tổ chức. Các chương trình trọng điểm bao gồm Agile Transformation, Tối ưu hóa công việc với AI, Thiết kế và truyền thông đa phương tiện với AI, Quản trị tổ chức bằng văn hóa, cũng như các chuyên đề ứng dụng trong quản trị nhân sự. Song song, các diễn đàn nội bộ như cũng tạo không gian đối thoại, thúc đẩy chia sẻ tri thức và tăng cường kết nối trong toàn hệ thống. Nhờ định hướng rõ ràng và triển khai hiệu quả, 100% cán bộ nhân viên đã hoàn thành các khóa đào tạo bắt buộc và 90% hoàn thành chỉ tiêu đào tạo tối thiểu 30 giờ/năm.

VPBankS cũng chú trọng thu hút, giữ chân và phát triển nhân tài thông qua việc thường xuyên rà soát và hoàn thiện hệ thống tiền lương, đãi ngộ dựa trên dữ liệu khảo sát thị trường và định hướng chung của tập đoàn VPBank, đảm bảo tính cạnh tranh và công bằng nội bộ. Chương trình điều chỉnh lương định kỳ, cơ chế thưởng gắn với hiệu quả công việc và kết quả kinh doanh của đơn vị được triển khai nhất quán, góp phần khuyến khích hiệu suất và nâng cao mức độ gắn kết của người lao động. Đồng thời, các chương trình phúc lợi như bảo hiểm sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ và các chính sách phúc lợi dài hạn tiếp tục được duy trì và nâng cao.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI (TIẾP THEO)

Xã hội (Tiếp theo)

Ngoài ra, trong năm 2025, VPBankS triển khai gần 20 hoạt động văn hóa doanh nghiệp và truyền thông nội bộ thông qua nhiều hình thức, qua đó từng bước xây dựng một môi trường làm việc gắn kết nơi mỗi cán bộ nhân viên được kết nối, ghi nhận và truyền cảm hứng, phát triển cùng tổ chức. Các chương trình tiêu biểu như: Đổi mới sáng tạo về tương lai thịnh vượng; Sáng tạo nghệ thuật chào mừng VPBankS tròn 3 tuổi; MegaMind 2025; các hội nghị kinh doanh; các hoạt động thể thao như VPBankS Run 2025, VPX Winter Cup 2025, VPX Winter Run...

Bên cạnh việc phát triển nội lực, VPBankS tích cực thực hiện trách nhiệm xã hội, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của cộng đồng và thị trường tài chính. Công ty đã tài trợ cuộc thi "Behind the Data" tại Trường Đại học Hoa Sen, góp phần khuyến khích sinh viên phát triển tư duy phân tích dữ liệu và năng lực tài chính. VPBankS cũng ký kết hợp tác chiến lược với Khoa Công nghệ số liên ngành – Trường Đại học Phenikaa. Các hoạt động này góp phần thu hẹp khoảng cách giữa đào tạo và nhu cầu thực tế của thị trường, đồng thời tạo điều kiện cho thế hệ trẻ tiếp cận kiến thức tài chính và cơ hội nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính - chứng khoán.

VPBankS thực hiện các chương trình giáo dục tài chính nhằm nâng cao nhận thức, kiến thức của nhà đầu tư, qua đó xây dựng thị trường tài chính lành mạnh. Trong năm 2025, công ty đã tham gia, đồng hành cùng các chương trình chuyên môn như hội thảo VPBankS Talk 05, "Việt Nam và các chỉ số" trên VTV, "The Investor" trên CafeF hoặc chuỗi livestream chia sẻ kiến thức trên các nền tảng trực tuyến đã giúp lan tỏa góc nhìn chuyên sâu về thị trường, cung cấp thông tin khách quan và nâng cao năng lực phân tích cho nhà đầu tư cá nhân.



Trung tâm Phân tích VPBankS thường xuyên công bố các báo cáo chất lượng, chuyên sâu về cổ phiếu, thị trường và kinh tế vĩ mô, cung cấp nguồn thông tin tin cậy và dễ dàng tiếp cận cho nhà đầu tư.

Đội ngũ chuyên gia của VPBankS cũng tích cực tham gia các chương trình truyền thông và chia sẻ kiến thức trên nhiều kênh thông tin uy tín, góp phần lan tỏa kiến thức tài chính chính thống và nâng cao nhận thức cộng đồng. Trong bối cảnh các hình thức lừa đảo tài chính ngày càng gia tăng và phức tạp, chuyên gia VPBankS đã tham gia chương trình "Cảnh giác 247" do VPBank phối hợp với VTV2 thực hiện, nhằm cung cấp thông tin cảnh báo, giúp cộng đồng nhận diện rủi ro và nâng cao khả năng tự bảo vệ trước các hành vi gian lận trong lĩnh vực đầu tư và tài chính.

Song song với hoạt động chuyên môn, VPBankS triển khai các chương trình trách nhiệm xã hội, góp phần hỗ trợ cộng đồng và lan tỏa các giá trị nhân văn. Thông qua chương trình thiện nguyện "Mái trường cho em", công ty đã góp phần cải thiện cơ sở vật chất tại các khu vực còn nhiều khó khăn. Đồng thời, cán bộ nhân viên VPBankS cũng tích cực tham gia các hoạt động vì cộng đồng như chương trình hiến máu nhân đạo "Một giọt máu cho đi, một cuộc đời ở lại" và các hoạt động thể thao như giải chạy SSC Run 2025, qua đó góp phần nâng cao tinh thần sẻ chia và trách nhiệm xã hội.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI (TIẾP THEO)

Quản trị

Thông qua việc tăng cường minh bạch thông tin, tuân thủ chặt chẽ quy định pháp luật và không ngừng nâng cao năng lực quản trị rủi ro, VPBankS tiếp tục củng cố nền tảng quản trị vững chắc, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và tạo ra giá trị dài hạn cho các bên liên quan.

Trở thành doanh nghiệp niêm yết, VPBankS chú trọng triển khai các hoạt động quan hệ nhà đầu tư theo hướng chuyên nghiệp, minh bạch và chủ động. Công ty thực hiện công bố thông tin đầy đủ, kịp thời và công bằng theo quy định pháp luật, đồng thời duy trì trang thông tin điện tử chính thức với đầy đủ các báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, tài liệu dành cho cổ đông và các thông tin công bố định kỳ, bất thường. Từ cuối năm 2025, VPBankS triển khai website song ngữ nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư trong nước và quốc tế tiếp cận thông tin một cách minh bạch và hiệu quả.

Trong năm 2025, VPBankS đã tích cực triển khai các chương trình gặp gỡ nhà đầu tư trong và ngoài nước, bao gồm hơn 50 buổi làm việc cùng các quỹ đầu tư và nhà đầu tư tổ chức tại Thái Lan, Singapore, Hong Kong (Trung Quốc) và Vương quốc Anh. Tại thị trường trong nước, chương trình IPO roadshow đã thu hút sự tham gia của khoảng 1.000 nhà đầu tư cá nhân và tổ chức. Công ty cũng tổ chức các hội nghị gặp gỡ nhà đầu tư, công bố kết quả kinh doanh và duy trì đối thoại thường xuyên với thị trường, tăng cường kết nối, củng cố niềm tin và từng bước xây dựng hình ảnh một doanh nghiệp niêm yết minh bạch và chuyên nghiệp.



Song song đó, VPBankS xác định tuân thủ pháp luật và các chuẩn mực quản trị là nền tảng cốt lõi cho sự phát triển bền vững. Công ty đã xây dựng và hoàn thiện hệ thống quy định nội bộ, quy trình quản trị và cơ chế kiểm soát nhằm bảo đảm tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, cũng như các chuẩn mực quản trị áp dụng đối với công ty đại chúng. VPBankS thường xuyên rà soát, cập nhật các chính sách và quy trình nội bộ nhằm phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và định hướng quản trị của hệ sinh thái VPBank, từng bước tiệm cận các thông lệ quản trị tốt trên thị trường vốn.

Trong hoạt động quản trị rủi ro, VPBankS đã xây dựng và vận hành khung quản trị rủi ro theo mô hình 3 tuyến bảo vệ, qua đó tăng cường khả năng nhận diện, đo lường, giám sát và xử lý rủi ro một cách toàn diện, bảo đảm hoạt động kinh doanh an toàn và hiệu quả.

Công ty đồng thời đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và các công cụ phân tích hiện đại trong quản trị rủi ro, bao gồm hệ thống báo cáo trên nền tảng dữ liệu tập trung, các mô hình dự báo và các công cụ giám sát rủi ro theo thời gian thực, giúp nâng cao khả năng cảnh báo sớm và hỗ trợ quá trình ra quyết định. Hệ thống chính sách, quy trình và công cụ quản trị rủi ro được xây dựng đồng bộ, phù hợp với quy mô và đặc thù hoạt động của công ty.

Bên cạnh đó, VPBankS nhận được sự hỗ trợ chuyên môn từ ngân hàng mẹ VPBank và đối tác chiến lược SMBC trong việc hoàn thiện khung quản trị rủi ro, xây dựng các chính sách quản trị và triển khai các chương trình bảo hiểm rủi ro cho các lĩnh vực trọng yếu. Nhờ đó, công ty duy trì mức độ an toàn cao trong hoạt động kinh doanh, kiểm soát hiệu quả các rủi ro phát sinh và củng cố nền tảng quản trị bền vững.



09 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

118 Thông tin chung

120 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

121 Báo cáo kiểm toán độc lập

122 Báo cáo tình hình tài chính

128 Báo cáo kết quả hoạt động

132 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

136 Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu

140 Thuyết minh báo cáo tài chính

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank ("Công ty") (trước đây là "Công ty Cổ phần Chứng khoán ASC") là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 106/UBCK-GP do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08 tháng 04 năm 2009, Giấy phép điều chỉnh số 136/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 12 năm 2025 và các giấy phép điều chỉnh khác.

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 36.000.000.000 VND và đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng vốn điều lệ của Công ty là 18.750.000.000.000 VND.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán. Công ty có trụ sở chính tại Tầng 21 và Tầng 25, Tòa nhà Văn phòng Thương mại, số 89 Láng Hạ, phường Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có công ty con, công ty liên kết và đơn vị hạch toán phụ thuộc.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là	**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024**
812 người	**582 người**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Bà Hồ Thúy Ngà	Chủ tịch Thành viên	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 09 năm 2025 Bổ nhiệm ngày 14 tháng 02 năm 2022
Ông Vũ Hữu Điền	Chủ tịch Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2024 Miễn nhiệm ngày 15 tháng 09 năm 2025 Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2025
Ông Nguyễn Lương Tân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 12 năm 2023
Ông Nguyễn Quang Trung	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 03 tháng 09 năm 2025

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Vũ Hồng Cao	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 02 năm 2022
Ông Nguyễn Hùng Cường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2024
Ông Trần Vĩnh Khang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 08 năm 2024

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/Miễn nhiệm
Ông Vũ Hữu Điền	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2024 Miễn nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2025
Ông Nhâm Hà Hải	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 15 tháng 12 năm 2025 là Ông Vũ Hữu Điền chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị, kiêm Tổng Giám đốc. Người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 15 tháng 12 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 và tại ngày lập báo cáo là ông Nhâm Hà Hải, chức danh Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Ông Nhâm Hà Hải
Tổng Giám đốc
Hà Nội, Việt Nam Ngày 12 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank ("Công ty"), được lập ngày 12 tháng 03 năm 2026 và được trình bày từ trang 6 đến trang 73, bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Vũ Tiến Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3221-2025-004-1
Hà Nội, Việt Nam Ngày 12 tháng 03 năm 2026

Trần Thị Thu Hiền
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2487-2023-004-1
Số tham chiếu: 12891379/E-68736327

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

B01-CTCK

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**72.714.372.656.156**	**26.459.147.551.141**
110	**I. Tài sản tài chính**		**72.666.712.471.076**	**26.452.185.961.883**
111	*1. Tiền và các khoản tương đương tiền*	5	8.081.765.474.527	2.313.062.999.484
111.1	*1.1. Tiền*		*7.081.765.474.527*	*2.313.062.999.484*
111.2	*1.2. Các khoản tương đương tiền*		*1.000.000.000.000*	-
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/ lỗ (FVTPL)	7.1	26.150.362.906.728	12.537.604.549.331
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	7.6	34.100.000.000	-
114	4. Các khoản cho vay	7.4	34.093.219.255.977	9.512.535.718.076
115	5. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	7.2	2.329.715.406.420	1.720.060.103.158
116	6. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp	7.5	(161.614.530.220)	(83.761.634.981)
117	7. Các khoản phải thu		1.722.177.045.232	463.128.349.107
117.1	7.1. Phải thu bán các tài sản tài chính	8	453.294.653.018	84.077.096.018
117.2	7.2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	8	1.268.882.392.214	379.051.253.089
117.3	*7.2.1. Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận*		-	*6.082.801.230*
117.4	*7.2.2. Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận*		*1.268.882.392.214*	*372.968.451.859*
118	8. Trả trước cho người bán	8	18.010.181.522	5.377.489.387
119	9. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	8	456.065.355.846	25.686.467.721
122	10. Các khoản phải thu khác	8	1.807.342.257	560.468.609
129	11. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	(58.895.967.213)	(42.068.548.009)
130	**II. Tài sản ngắn hạn khác**	**9**	**47.660.185.080**	**6.961.589.258**
131	1. Tạm ứng		902.335.640	2.794.178.623
132	2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ		3.895.945.750	549.436.342
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn		28.695.903.690	3.477.974.293
134	4. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		14.166.000.000	140.000.000

B01-CTCK

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**302.704.809.916**	**254.779.243.339**
210	**I. Tài sản tài chính dài hạn**		**2.750.000.000**	**-**
212	1. Các khoản đầu tư		2.750.000.000	-
212.4	*1.1. Đầu tư dài hạn khác*	*10*	*2.750.000.000*	-
220	**II. Tài sản cố định**		**40.342.999.767**	**29.286.435.080**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	32.115.562.838	17.595.964.518
222	*1.1. Nguyên giá*		*46.154.295.728*	*25.631.254.668*
223a	*1.2. Giá trị hao mòn lũy kế*		*(14.038.732.890)*	*(8.035.290.150)*
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	8.227.436.929	11.690.470.562
228	*2.1. Nguyên giá*		19.510.900.000	19.160.900.000
229a	*2.2. Giá trị hao mòn lũy kế*		(11.283.463.071)	(7.470.429.438)
240	**III. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**		**11.168.030.000**	**-**
250	**IV. Tài sản dài hạn khác**		**248.443.780.149**	**225.492.808.259**
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		10.254.629.682	-
252	2. Chi phí trả trước dài hạn	13	200.174.918.935	204.420.861.289
253	3. Tài sản thuế TNDN hoãn lại		15.032.664.112	651.671.680
254	4. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	14	7.941.253.884	5.409.996.775
255	5. Tài sản dài hạn khác		15.040.313.536	15.010.278.515
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**73.017.077.466.072**	**26.713.926.794.480**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
(TIẾP THEO)

B01 - CTCK

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**39.186.035.271.450**	**9.309.976.095.183**
310	**I. Nợ phải trả ngắn hạn**		**39.040.640.712.354**	**9.309.922.944.571**
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	15	37.342.073.973.613	9.134.651.804.140
312	*1.1. Vay ngắn hạn*		*37.342.073.973.613*	*9.134.651.804.140*
318	2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	17	77.651.068.820	5.132.519.872
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn	18	440.547.299.443	6.026.644.699
321	4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		642.200.000	742.200.000
322	5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	631.737.874.302	96.404.415.228
323	6. Phải trả người lao động		93.964.687.809	37.567.721.108
324	7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		248.853.897	654.498.895
325	8. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	64.629.071.658	17.206.586.216
327	9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		1.287.042.238	1.182.121.960
329	10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	21	387.858.640.574	10.354.432.453
340	**II. Nợ phải trả dài hạn**		**145.394.559.096**	**53.150.612**
356	1. Thuế TNDN hoãn lại phải trả		145.394.559.096	53.150.612
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**33.831.042.194.622**	**17.403.950.699.297**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	**22.2**	**33.831.042.194.622**	**17.403.950.699.297**
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		27.620.212.589.142	15.001.440.311.004
411.1	*1.1 Vốn góp của chủ sở hữu*		*18.750.000.000.000*	*15.000.000.000.000*
411.1a	*a. Cổ phiếu phổ thông*		*18.750.000.000.000*	*15.000.000.000.000*
411.2	*1.2. Thặng dư vốn cổ phần*		*8.870.212.589.142*	*1.440.311.004*
412	2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	34	226.107.111.705	(13.093.892.370)
414	3, Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		303.757.726	303.757.726
415	4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		303.757.726	303.757.726
417	5. Lợi nhuận chưa phân phối	22.1	5.984.114.978.323	2.414.996.765.211
417.1	*5.1. Lợi nhuận đã thực hiện*		*5.506.720.202.647*	*2.417.390.849.483*
417.2	*5.2. Lợi nhuận chưa thực hiện*		*477.394.775.676*	*(2.394.084.272)*
440	**TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**73.017.077.466.072**	**26.713.926.794.480**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

B01 - CTCK

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
	A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN ("CTCK") VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
005	Ngoại tệ các loại (USD)		-	-
006	Cổ phiếu đang lưu hành (số lượng)	22.3	1.875.000.000	1.500.000.000
008	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán của CTCK (VND)	23.1	15.088.315.715.000	6.537.959.940.000
010	Tài sản tài chính chờ về của CTCK (VND)	23.2	53.401.450.000	-
012	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán ("VSDC") của CTCK (VND)	23.3	652.873.880.000	3.628.968.270.000
013	Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK (VND)	23.4	6.000.000.000	-
014	Chứng quyền (số lượng)		21.281.800	-
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán của Nhà đầu tư (VND)	23.5	70.099.359.612.800	27.737.064.620.000
021.1	*Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng*		50.777.334.706.800	21.573.322.550.000
021.2	*Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng*		1.830.401.460.000	1.691.270.010.000
021.3	*Tài sản tài chính giao dịch cầm cố*		17.182.440.080.000	4.322.792.890.000
021.4	*Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ*		91.996.960.000	72.000.000
021.5	*Tài sản tài chính chờ thanh toán*		217.186.406.000	149.607.170.000

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
	B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)			
022	Tài sản tài chính đã lưu ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	23.6	299.384.540.000	67.541.750.000
022.1	*Tài sản tài chính đã lưu ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng*		*27.164.540.000*	*67.541.750.000*
022.2	*Tài sản tài chính đã lưu ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng*		*272.220.000.000*	-
023	Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	23.7	595.205.388.200	185.548.320.000
024b	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán của Nhà đầu tư (lưu ký tại Công ty)	23.8	-	13.253.579.000.000
025	Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư	23.9	689.304.970.000	304.645.930.000
026	Tiền gửi của khách hàng		3.684.428.101.964	1.670.180.247.359
027	Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	23.10	1.583.003.881.569	999.470.377.635
029	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	23.10	2.032.267.998.730	584.616.275.640

B01 - CTCK

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	Ngày 31 tháng 12 năm 2024
029.1	*a. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước*		*2.030.522.485.312*	*583.836.213.655*
029.2	*b. Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư nước ngoài*		*1.745.513.418*	*780.061.985*
030	Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	23.11	69.156.221.665	86.093.594.084
031	Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	23.12	3.615.633.633.239	1.584.099.240.820
031.1	*Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý*		*3.615.120.056.171*	*1.583.679.111.901*
031.2	*Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý*		*513.577.068*	*420.128.919*
032	Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	23.13	25.400.627.000	3.099.792.000
035	Phải trả cổ tức gốc và lãi trái phiếu	23.14	43.393.841.725	82.981.214.539

Bà Hà Thị Minh Ngọc	**Bà Nguyễn Thị Thu Giang**	**Bà Đinh Thị Thu Hiền**	**Ông Nhâm Hà Hải**
Người lập	Kế toán Trưởng	Giám đốc Tài chính	Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 12 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

B02 - CTCK

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
	I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG			
01	1. Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")		4.455.664.065.590	1.189.547.562.309
01.1	*1.1. Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL*	*24.1*	*1.952.262.171.851*	*603.952.091.408*
01.2	*1.2. Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính*		*1.199.059.875.433*	*9.285.773.641*
01.3	*1.3. Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL*	*24.3*	*1.235.443.098.347*	*567.896.645.665*
01.4	*1.4. Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành*		*68.898.919.959*	*8.413.051.595*
02	2. Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	24.3	1.036.453.148	25.876.410.959
03	3. Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	24.3	1.908.960.290.550	917.412.158.304
04	4. Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	24.3	56.889.974.205	58.391.899.721
06	5. Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán		460.349.503.615	226.067.712.643
07	6. Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		154.000.000.000	-
08	7. Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		7.600.000.000	-
09	8. Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		63.266.669.494	31.908.557.463
10	9. Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính		789.486.298.623	31.017.997.310
11	10. Thu nhập hoạt động khác	26	12.789.671.096	2.771.868.415
20	**Cộng doanh thu hoạt động**		**7.910.042.926.321**	**2.482.994.167.124**
	II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG			
21	1. Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL		945.739.476.082	336.659.715.507
21.1	*1.1. Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL*	*24.1*	*271.652.642.036*	*311.027.731.977*

B02 - CTCK

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
21.2	*1.2. Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL*		*608.190.055.865*	*12.574.593.381*
21.3	*1.3. Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL*		*16.877.314.654*	*4.644.338.554*
21.4	*1.4. Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành*		*49.019.463.527*	*8.413.051.595*
23	2. Lỗ và ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS") khi phân loại lại		18.843.584.773	23.753.739.998
24	3. Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	25	94.668.314.443	57.735.560.544
26	4. Chi phí hoạt động tự doanh	28	36.181.589.485	23.458.273.030
27	5. Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27	471.212.627.837	215.230.542.887
30	6. Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	27	13.372.604.346	6.419.195.913
31	7. Chi phí hoạt động tư vấn tài chính	27	18.845.949.316	8.494.582.527
32	8. Chi phí dịch vụ khác		12.952.071	-
40	**Cộng chi phí hoạt động**		**1.598.877.098.353**	**671.751.610.406**
	III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
42	1. Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi không cố định		47.777.859.887	7.206.739.176
50	**Cộng doanh thu hoạt động tài chính**	**29**	**47.777.859.887**	**7.206.739.176**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

B02 - CTCK

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
	IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH			
51	1. Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái đã và chưa thực hiện		40.738.500	-
52	2. Chi phí lãi vay		1.488.300.193.094	361.180.425.572
55	3. Chi phí tài chính khác		1.694.479.390	870.977.104
60	**Cộng chi phí tài chính**	**30**	**1.490.035.410.984**	**362.051.402.676**
62	**V. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN**	**31**	**396.765.544.593**	**236.801.599.344**
70	**VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**		**4.472.142.732.278**	**1.219.596.293.874**
	VII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC			
71	1. Thu nhập khác		3.781.286.604	442.379.963
72	2. Chi phí khác		340.355.144	340.152.205
80	**Cộng kết quả hoạt động khác**	**32**	**3.440.931.460**	**102.227.758**
90	**VIII. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ**		**4.475.583.663.738**	**1.219.698.521.632**

B02 - CTCK

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
91	1. Lợi nhuận đã thực hiện		3.864.834.387.738	1.222.987.341.372
92	2. Lợi nhuận chưa thực hiện		610.749.276.000	(3.288.819.740)
100	**IX. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")**	**33**	**906.465.450.626**	**244.018.122.081**
100.1	1. Chi phí thuế TNDN hiện hành	33.1	775.505.034.574	244.675.886.029
100.2	2. Chi phí/(Thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	33.2	130.960.416.052	(657.763.948)
200	**X. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN**		**3.569.118.213.112**	**975.680.399.551**
300	**XI. THU NHẬP/(LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN**		**239.201.004.075**	**(17.158.892.370)**
301	1. Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		239.201.004.075	(17.158.892.370)
400	**TỔNG THU NHẬP TOÀN DIỆN**		**239.201.004.075**	**(17.158.892.370)**
501	**LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**	**35**	**2.302**	**650**

Bà Hà Thị Minh Ngọc	**Bà Nguyễn Thị Thu Giang**	**Bà Đinh Thị Thu Hiền**	**Ông Nhâm Hà Hải**
Người lập	Kế toán Trưởng	Giám đốc Tài chính	Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 12 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

B03 - CTCK

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**1. Lợi nhuận trước thuế TNDN**		**4.475.583.663.738**	**1.219.698.521.632**
02	**2. Điều chỉnh cho các khoản**		**323.914.591.696**	**48.101.980.059**
03	Khấu hao tài sản cố định		9.816.476.373	8.237.247.032
04	Các khoản dự phòng		94.680.314.443	57.735.560.544
06	Chi phí lãi vay		1.488.300.193.094	361.180.425.572
08	Dự thu tiền lãi		(1.268.882.392.214)	(379.051.253.089)
09	Các khoản điều chỉnh khác		-	-
10	**3. Tăng các chi phí phi tiền tệ**		**676.053.104.165**	**44.741.384.974**
11	Lỗ đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL và lỗ đánh giá lại phải trả chứng quyền		657.209.519.392	20.987.644.976
14	Lỗ về ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính AFS khi phân loại lại		18.843.584.773	23.753.739.998
18	**4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ**		**(1.286.802.380.165)**	**(41.452.565.234)**
19	Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL		(1.267.958.795.392)	(17.698.825.236)
20	Lãi về ghi nhận chênh lệch đánh giá theo giá trị hợp lý tài sản tài chính AFS khi phân loại lại		-	(4.065.000.000)
21	Lãi khác		(18.843.584.773)	(19.688.739.998)
30	**5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**4.188.748.979.434**	**1.271.089.321.431**
31	Tăng tài sản tài chính FVTPL		(13.021.888.537.829)	(1.249.541.452.256)
32	(Tăng)/Giảm các khoản đầu tư HTM		(34.100.000.000)	1.070.000.000.000
33	Tăng các khoản cho vay		(24.580.683.537.901)	(2.344.931.133.414)
34	Tăng tài sản tài chính AFS		(373.204.299.187)	(1.223.813.995.528)
35	(Tăng)/Giảm phải thu bán các tài sản tài chính		(369.217.557.000)	490.099.969
36	Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		379.051.253.089	382.397.737.046
37	Tăng phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp		(430.478.888.125)	(11.902.954.521)
39	Tăng các khoản phải thu khác		(16.440.857.913)	(22.286.896.888)
40	Tăng các tài sản khác		(1.454.666.425)	(1.584.286.357)
41	(Giảm)/Tăng chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(235.365.144)	691.574.232
42	(Tăng)/Giảm chi phí trả trước		(48.107.128.502)	7.697.069.731
43	Thuế TNDN đã nộp		(264.233.924.926)	(216.377.839.016)
44	Lãi vay đã trả		(1.413.507.201.049)	(354.243.294.494)
45	Tăng phải trả cho người bán		418.254.018.404	3.954.255.902
46	Giảm các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		(405.644.998)	(160.670.571)
47	Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		24.062.349.426	6.134.876.524
48	Tăng/(Giảm) phải trả người lao động		56.396.966.701	(3.465.699.852)
50	Tăng/(Giảm) phải trả, phải nộp khác		470.007.133.779	(320.934.605)
52	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(24.280.629.682)	(120.000.000)
60	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh**		**(35.041.717.537.848)**	**(2.686.294.222.667)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(TIẾP THEO)

B03 - CTCK

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(15.774.434.720)	(6.230.800.000)
70	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(15.774.434.720)**	**(6.230.800.000)**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
71	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		12.618.772.278.138	-
73	Tiền vay gốc		1.341.547.683.009.823	91.357.689.778.957
73.2	*- Tiền vay khác*		*1.341.547.683.009.823*	*91.357.689.778.957*
74	Tiền chi trả nợ gốc vay		(1.313.340.260.840.350)	(88.152.347.898.354)
74.3	*- Tiền chi trả gốc vay khác*		*(1.313.340.260.840.350)*	*(88.152.347.898.354)*
80	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**40.826.194.447.611**	**3.205.341.880.603**
90	**TĂNG TIỀN THUẦN TRONG NĂM**		**5.768.702.475.043**	**512.816.857.936**
101	**TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM**	**5**	**2.313.062.999.484**	**1.800.246.141.548**
101.1	Tiền		2.313.062.999.484	1.800.246.141.548
103	**TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM**	**5**	**8.081.765.474.527**	**2.313.062.999.484**
103.1	Tiền		7.081.765.474.527	2.313.062.999.484
103.2	Các khoản tương đương tiền		1.000.000.000.000	-

Bà Hà Thị Minh Ngọc
Người lập

Bà Nguyễn Thị Thu Giang
Kế toán Trưởng

Bà Đinh Thị Thu Hiền
Giám đốc Tài chính

Ông Nhâm Hà Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 12 tháng 03 năm 2026

B03 - CTCK

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
	I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng			
01	Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		196.412.819.812.227	93.342.917.797.590
02	Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(228.861.322.248.811)	(102.614.496.260.036)
07	Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		104.317.594.908.614	50.579.486.195.906
07.1	Tiền gửi ký quỹ của Nhà đầu tư tại VSDC		3.466.241.998.235	156.701.748.140
08	Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(73.327.498.598.299)	(41.530.815.585.030)
11	Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(15.888.852.361)	(6.286.391.519)
14	Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		6.391.730.972.500	326.354.597.000
15	Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(6.369.430.137.500)	(331.316.885.000)
20	Tăng/(Giảm) tiền thuần trong năm		2.014.247.854.605	(77.454.782.949)
30	**II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng**		**1.670.180.247.359**	**1.747.635.030.308**
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm		1.670.180.247.359	1.747.635.030.308
32	*- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý*		*999.470.377.635*	*806.684.043.993*
34	*- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán*		*584.616.275.640*	*795.396.028.755*
35	*- Tiền gửi của Tổ chức phát hành*		*86.093.594.084*	*145.554.957.560*
40	**III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)**		**3.684.428.101.964**	**1.670.180.247.359**
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		3.684.428.101.964	1.670.180.247.359
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	23.10	1.583.003.881.569	999.470.377.635
44	- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	23.10	2.032.267.998.730	584.616.275.640
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành	23.11	69.156.221.665	86.093.594.084

Bà Hà Thị Minh Ngọc
Người lập

Bà Nguyễn Thị Thu Giang
Kế toán Trưởng

Bà Đinh Thị Thu Hiền
Giám đốc Tài chính

Ông Nhâm Hà Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 12 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

B04 - CTCK

Cho năm tài chính kế thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B04 - CTCK

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm trong năm				Số dư cuối năm	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2024	Ngày 1 tháng 1 năm 2025	Năm trước		Năm nay		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
I. BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU									
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		15.001.440.311.004	15.001.440.311.004	-	-	12.712.500.000.000	(93.727.721.862)	15.001.440.311.004	27.620.212.589.142
1.1 Cổ phiếu phổ thông	*22.2*	*15.000.000.000.000*	*15.000.000.000.000*	-	-	*3.750.000.000.000*	-	*15.000.000.000.000*	*18.750.000.000.000*
1.2 Thặng dư vốn cổ phần	*22.2*	*1.440.311.004*	*1.440.311.004*	-	-	*8.962.500.000.000*	*(93.727.721.862)*	*1.440.311.004*	*8.870.212.589.142*
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		303.757.726	303.757.726	-	-	-	-	303.757.726	303.757.726
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		303.757.726	303.757.726	-	-	-	-	303.757.726	303.757.726
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý		4.065.000.000	(13.093.892.370)	30.406.095.059	(47.564.987.429)	371.857.302.155	(132.656.298.080)	(13.093.892.370)	226.107.111.705
5. Lợi nhuận chưa phân phối		1.439.316.365.660	2.414.996.765.211	978.311.455.343	(2.631.055.792)	3.569.118.213.112	-	2.414.996.765.211	5.984.114.978.323
5.1. Lợi nhuận đã thực hiện	*22.1*	*1.439.079.394.140*	*2.417.390.849.483*	*978.311.455.343*	-	*3.089.329.353.164*	-	*2.417.390.849.483*	*5.506.720.202.647*
5.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	*22.1*	*236.971.520*	*(2.394.084.272)*	-	*(2.631.055.792)*	*479.788.859.948*	-	*(2.394.084.272)*	*477.394.775.676*
TỔNG CỘNG		**16.445.429.192.116**	**17.403.950.699.297**	**1.008.717.550.402**	**(50.196.043.221)**	**16.653.475.515.267**	**(226.384.019.942)**	**17.403.950.699.297**	**33.831.042.194.622**

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

B04 - CTCK

Cho năm tài chính kế thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B04 - CTCK

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm					Số dư cuối năm	
		Ngày 1 tháng 1 năm 2024	Ngày 1 tháng 1 năm 2025	Năm trước			Năm nay		Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
				Tăng	Giảm		Tăng	Giảm		
		VND	VND	VND	VND		VND	VND	VND	VND
A	B	1	2	3	4		5	6	7	8
II. THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC										
1. Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS")	34	4.065.000.000	(13.093.892.370)	30.406.095.059	(47.564.987.429)		371.857.302.155	(132.656.298.080)	(13.093.892.370)	226.107.111.705
TỔNG CỘNG		**4.065.000.000**	**(13.093.892.370)**	**30.406.095.059**	**(47.564.987.429)**		**371.857.302.155**	**(132.656.298.080)**	**(13.093.892.370)**	**226.107.111.705**

Bà Hà Thị Minh Ngọc
Người lập

Bà Nguyễn Thị Thu Giang
Kế toán Trưởng

Bà Đinh Thị Thu Hiền
Giám đốc Tài chính

Ông Nhâm Hà Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 12 tháng 03 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

B09-CTCK
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank ("Công ty") (trước đây là "Công ty Cổ phần Chứng khoán ASC") là một công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 106/UBCK-GP do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 08 tháng 04 năm 2009, Giấy phép điều chỉnh số 136/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 26 tháng 12 năm 2025 và các giấy phép điều chỉnh khác.

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 36.000.000.000 VND và đã được bổ sung trong từng thời kỳ theo các giấy phép điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng vốn điều lệ của Công ty là 18.750.000.000.000 VND.

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, giao dịch ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán. Công ty có trụ sở chính tại Tầng 21 và Tầng 25, Tòa nhà Văn phòng Thương mại, số 89 Láng Hạ, phường Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có công ty con, công ty liên kết và đơn vị hạch toán phụ thuộc.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 812 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024: 582 người).

Những đặc điểm chính về hoạt động của Công ty

Quy mô vốn	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, tổng vốn điều lệ của Công ty là 18.750.000.000.000 VND, vốn chủ sở hữu là 33.831.042.194.622 VND và tổng tài sản là 73.017.077.466.072 VND
Mục tiêu đầu tư	Công ty đặt chiến lược trở thành một "one-stop shop" (trung tâm cung cấp toàn diện) về sản phẩm, dịch vụ đầu tư tài chính với chiến lược lấy khách hàng làm trọng tâm; dựa trên năng lực tư vấn, chất lượng sản phẩm và trải nghiệm số hàng đầu, cung cấp chuỗi giá trị tích hợp hệ sinh thái tập đoàn thông qua mô hình kinh doanh hybrid.
Hạn chế đầu tư	Công ty tuân thủ quy định tại Điều 28, Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và các quy định hiện hành về hạn chế đầu tư. Một số khoản mục hạn chế đầu tư theo các quy định hiện hành như sau: • Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán. • Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định trên và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán. • Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được phép mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về mua bán lại trái phiếu. • Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho các cá nhân khác thực hiện các nghiệp vụ sau: Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng; Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác; Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết; Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở; Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) trên tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh; Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh. • Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ các quy định trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán được quy định tại Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và 04 của Thông tư số 210/2014/TT-BTC và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

2.5 Quy định kế toán mới đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 99"), thay thế Thông tư số 200/2014/TT BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 và một số quy định khác có liên quan. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho các doanh nghiệp có năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026.

B09-CTCK
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo đó, báo cáo tình hình tài chính, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu và các thuyết minh báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, lưu chuyển tiền tệ và biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của Tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.3 Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

b) Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:
- Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau; hoặc
- Tài sản tài chính thuộc một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL". Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý so với năm trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

4.4 Tài sản tài chính giữ đến ngày đáo hạn ("HTM")

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá mua cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong năm liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

Lãi dự thu được ghi nhận trên khoản mục "*Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính*".

Các khoản đầu tư được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư HTM khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị hoặc số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục *"Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay"*.

4.5 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS")

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

a) Các khoản cho vay và phải thu;
b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS so với năm trước được thể hiện trên khoản mục "Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán" thuộc phần Thu nhập toàn diện khác trên báo cáo kết quả hoạt động.

Tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính, Công ty cũng đánh giá liệu có hay không bằng chứng khách quan rằng tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "*Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay*".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

4.5 Tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS") (Tiếp theo)

1. Trong trường hợp các công cụ vốn được phân loại là sẵn sàng để bán, bằng chứng khách quan bao gồm sự giảm giá trị hợp lý đáng kể hoặc kéo dài của khoản đầu tư dưới giá trị ghi sổ. "Đáng kể" dùng để đánh giá so với giá gốc của khoản đầu tư và "kéo dài" được dùng để chỉ giai đoạn mà giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá gốc và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

2. Trong trường hợp các công cụ nợ được phân loại sẵn sàng để bán, việc đánh giá suy giảm giá trị được thực hiện dựa trên các tiêu chí giống với các tiêu chí đánh giá các khoản đầu tư HTM. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá.

Lãi dự thu được ghi nhận trên khoản mục *"Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính"*.

4.6 Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

a) Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;

b) Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc

c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá trị giải ngân của khoản cho vay). Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục *"Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay"*.

4.7 Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính

Giá trị hợp lý/Giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán đã niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính.

- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính do Sở Giao dịch Chứng khoán công bố. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước thời điểm lập báo cáo tài chính, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tài chính.

- Đối với chứng khoán đã niêm yết mà không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày lập báo cáo tài chính hoặc Chứng khoán bị hủy niêm yết hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập báo cáo tài chính.

- Đối với trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết, đăng ký giao dịch, giá trái phiếu trên thị trường là giá giao dịch gần nhất tại Sở Giao dịch chứng khoán trong vòng 10 ngày tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp không có giao dịch trong vòng 10 ngày trước thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty không thực hiện trích lập dự phòng

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được xác định theo thứ tự ưu tiên lần lượt theo phương pháp giá gốc, hoặc giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá sáu (06) tháng tính đến ngày định giá, hoặc theo phương pháp định giá do cấp có thẩm quyền quyết định, và/hoặc giá được xác định do đơn vị định giá độc lập được Công ty chấp nhận.

4.8 Ngừng ghi nhận tài sản tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc

- Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản tài chính hoặc đồng thời phát sinh nghĩa vụ thanh toán gần như lập tức toàn bộ số tiền thu được cho bên thứ ba thông qua hợp đồng chuyển giao; và

  - Công ty chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn với tài sản; hoặc

  - Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Trường hợp khoản nợ ghi nhận có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

B09-CTCK
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

4.9 Phân loại lại tài sản tài chính

Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Công ty chứng khoán khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS hiện đang theo dõi trên khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" sẽ được ghi nhận vào tài khoản doanh thu hoặc chi phí tương ứng tại ngày phân loại lại các tài sản tài chính AFS khi bán.

Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty chứng khoán được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.

- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý" thuộc Vốn chủ sở hữu.

4.10 Các khoản đầu tư tài sản tài chính dài hạn

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính của Công ty. Cổ tức được chia từ lợi nhuận sau thuế của các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư dài hạn khác được lập cho từng khoản đầu tư có tổn thất, và được xem xét vào cuối năm tài chính. Công ty thực hiện trích lập dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác nếu khoản đầu tư bị tổn thất do các đơn vị nhận vốn góp bị lỗ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm.

4.11 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục *"Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay"* và *"Chi phí hoạt động khác"* trong năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

4.12 Nguyên tắc kế toán ghi nhận các khoản đầu tư đem đi thế chấp

Trong năm, Công ty có các khoản đầu tư được đem đi thế chấp/cầm cố để thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Công ty.

Theo các điều kiện và điều khoản của hợp đồng thế chấp/cầm cố, trong thời gian hiệu lực của hợp đồng, Công ty không được sử dụng các tài sản thế chấp/cầm cố để bán, chuyển nhượng, tham gia vào các hợp đồng bán và cam kết mua lại, hợp đồng hoán đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác.

Trong trường hợp Công ty không thực hiện nghĩa vụ phải trả, bên nhận thế chấp/cầm cố sẽ được sử dụng tài sản thế chấp/cầm cố để thanh toán các nghĩa vụ của Công ty sau khoảng thời gian xác định trong hợp đồng thế chấp/cầm cố kể từ ngày nghĩa vụ thanh toán của Công ty bắt đầu quá hạn.

Các tài sản được đem đi thế chấp/cầm cố được theo dõi trên báo cáo tình hình tài chính theo nguyên tắc phù hợp với loại tài sản mà tài sản đó được phân loại.

4.13 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.14 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.15 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm	3 - 5 năm
Tài sản cố định vô hình khác	3 - 5 năm

4.16 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa theo thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

4.17 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ một (1) đến ba (3) năm vào báo cáo kết quả hoạt động:

- Chi phí cải tạo văn phòng;
- Chi phí thuê văn phòng;
- Chi phí vật dụng văn phòng; và
- Chi phí gia hạn dịch vụ, bảo trì, bảo hành các phần mềm.

4.18 Các khoản vay

Các khoản vay của Công ty được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

4.19 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả khác và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến lãi trái phiếu, hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.20 Chứng quyền mua có bảo đảm

Chứng quyền mua có bảo đảm là chứng khoán có tài sản đảm bảo do Công ty phát hành, cho phép người sở hữu được quyền mua chứng khoán cơ sở từ tổ chức phát hành chứng quyền đó theo một mức giá thực hiện, hoặc nhận khoản tiền chênh lệch khi giá (chỉ số) của chứng khoán cơ sở cao hơn giá thực hiện (chỉ số thực hiện) tại thời điểm thực hiện.

Khi phân phối chứng quyền, Công ty ghi tăng phải trả chứng quyền đồng thời theo dõi ngoại bảng số chứng quyền còn được phép phát hành. Chi phí ban đầu liên quan đến phát hành chứng quyền như xin cấp giấy chứng nhận chào bán, thực hiện phân phối chứng quyền trên thị trường sơ cấp, niêm yết, lưu ký chứng quyền được ghi vào khoản mục *"Chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính FVTPL"* trên báo cáo kết quả hoạt động. Lãi/Lỗ khi mua lại chứng quyền, đáo hạn chứng quyền hoặc khi chứng quyền bị thu hồi được ghi vào khoản mục *"Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL"* hoặc *"Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL"* tương ứng trên báo cáo kết quả hoạt động.

Cuối kỳ, Công ty thực hiện đánh giá lại chứng quyền theo giá trị hợp lý. Trường hợp giá của chứng quyền đang lưu hành giảm xuống, phần chênh lệch ghi nhận vào *"Lãi từ các các tài sản tài chính FVTPL"* (chi tiết Chênh lệch giảm do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành). Trường hợp giá của chứng quyền đang lưu hành tăng, phần chênh lệch được ghi nhận vào *"Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL"* (chi tiết Chênh lệch tăng do đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành).

Công ty theo dõi chi tiết chứng khoán phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm. Cuối năm, giá trị của chứng khoán cơ sở để phòng ngừa rủi ro được đánh giá lại và ghi nhận việc đánh giá lại tương tự như đánh giá lại tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

4.21 Lợi ích của nhân viên

4.24.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Công ty khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Công ty đóng góp vào trợ cấp hưu trí này bằng việc đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Công ty không phải có một nghĩa vụ nào khác.

4.21.2 Trợ cấp thôi việc

Theo Điều 46 Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021 và Nghị định số 145/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động, Công ty có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc cho người lao động tự nguyện thôi việc và đáp ứng đầy đủ các yếu tố theo quy định của pháp luật. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc, trợ cấp mất việc làm. Mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc

4.21.3 Bảo hiểm thất nghiệp

Theo Điều 57 Luật Việc làm số 38/2013/QH13 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Công ty có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp. Theo Quyết định 28/2021/QĐ-TTg, từ ngày 01 tháng 10 năm 2021, công ty được giảm mức đóng bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động xuống bằng 0% trong 12 tháng.

4.22 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

4.23 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

4.24 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ"), nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí năm trước; khoản nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; và các khoản thu khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

Thu nhập lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập, ngoại trừ cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ khác

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

4.25 Phương pháp tính giá vốn chứng khoán tự doanh bán ra

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền cuối ngày để tính giá vốn chứng khoán tự doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

4.26 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho/hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4.27 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp từ phát hành cổ phiếu được ghi vào tài khoản vốn điều lệ theo mệnh giá.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và chưa thực hiện.
Lợi nhuận chưa thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc các khoản khác tính vào báo cáo lãi lỗ của Báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính và khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả liên quan đến phần đánh giá tăng so với giá gốc của tài sản tài chính FVTPL và các khoản khác của Công ty.

Lợi nhuận đã thực hiện của năm tài chính là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện.

Các quỹ

Các quỹ được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên của Đại hội đồng Cổ đông.

Công ty còn số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 10 năm 2014. Công ty sẽ xử lý số dư các quỹ này theo quy định tại Thông tư số 114/2021/TT-BTC về hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, bãi bỏ Thông tư 146/2014/TT-BTC, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 2 năm 2022.

Trong năm 2025, Công ty không thực hiện trích quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

4.28 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận được chia khi công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đã trích lập các quỹ và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ, đồng thời vẫn bảo đảm thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn trả sau khi chia lợi nhuận. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

Đại hội đồng cổ đông quyết định về tỷ lệ, hình thức phân chia lợi nhuận và chia thưởng theo quy định của pháp luật.

4.29 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên các dịch vụ được cung cấp cho nhà đầu tư. Ban Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty dựa theo địa điểm của tài sản.

4.30 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4.31 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính này theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 do Bộ Tài chính ban hành là các khoản mục không có số dư.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025	31/12/2024
Tiền	**7.081.765.474.527**	**2.313.062.999.484**
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.081.765.474.527	2.313.062.999.484
Các khoản tương đương tiền	**1.000.000.000.000**	-
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	1.000.000.000.000	-
Tổng cộng	**8.081.765.474.527**	**2.313.062.999.484**

B09-CTCK
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

Đơn vị tính: VND

	2025		2024	
	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VND)	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm (đơn vị)	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm (VND)
A. Của Công ty	**2.544.189.335**	**250.781.279.331.875**	**767.199.481**	**119.370.547.824.466**
- Cổ phiếu	1.183.336.381	40.038.368.211.708	23.128.664	680.625.854.300
- Trái phiếu	894.318.335	176.031.663.243.696	600.926.166	104.672.300.038.945
- Chứng chỉ tiền gửi	41.620.801	28.459.997.183.517	2.601.445	11.615.315.816.343
- Chứng quyền	424.913.800	821.250.692.954	140.543.200	154.667.711.179
- Tiền gửi có kỳ hạn	18	5.430.000.000.000	6	2.247.638.403.699
B. Của Nhà đầu tư	**14.976.603.971**	**486.881.290.703.654**	**7.264.659.248**	**241.905.800.821.923**
- Cổ phiếu	14.219.808.442	383.472.369.942.864	6.701.072.296	163.842.861.611.700
- Trái phiếu	382.462.385	99.669.850.404.469	356.418.716	77.840.343.810.973
- Chứng chỉ quỹ	76.503.871	3.188.673.807.967	68.742.738	141.442.752.660
- Chứng quyền	297.829.273	550.396.548.354	138.425.498	81.152.646.590
Tổng cộng	**17.520.793.306**	**737.662.570.035.529**	**8.031.858.729**	**c**

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Một số khái niệm về tài sản tài chính

Giá gốc

Giá gốc của tài sản tài chính là số tiền hoặc tương đương tiền đã trả, đã giải ngân hoặc phải trả của tài sản tài chính đó vào thời điểm tài sản tài chính được ghi nhận ban đầu. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính có thể được tính vào giá gốc của tài sản tài chính hoặc không.

Giá trị hợp lý/Giá trị thị trường

Giá trị hợp lý hay còn gọi là giá trị thị trường của tài sản tài chính là giá trị tài sản tài chính có thể trao đổi một cách tự nguyện giữa các bên có đầy đủ hiểu biết trong trao đổi ngang giá.

Giá trị hợp lý/thị trường của chứng khoán được xác định theo phương pháp trình bày tại *Thuyết minh số 4.7.*

Giá trị phân bổ

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính (là công cụ nợ) được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính, dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi được trình bày tại khoản mục "Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp" trên báo cáo tình hình tài chính.

Giá trị ghi sổ

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính là giá trị mà tài sản tài chính được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính. Tùy thuộc vào từng loại tài sản tài chính, giá trị ghi sổ có thể là giá trị hợp lý (tài sản tài chính FVTPL, tài sản tài chính AFS) hoặc giá trị phân bổ (các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ("HTM"), các khoản cho vay).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

B09-CTCK
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

7.1 Tài sản tài chính FVTPL

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025		31/12/2024	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu	**5.341.073.980.820**	**5.928.916.512.200**	**1.640.615.360.060**	**1.637.357.001.660**
Cổ phiếu niêm yết và đăng ký giao dịch trên UPCoM	4.869.840.267.091	5.461.815.840.000	25.770.652.800	22.512.294.400
Cổ phiếu niêm yết cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	300.268.102.729	296.135.061.200	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	170.965.611.000	170.965.611.000	1.614.844.707.260	1.614.844.707.260
Trái phiếu	**12.946.411.711.680**	**12.946.446.394.528**	**7.697.161.600.411**	**7.697.427.353.471**
Trái phiếu niêm yết	11.413.275.959	11.447.958.807	74.045.700.000	74.311.453.060
Trái phiếu chưa niêm yết	12.934.998.435.721	12.934.998.435.721	7.623.115.900.411	7.623.115.900.411
Công cụ thị trường tiền tệ	**7.275.000.000.000**	**7.275.000.000.000**	**3.202.820.194.200**	**3.202.820.194.200**
Chứng chỉ tiền gửi và Hợp đồng tiền gửi	7.275.000.000.000	7.275.000.000.000	3.202.820.194.200	3.202.820.194.200
Tổng cộng	**25.562.485.692.500**	**26.150.362.906.728**	**12.540.597.154.671**	**12.537.604.549.331**

7.2 Tài sản tài chính AFS

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025		31/12/2024	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu	**992.500.000.000**	**1.336.000.000.000**	**-**	**-**
Cổ phiếu niêm yết (*)	**717.000.000.000**	**1.060.500.000.000**	**-**	**-**
Của VPBankS	478.000.000.000	707.000.000.000	-	-
Của Nhà đầu tư	239.000.000.000	353.500.000.000	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	**275.500.000.000**	**275.500.000.000**	**-**	**-**
Trái phiếu	**996.608.294.715**	**993.715.406.420**	**1.733.153.995.528**	**1.720.060.103.158**
Trái phiếu niêm yết	996.608.294.715	993.715.406.420	1.072.553.995.528	1.059.460.103.158
Trái phiếu chưa niêm yết	-	-	660.600.000.000	660.600.000.000
Tổng cộng	**1.989.108.294.715**	**2.329.715.406.420**	**1.733.153.995.528**	**1.720.060.103.158**

(*) Đây là tổng giá trị cổ phiếu hợp tác đầu tư giữa VPBankS và đối tác liên quan đến việc hợp tác đầu tư mua cổ phiếu theo đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ. VPBankS đứng tên sở hữu toàn bộ cổ phiếu và có toàn quyền thực hiện giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hợp tác để hiện thực hóa lợi nhuận đầu tư dự kiến theo hợp đồng hợp tác đầu tư. Cổ phiếu có thời gian hạn chế chuyển nhượng 01 (một) năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán (ngày 24 tháng 06 năm 2025). Giá trị cổ phiếu của Nhà đầu tư được ghi đối ứng phải trả tại khoản mục *"Phải trả hợp đồng hợp tác đầu tư cổ phiếu", Thuyết minh số 21.*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

B09-CTCK
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

7.3 Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính

Đơn vị tính: VND

Các loại tài sản tài chính	31/12/2025				31/12/2024			
	Chênh lệch đánh giá				Chênh lệch đánh giá			
	Giá mua/Giá gốc	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Giá trị đánh giá lại	Giá mua/Giá gốc	Chênh lệch tăng	Chênh lệch giảm	Giá trị đánh giá lại
FVTPL	**25.562.485.692.500**	**660.830.640.260**	**(72.953.426.032)**	**26.150.362.906.728**	**12.540.597.154.671**	**265.753.060**	**(3.258.358.400)**	**12.537.604.549.331**
Cổ phiếu niêm yết	4.869.840.267.091	656.529.063.741	(64.553.490.832)	5.461.815.840.000	25.770.652.800	-	(3.258.358.400)	22.512.294.400
Cổ phiếu niêm yết cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	300.268.102.729	4.266.893.671	(8.399935.200)	296.135.061.200	-	-	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	170.965.611.000	-	-	170.965.611.000	1.614.844.707.260	-	-	1.614.844.707.260
Trái phiếu niêm yết	11.413.275.959	34.682.848	-	11.447958.807	74.045.700.000	265.753.060	-	74.311.453.060
Trái phiếu chưa niêm yết	12.934.998.435.721	-	-	12.934.998.435.721	7.623.115.900.411	-	-	7.623.115.900.411
Công cụ thị trường tiền tệ	7.275.000.000.000	-	-	7.275.000.000.000	3.202.820.194.200	-	-	3.202.820.194.200
AFS	**1.989.108.294.715**	**343.500.000.000**	**(2.892.888.295)**	**2.329.715.406.420**	**1.733.153.995.528**	**-**	**(13.093.892.370)**	**1.720.060.103.158**
Cổ phiếu niêm yết	717.000.000.000	343.500.000.000	-	1.060.500.000.000	-	-	-	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	275.500.000.000	-	-	275.500.000.000	-	-	-	-
Trái phiếu niêm yết	996.608.294.715	-	(2.892.888.295)	993.715.406.420	1.072.553.995.528	-	(13.093.892.370)	1.059.460.103.158
Trái phiếu chưa niêm yết	-	-	-	-	660.600.000.000	-	-	660.600.000.000
Tổng cộng	**27.551.593.987.215**	**1.004.330.640.260**	**(75.846.314.327)**	**28.480.078.313.148**	**14.273.751.150.199**	**265.753.060**	**(16.352.250.770)**	**14.257.664.652.489**

7.4 Các khoản cho vay

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025		31/12/2024	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý (3)	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý (3)
Cho vay hoạt động ký quỹ (1)	33.894.107.972.941	33.732.493.442.721	9.447.456.482.805	9.363.694.847.824
Cho vay hoạt động ứng trước tiền bán của khách hàng (2)	199.111.283.036	199.111.283.036	65.079.235.271	65.079.235.271
Tổng cộng	**34.093.219.255.977**	**33.931.604.725.757**	**9.512.535.718.076**	**9.428.774.083.095**

1. Chứng khoán của Nhà đầu tư tham gia vào giao dịch vay ký quỹ được Công ty giữ như tài sản cầm cố cho khoản vay này của Nhà đầu tư với Công ty.
2. Đây là khoản phải thu liên quan đến hoạt động ứng trước tiền bán cổ phiếu cho Nhà đầu tư trong thời gian chờ nhận tiền bán cổ phiếu.
3. Giá trị hợp lý của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi sổ của khoản vay trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay.

7.5 Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản nhận thế chấp

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025	31/12/2024
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản vay	(161.614.530.220)	(83.761.634.981)
Tổng cộng	**(161.614.530.220)**	**(83.761.634.981)**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

7.6 Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025	31/12/2024
Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng	34.100.000.000	-
Tổng cộng	**34.100.000.000**	**-**

8. CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH KHÁC

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025	31/12/2024
1. Phải thu bán các tài sản tài chính	453.294.653.018	84.077.096.018
- Phải thu khó đòi	*84.077.096.018*	*84.077.096.018*
2. Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	1.268.882.392.214	379.051.253.089
- Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận	*-*	*6.082.801.230*
- Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	*1.268.882.392.214*	*372.968.451.859*
3. Trả trước cho người bán (1)	18.010.181.522	5.377.489.387
4. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	456.065.355.846	25.686.467.721
Trong đó: Phải thu khó đòi	*70.000.000*	*30.000.000*
5. Các khoản phải thu khác	1.807.342.257	560.468.609
6. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	(58.895.967.213)	(42.068.548.009)
Tổng cộng	**2.139.163.957.644**	**452.684.226.815**

(1) Đây là các khoản trả trước cho người bán liên quan đến cung cấp dịch vụ sửa chữa văn phòng, cung cấp phần mềm và cung cấp dịch vụ truyền thông, marketing.

B09-CTCK
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Chi tiết dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu:

Đơn vị tính: VND

	Giá trị phải thu khó đòi đầu năm	Số dự phòng đầu năm	Số trích lập trong năm	Số hoàn nhập/xử lý nợ trong năm	Số dự phòng cuối năm	Giá trị phải thu khó đòi cuối năm
Phải thu bán các tài sản tài chính khó đòi	84.077.096.018	(42.038.548.009)	(16.815.419.204)	-	(58.853.967.213)	84.077.096.018
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Smart Invest	*56.000.362.315*	*(28.000.181.157)*	*(11.200.072.463)*	-	*(39.200.253.620)*	*56.000.362.315*
- Trần Lê Thu Trang	*28.076.733.703*	*(14.038.366.852)*	*(5.615.346.741)*	-	*(19.653.713.593)*	*28.076.733.703*
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp khó đòi	30.000.000	(30.000.000)	(2.442.048.103)	2.430.048.103	(42.000.000)	70.000.000
- Công ty cổ phần ICD Nam Đình Vũ	-	-	*(12.000.000)*	-	*(12.000.000)*	*40.000.000*
- Công ty TNHH Quản lý Đầu tư Thiên An	-	-	*(754.012.603)*	*754.012.603*	-	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Du lịch Phú Quốc	-	-	*(1.676.035.500)*	*1.676.035.500*	-	-
- Công ty Cổ phần Bao bì nhựa Sài Gòn	*17.500.000*	*(17.500.000)*	-	-	*(17.500.000)*	*17.500.000*
- Công ty Cổ phần Công nghệ in ấn và tem nhãn Thái Dương	*12.500.000*	*(12.500.000)*	-	-	*(12.500.000)*	*12.500.000*
Tổng cộng	**84.107.096.018**	**(42.068.548.009)**	**(19.257.467.307)**	**2.430.048.10**	**(58.895.967.213)**	**84.147.096.018**

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025	31/12/2024
Tạm ứng	902.335.640	2.794.178.623
Vật tư văn phòng, công cụ dụng cụ	3.895.945.750	549.436.342
- Chi phí trả trước ngắn hạn	*28.695.903.690*	*3.477.974.293*
- Chi phí dịch vụ khoản vay	*13.005.946.041*	-
- Chi phí thuê văn phòng	*2.898.602.899*	-
- Chi phí công cụ, dụng cụ	*153.513.325*	*125.100.779*
- Chi phí phần mềm	*11.248.327.420*	*1.702.175.428*
- Chi phí thuê bao dữ liệu	-	*256.014.321*
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	*1.389.514.005*	*1.394.683.765*
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	14.166.000.000	140.000.000
Tổng cộng	**47.660.185.080**	**6.961.589.258**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025		31/12/2024	
	Tỷ lệ biểu quyết của Công ty	Giá trị VND	Tỷ lệ biểu quyết của Công ty	Giá trị VND
Đầu tư dài hạn khác				
- Công ty cổ phần sàn giao dịch tài sản mã hóa Việt Nam Thịnh Vượng	*11%*	*2.750.000.000*	-	-
Tổng cộng		**2.750.000.000**		**-**

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Máy móc, thiết bị	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá			
Ngày 1 tháng 1 năm 2025	23.439.125.761	2.192.128.907	25.631.254.668
Tăng trong năm	19.167.826.200	1.355.214.860	20.803.133.004
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	42.606.951.961	3.547.343.767	46.154.295.728
Giá trị hao mòn lũy kế			
Ngày 1 tháng 1 năm 2025	(6.792.305.798)	(1.242.984.352)	(8.035.290.150)
Khấu hao trong năm	(4.939.353.933)	(1.064.088.807)	(6.003.442.740)
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	(11.731.659.731)	(2.307.073.159)	(14.038.732.890)
Giá trị còn lại			
Ngày 1 tháng 1 năm 2025	16.646.819.963	949.144.555	17.595.964.518
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	30.875.292.230	1.240.270.608	32.115.562.838

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá		
Ngày 1 tháng 1 năm 2025	19.160.900.000	19.160.900.000
Tăng trong năm	350.000.000	350.000.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	19.510.900.000	19.510.900.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Ngày 1 tháng 1 năm 2025	(7.470.429.438)	(7.470.429.438)
Hao mòn trong năm	(3.813.033.633)	(3.813.033.633)
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	(11.283.463.071)	(11.283.463.071)
Giá trị còn lại		
Ngày 1 tháng 1 năm 2025	11.690.470.562	11.690.470.562
Ngày 31 tháng 12 năm 2025	8.227.436.929	8.227.436.929

B09-CTCK
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025	31/12/2024
Chi phí thuê văn phòng	181.126.160.576	190.182.468.608
Chi phí sửa chữa văn phòng	12.736.358.813	11.066.643.357
Chi phí trả trước công cụ dụng cụ chờ phân bổ	4.059.468.328	1.971.582.315
Chi phí phần mềm	317.059.159	-
Chi phí chỉnh sửa tính năng phần mềm	1.340.906.181	1.060.132.743
Chi phí trả trước dài hạn khác	594.965.878	140.034.266
Tổng cộng	**200.174.918.935**	**204.420.861.289**

14. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

Theo quy định hiện hành của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và hàng năm phải đóng bổ sung 0,01% tổng giá trị chứng khoán môi giới của năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ VND/ năm. Giới hạn tối đa về mức đóng góp của mỗi thành viên lưu ký vào Quỹ hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ VND đối với thành viên lưu ký là Công ty chứng khoán có nghiệp vụ tự doanh, môi giới.

Chi tiết tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025	31/12/2024
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung hàng năm	7.089.913.612	4.878.735.507
Tiền lãi phân bổ hàng năm	731.340.272	411.261.268
Tổng cộng	**7.941.253.884**	**5.409.996.775**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

B09-CTCK
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	Lãi suất	Số đầu năm	Số vay trong năm	Số trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn (*)		**9.133.001.998.710**	**78.320.584.962.968**	**(64.694.401.961.678)**	**22.759.185.000.000**
Sumitomo Mitsui Banking Corporation Singapore Branch (SMBC)		-	3.891.025.000.000	-	3.891.025.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam		2.738.199.998.710	9.778.499.962.968	(10.885.699.961.678)	1.631.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong		2.000.000.000.000	4.319.800.000.000	(4.954.900.000.000)	1.364.900.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam		850.000.000.000	5.942.000.000.000	(3.817.000.000.000)	2.975.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam	**Từ 4,0% trở lên**	500.000.000.000	5.264.000.000.000	(5.164.000.000.000)	600.000.000.000
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam		200.000.000.000	8.700.000.000.000	(5.725.000.000.000)	3.175.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh		135.000.000.000	2.278.000.000.000	(733.000.000.000)	1.680.000.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu		-	2.997.000.000.000	(1.997.000.000.000)	1.000.000.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam		-	3.500.000.000.000	(2.000.000.000.000)	1.500.000.000.000
Ngân hàng khác		2.709.802.000.000	31.650.260.000.000	(29.417.802.000.000)	4.942.260.000.000
Vay đối tượng khác	**Từ 1,5% trở lên**	**1.649.805.430**	**1.263.227.098.046.855**	**(1.248.645.858.878.672)**	**14.582.888.973.613**
Cá nhân và các tổ chức khác		1.649.805.430	1.263.227.098.046.855	(1.248.645.858.878.672)	14.582.888.973.613
Tổng cộng		**9.134.651.804.140**	**1.341.547.683.009.823**	**(1.313.340.260.840.350)**	**37.342.073.973.613**

(*) Mục đích khoản vay là phục vụ cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

16. CÁC TÀI SẢN ĐÃ CẦM CỐ THẾ CHẤP

Đơn vị tính: VND

Tài sản	Số cuối năm	Số đầu năm	Mục đích đảm bảo
Ngắn hạn			
Tiền gửi có kỳ hạn - tính theo mệnh giá	864.100.000.000	-	Các khoản vay ngắn hạn
Trái phiếu niêm yết AFS - tính theo mệnh giá	-	516.000.000.000	Các khoản vay ngắn hạn
Chứng chỉ tiền gửi FVTPL - tính theo mệnh giá	4.350.000.000.000	3.110.000.000.000	Các khoản vay ngắn hạn
Chứng chỉ tiền gửi FVTPL - tính theo mệnh giá	445.000.000.000	-	Chứng quyền
Tổng cộng	**5.659.100.000.000**	**3.626.000.000.000**	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

B09-CTCK
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025	31/12/2024
Phải trả Sở GDCK Hồ Chí Minh và Sở GDCK Hà Nội	15.084.253.659	4.376.301.669
Phải trả Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam	11.109.316.161	730.758.135
Phải trả chứng quyền đang lưu hành (*)	51.428.712.000	-
Phải trả tổ chức cá nhân khác	28.787.000	25.460.068
Tổng cộng	**77.651.068.820**	**5.132.519.872**

(*) Chi tiết chứng quyền có bảo đảm của Công ty như sau:

Mã chứng quyền	*Chứng khoán cơ sở*	*Ngày phát hành*	*Ngày đáo hạn*	*Số lượng chứng quyền được phép phát hành*	*Số lượng chứng quyền đang lưu hành*	*Số lượng chứng quyền chưa lưu hành*
CACB2509	ACB	23/06/2025	23/01/2026	6.000.000	3.736.700	2.263.300
CFPT2516	FPT	23/06/2025	23/01/2026	5.000.000	4.560.000	440.000
CHPG2522	HPG	23/06/2025	23/03/2026	7.500.000	3.909.300	3.590.700
CHPG2523	HPG	23/06/2025	23/06/2026	7.500.000	5.709.400	1.790.600
CMBB2515	MBB	23/06/2025	23/03/2026	6.000.000	2.275.800	3.724.200
CSTB2519	STB	23/06/2025	23/06/2026	6.000.000	2.132.800	3.867.200
CSTB2520	STB	23/06/2025	23/03/2026	6.000.000	1.966.800	4.033.200
CTCB2511	TCB	23/06/2025	23/03/2026	6.000.000	5.612.800	387.200
CVNM2514	VNM	23/06/2025	23/01/2026	4.000.000	2.814.600	1.185.400
Tổng cộng				**54.000.000**	**32.718.200**	**21.281.800**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025	31/12/2024
Phải trả mua tài sản tài chính	414.571.581.000	-
Phải trả người bán	25.975.718.443	6.026.644.699
- Công ty Cổ phần Công nghệ Bằng Hữu	*9.316.017.900*	-
- Công ty TNHH Một thành viên Viễn thông quốc tế FPT	*3.617.419.440*	-
- Công ty TNHH FPT IS	*3.293.709.000*	-
- Công ty TNHH Thịnh Điền	*3.287.591.690*	*1.916.468.955*
- Công ty TNHH NOVENTIQ Việt Nam	-	*1.635.340.592*
- Công ty TNHH FPT Smart Cloud	-	*768.621.556*
Phải trả người bán khác	6.460.980.413	1.706.213.596
Tổng cộng	**440.547.299.443**	**6.026.644.699**

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025	31/12/2024
Thuế giá trị gia tăng	487.296.451	28.708.886
Thuế thu nhập doanh nghiệp	587.042.677.021	75.771.567.373
Thuế thu nhập cá nhân	41.692.228.605	20.001.199.745
Thuế nhà thầu	2.515.672.225	602.939.224
Tổng cộng	**631.737.874.302**	**96.404.415.228**

B09-CTCK
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Chi tiết thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

STT	Chỉ tiêu	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Tăng/(giảm) khác	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
I	**Thuế**	**96.404.415.228**	**1.250.853.285.551**	**(1.442.375.530)**	**(714.077.450.947)**	**631.737.874.302**
1	Thuế giá trị gia tăng	28.708.886	56.662.002.662	-	(56.203.415.097)	487.296.451
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp *(Thuyết minh số 33.1)*	75.771.567.373	775.505.034.574	-	(264.233.924.926)	587.042.677.021
3	Thuế thu nhập cá nhân	20.001.199.745	402.766.658.330	(1.442.375.530)	(379.633.253.940)	41.692.228.605
4	Thuế nhà thầu	602.939.224	15.916.589.985	-	(14.003.856.984)	2.515.672.225
5	Thuế môn bài	-	3.000.000	-	(3.000.000)	-
	Tổng cộng	**96.404.415.228**	**1.250.853.285.551**	**(1.442.375.530)**	**(714.077.450.947)**	**631.737.874.302**

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025	31/12/2024
Chi phí lãi vay	62.334.998.381	14.677.147.795
Chi phí Cloud	703.242.419	823.280.766
Chi phí cước viễn thông, SMS	294.720.453	105.000.000
Chi phí phải trả khác	1.296.110.405	1.601.157.655
Tổng cộng	**64.629.071.658**	**17.206.586.216**

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025	31/12/2024
Phải trả hợp đồng hợp tác đầu tư cổ phiếu	353.500.000.000	-
- Phải trả tiền góp vốn	*239.000.000.000*	-
- Phải trả chênh lệch đánh giá lại cổ phiếu Hợp tác đầu tư	*114.500.000.000*	-
Phải trả ngắn hạn khác	34.358.640.574	10.354.432.453
Tổng cộng	**387.858.640.574**	**10.354.432.453**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

B09-CTCK
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Lợi nhuận chưa phân phối

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025	31/12/2024
Lợi nhuận đã thực hiện	5.506.720.202.647	2.417.390.849.483
Lợi nhuận chưa thực hiện	477.394.775.676	(2.394.084.272)
Tổng cộng	**5.984.114.978.323**	**2.414.996.765.211**

22.2 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu trong năm 2025:

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số đầu năm	**15.000.000.000.000**	**1.440.311.004**	**(13.093.892.370)**	**303.757.726**	**303.757.726**	**2.414.996.765.211**	**17.403.950.699.297**
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	3.569.118.213.112	3.569.118.213.112
Phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng theo Nghị quyết số 3.2/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03 tháng 09 năm 2025 của Đại hội đồng cổ đông	3.750.000.000.000	8.868.772.278.138	-	-	-	-	12.618.772.278.138
Đánh giá lại TSTC	-	-	239.201.004.075	-	-	-	239.201.004.075
Số cuối năm	**18.750.000.000.000**	**8.870.212.589.142**	**226.107.111.705**	**303.757.726**	**303.757.726**	**5.984.114.978.323**	**33.831.042.194.622**

Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu trong năm 2024:

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số đầu năm	**15.000.000.000.000**	**1.440.311.004**	**4.065.000.000**	**303.757.726**	**303.757.726**	**1.439.316.365.660**	**16.445.429.192.116**
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	975.680.399.551	975.680.399.551
Đánh giá lại TSTC	-	-	(17.158.892.370)	-	-	-	(17.158.892.370)
Số cuối năm	**15.000.000.000.000**	**1.440.311.004**	**(13.093.892.370)**	**303.757.726**	**303.757.726**	**2.414.996.765.211**	**17.403.950.699.297**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.3 Cổ phiếu

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025	31/12/2024
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	**1.875.000.000**	**1.500.000.000**
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	**1.875.000.000**	**1.500.000.000**
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	1.875.000.000	1.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	*1.875.000.000*	*1.500.000.000*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	**1.875.000.000**	**1.500.000.000**
- Cổ phiếu phổ thông	*1.875.000.000*	*1.500.000.000*

23. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

23.1 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của CTCK

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025	31/12/2024
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	14.629.060.845.000	6.021.959.940.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	419.000.000.000	516.000.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	40.254.870.000	-
Tổng cộng	**15.088.315.715.000**	**6.537.959.940.000**

23.2 Tài sản tài chính chờ về của CTCK

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025	31/12/2024
Cổ phiếu và chứng quyền	53.401.450.000	-
Trái phiếu	-	-
Tổng cộng	**53.401.450.000**	**-**

23.3 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của CTCK

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025	31/12/2024
Lưu ký tại Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank	-	614.656.000.000
Lưu ký khác	652.873.880.000	3.014.312.270.000
Tổng cộng	**652.873.880.000**	**3.628.968.270.000**

B09-CTCK
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23.4 Tài sản tài chính được hưởng quyền của CTCK

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025	31/12/2024
Cổ phiếu	6.000.000.000	-
Tổng cộng	**6.000.000.000**	**-**

23.5 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của Nhà đầu tư

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025	31/12/2024
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	50.777.334.706.800	21.573.322.550.000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	1.830.401.460.000	1.691.270.010.000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	17.182.440.080.000	4.322.792.890.000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	91.996.960.000	72.000.000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	217.186.406.000	149.607.170.000
Tổng cộng	**70.099.359.612.800**	**27.737.064.620.000**

23.6 Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của Nhà đầu tư

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025	31/12/2024
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	27.164.540.000	67.541.750.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	272.220.000.000	-
Tổng cộng	**299.384.540.000**	**67.541.750.000**

23.7 Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025	31/12/2024
Cổ phiếu	594.803.910.000	185.263.590.000
Chứng chỉ quỹ	-	8.000.000
Chứng quyền	401.478.200	276.730.000
Tổng cộng	**595.205.388.200**	**185.548.320.000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

B09-CTCK
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

23.8 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của Nhà đầu tư

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025	31/12/2024
Trái phiếu (*)	-	13.253.579.000.000
Tổng cộng	**-**	**13.253.579.000.000**

(*) Tài sản tài chính lưu ký tại Công ty

23.9 Tài sản tài chính được hưởng quyền của Nhà đầu tư

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025	31/12/2024
Cổ phiếu	679.707.770.000	304.645.930.000
Trái phiếu	9.597.200.000	-
Tổng cộng	**689.304.970.000**	**304.645.930.000**

23.10 Tiền gửi Nhà đầu tư

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025	31/12/2024
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	1.583.003.881.569	999.470.377.635
- Tiền gửi của Nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	*1.583.003.881.569*	*999.470.377.635*
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	2.032.267.998.730	584.616.275.640
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư trong nước	*2.030.522.485.312*	*583.836.213.655*
- Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán Nhà đầu tư nước ngoài	*1.745.513.418*	*780.061.985*
Tổng cộng	**3.615.271.880.299**	**1.584.086.653.275**

23.11 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025	31/12/2024
Tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành	69.156.221.665	86.093.594.084
Tổng cộng	**69.156.221.665**	**86.093.594.084**

23.12 Phải trả Nhà đầu tư của CTCK

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025	31/12/2024
Phải trả Nhà đầu tư Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	3.615.633.633.239	1.584.099.240.820
- Của Nhà đầu tư trong nước	*3.615.120.056.171*	*1.583.679.111.901*
- Của Nhà đầu tư nước ngoài	*513.577.068*	*420.128.919*
Tổng cộng	**3.615.633.633.239**	**1.584.099.240.820**

23.13 Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025	31/12/2024
Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	25.400.627.000	3.099.792.000
Tổng cộng	**25.400.627.000**	**3.099.792.000**

23.14 Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

Đơn vị tính: VND

	31/12/2025	31/12/2024
Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	43.393.841.725	82.981.214.539
Tổng cộng	**43.393.841.725**	**82.981.214.539**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

24. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

24.1 Lãi/(lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Đơn vị	Giá bán bình quân VND/đơn vị	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lãi bán chứng khoán trong năm VND	Lãi bán chứng khoán năm trước VND
I	**LÃI BÁN**						
1	Cổ phiếu niêm yết	304.661.194	34.615	10.545.728.228.950	(9.939.274.911.400)	606.453.317.550	8.285.941.288
2	Cổ phiếu chưa niêm yết	76.969.913	116.071	1.954.682.932.758	(1.454.384.836.260)	500.298.096.498	-
3	Trái phiếu niêm yết	191.427.500	25.395	22.219.140.288.000	(22.216.845.405.066)	2.294.882.934	29.944.728.918
4	Trái phiếu chưa niêm yết	138.186.552	354.163	48.940.580.162.659	(48.162.433.794.254)	778.146.368.405	534.878.942.672
5	Công cụ thị trường tiền tệ	22.110.527	652.213	14.420.774.036.744	(14.397.043.340.973)	23.730.695.771	19.425.796.524
6	Chứng quyền	116.011.000	1.747	202.623.880.487	(161.285.069.794)	41.338.810.693	11.416.682.006
	Tổng cộng	**849.366.686**		**98.283.529.529.598**	**(96.331.267.357.747)**	**1.952.262.171.851**	**603.952.091.408**

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Số lượng bán Đơn vị	Giá bán bình quân VND/đơn vị	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch VND	Lỗ bán chứng khoán trong năm VND	Lỗ bán chứng khoán năm trước VND
II	**LỖ BÁN**						
1	Cổ phiếu niêm yết	161.274.700	34.801	5.612.580.255.000	(5.836.008.426.580)	(223.428.171.580)	(6.631.097.988)
2	Trái phiếu niêm yết	116.720.000	112.451	13.125.222.390.000	(13.132.379.025.409)	(7.156.635.409)	(8.781.769.104)
3	Trái phiếu chưa niêm yết	700.509	2.747.295	1.924.504.919.572	(1.934.086.991.294)	(9.582.071.722)	(287.292.976.403)
4	Công cụ thị trường tiền tệ	-	-	-	-	-	(2.396.130.876)
5	Chứng quyền	80.086.700	2.222	177.922.276.475	(209.408.039.800)	(31.485.763.325)	(5.925.757.606)
	Tổng cộng	**358.781.909**		**20.840.229.841.047**	**(21.111.882.483.083)**	**(271.652.642.036)**	**(311.027.731.977)**

24.2 Chênh lệch về đánh giá lại tài sản tài chính

STT	Danh mục các khoản đầu tư	Giá trị mua theo sổ sách kế toán	Giá trị hợp lý	Số dư chênh lệch đánh giá lại ngày 31 tháng 12 năm 2025	Số dư chênh lệch đánh giá lại ngày 31 tháng 12 năm 2024	Chênh lệch sổ kế toán trong kỳ
I	**Loại FVTPL**	**25.562.485.692.500**	**26.150.362.906.728**	**587.877.214.228**	**(2.992.605.340)**	**590.869.819.568**
1	Cổ phiếu niêm yết	4.869.840.267.091	5.461.815.840.000	591.975.572.909	(3.258.358.400)	595.233.931.309
2	Cổ phiếu niêm yết cho hoạt động phòng ngừa rủi ro của chứng quyền	300.268.102.729	296.135.061.200	(4.133.041.529)	-	(4.133.041.529)
3	Cổ phiếu chưa niêm yết	170.965.611.000	170.965.611.000	-	-	-
4	Trái phiếu niêm yết	11.413.275.959	11.447.958.807	34.682.848	265.753.060	(231.070.212)
5	Trái phiếu chưa niêm yết	12.934.998.435.721	12.934.998.435.721	-	-	-
6	Công cụ thị trường tiền tệ	7.275.000.000.000	7.275.000.000.000	-	-	-
II	**Loại AFS**	**1.989.108.294.715**	**2.329.715.406.420**	**340.607.111.705**	**(13.093.892.370)**	**353.701.004.075**
1	Trái phiếu niêm yết	996.608.294.715	993.715.406.420	(2.892.888.295)	(13.093.892.370)	10.201.004.075
2	Cổ phiếu niêm yết (*)	717.000.000.000	1.060.500.000.000	343.500.000.000	-	343.500.000.000
3	Cổ phiếu chưa niêm yết	275.500.000.000	275.500.000.000	-	-	-
	Tổng cộng	27.551.593.987.215	28.480.078.313.148	928.484.325.933	(16.086.497.710)	944.570.823.643

(*) Số dư chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 bao gồm phần chênh lệch đánh giá lại cổ phiếu hợp tác đầu tư của đối tác được trình bày tại Thuyết minh số 7.2

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

24. LÃI/(LỖ) TỪ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

24.3 Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL, AFS, HTM và các khoản cho vay và phải thu

Đơn vị tính: VND

	Năm 2025	Năm 2024
Từ tài sản tài chính FVTPL	1.235.443.098.347	567.896.645.665
Từ tài sản tài chính HTM	1.036.453.148	25.876.410.959
Từ các khoản cho vay và phải thu	1.908.960.290.550	917.412.158.304
Từ tài sản tài chính AFS	56.889.974.205	58.391.899.721
- *Cổ tức, trái tức phát sinh từ tài sản tài chính AFS*	*56.889.974.205*	*54.326.899.721*
- *Chênh lệch đánh giá lại theo giá trị hợp lý tài sản tài chính AFS phân loại lại*	-	*4.065.000.000*
Tổng cộng	**3.202.329.816.250**	**1.569.577.114.649**

25. CHI PHÍ DỰ PHÒNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH, XỬ LÝ TỔN THẤT CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI, LỖ SUY GIẢM TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ CHI PHÍ ĐI VAY CỦA CÁC KHOẢN CHO VAY

Đơn vị tính: VND

	Năm 2025	Năm 2024
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	77.852.895.239	32.322.906.044
Dự phòng phải thu tiền bán tài sản tài chính khó đòi	16.815.419.204	25.412.654.500
Tổng cộng	**94.668.314.443**	**57.735.560.544**

B09-CTCK
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THU NHẬP HOẠT ĐỘNG KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Năm 2025	Năm 2024
Doanh thu khác (bao gồm phí các dịch vụ Nhà đầu tư giao dịch chứng khoán)	12.789.671.096	2.771.868.415
Tổng cộng	**12.789.671.096**	**2.771.868.415**

27. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CUNG CẤP DỊCH VỤ

Đơn vị tính: VND

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán (chi phí giao dịch phải trả cho Sở GDCK Hồ Chí Minh và Sở GDCK Hà Nội, chi phí lương, chi phí theo lương, chi phí khác)	471.212.627.837	215.230.542.887
Chi phí hoạt động tư vấn tài chính (chi phí lương, chi phí theo lương, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí khác)	18.845.949.316	8.494.582.527
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	13.372.604.346	6.419.195.913
Chi phí các dịch vụ tài chính khác	12.952.071	-
Tổng cộng	**503.444.133.570**	**230.144.321.327**

Chi tiết chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ theo khoản mục chi phí

Đơn vị tính: VND

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí giao dịch môi giới chứng khoán	115.271.345.978	45.142.904.950
Chi phí lưu ký trả VSDC	12.857.376.109	6.261.219.314
Chi phí lương và các khoản khác theo lương	78.917.886.755	45.536.881.033
Chi phí hoa hồng môi giới và cộng tác viên	275.007.278.243	125.846.780.703
Chi phí Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp và Kinh phí Công đoàn	4.942.518.200	2.711.885.050
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.196.085.333	713.172.543
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.365.890.187	1.332.235.926
Chi phí dự phòng	12.000.000	-
Chi phí khác	9.873.752.765	2.599.241.808
Tổng cộng	**503.444.133.570**	**230.144.321.327**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

B09-CTCK
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TỰ DOANH

Đơn vị tính: VND

	Năm 2025	Năm 2024
Chi phí nhân viên	34.961.810.199	23.011.242.766
Chi phí công cụ, dụng cụ	62.958.626	62.192.997
Chi phí dịch vụ mua ngoài	740.833.361	228.256.327
Chi phí công tác	30.679.000	7.381.000
Chi phí khác	385.308.299	149.199.940
Tổng cộng	**36.181.589.485**	**23.458.273.030**

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Năm 2025	Năm 2024
Doanh thu lãi tiền gửi không cố định		
Doanh thu lãi tiền gửi không kỳ hạn	*47.777.859.887*	*7.206.739.176*
Tổng cộng	**47.777.859.887**	**7.206.739.176**

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Năm 2025	Năm 2024
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	40.738.500	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	*40.738.500*	-
Chi phí lãi vay ngắn hạn	1.488.300.193.094	361.180.425.572
Chi phí tài chính khác	1.694.479.390	870.977.104
Tổng cộng	**1.490.035.410.984**	**362.051.402.676**

31. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

Đơn vị tính: VND

	Năm 2025	Năm 2024
Lương và các khoản phúc lợi	257.744.437.729	167.181.988.759
Chi phí vật tư văn phòng	282.045.216	189.392.634
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.893.804.362	1.758.849.582
Chi phí khấu hao TSCĐ	9.816.476.373	8.237.247.032
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.985.709.029	16.461.469.802
Chi phí thuê văn phòng	26.354.779.595	9.056.632.538
Chi phí thuế, phí và lệ phí	11.318.210.211	2.446.925.686
Chi phí cải tạo sửa chữa văn phòng, trụ sở làm việc	5.873.565.121	4.216.894.407
Chi phí phần mềm, thuê kênh truyền, mua license	36.512.341.092	8.722.250.598
Chi phí khác	7.984.175.865	18.529.948.306
Tổng cộng	**396.765.544.593**	**236.801.599.344**

32. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Năm 2025	Năm 2024
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	429.232.589
Thu nhập khác	3.781.286.604	13.147.374
Tổng thu nhập khác	**3.781.286.604**	**442.379.963**
Chi phí khác	340.355.144	340.152.205
Tổng chi phí khác	**340.355.144**	**340.152.205**
Tổng cộng	**3.440.931.460**	**102.227.758**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

33.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm tài chính hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế theo Nghị định số 320/2025/NĐ-CP có hiệu lực ngày 15 tháng 12 năm 2025.

Bảng ước tính mức thuế TNDN hiện hành của Công ty được trình bày dưới đây: Đơn vị tính: VND

	Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận thuần trước thuế	**4.475.583.663.738**	**1.219.698.521.632**
Điều chỉnh lợi nhuận theo kế toán	**(598.058.490.869)**	**3.644.680.513**
Điều chỉnh tăng:	701.914.289.523	12.983.104.154
- Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	*608.190.055.865*	*12.574.593.381*
- Chênh lệch tăng đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	*49.019.463.527*	-
- Chi phí dự phòng các khoản cho vay	*44.052.804.260*	-
- Chi phí không được khấu trừ	*651.965.871*	*408.510.773*
Điều chỉnh giảm:	(1.299.972.780.392)	(9.338.423.641)
- Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế TNDN - Cổ tức	*(32.013.985.000)*	*(52.650.000)*
- Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	*(1.199.059.875.433)*	*(9.285.773.641)*
- Chênh lệch giảm đánh giá lại chứng quyền đang lưu hành	*(68.898.919.959)*	-
Thu nhập chịu thuế ước tính kỳ hiện hành	**3.877.525.172.869**	**1.223.343.202.145**
Thuế suất thuế TNDN	20,00%	20,00%
Thuế TNDN phải trả ước tính kỳ hiện hành	**775.505.034.574**	**244.668.640.429**
Điều chỉnh tăng thuế TNDN theo Quyết toán thuế năm trước	-	7.245.600
Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm	**775.505.034.574**	**244.675.886.029**
Thuế TNDN phải trả đầu năm	75.771.567.373	47.473.520.360
Thuế TNDN đã trả trong năm	(264.233.924.926)	(216.377.839.016)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	**587.042.677.021**	**75.771.567.373**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

33.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản/phải trả thuế TNCN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ/tính thuế của các khoản mục sau đây:

Đơn vị tính: VND

	Năm 2025	Năm 2024
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Số dư đầu năm	**651.671.680**	**-**
Điều chỉnh giảm tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(651.671.680)	-
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá giảm tài sản tài chính FVTPL	14.590.685.208	651.671.680
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do đánh giá tăng phải trả chứng quyền đang lưu hành	441.978.904	-
Tổng cộng	**15.032.664.112**	**651.671.680**
Thuế TNDN hoãn lại phải trả		
Số dư đầu năm	**53.150.612**	**59.242.880**
Điều chỉnh giảm thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(53.150.612)	(59.242.880)
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do phần đánh giá tăng tài sản tài chính FVTPL	132.166.128.053	53.150.612
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do chênh lệch trích dự phòng cho vay không đủ điều kiện theo TT48	8.810.560.852	-
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh do đánh giá giảm phải trả chứng quyền đang lưu hành	4.417.870.191	-
Tổng cộng	**145.394.559.096**	**53.150.612**

Công ty đã ghi nhận chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại vào báo cáo kết quả hoạt động cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Đơn vị tính: VND

	Năm 2025	Năm 2024
Điều chỉnh giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại kỳ trước	598.521.068	(59.242.880)
Chi phí/(Thu nhập) thuế TNDN hoãn lại phát sinh do chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL	126.386.003.697	(598.521.068)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh do chênh lệch đánh giá lại phải trả chứng quyền đang lưu hành	3.975.891.287	-
Chi phí/(Thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	**130.960.416.052**	**(657.763.948)**

33.4 LUỸ KẾ THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Số phát sinh	Thay đổi từ vốn chủ sở hữu và ghi nhận vào kết quả kinh doanh	Ngày 31 tháng 12 năm 2025
Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	(13.093.892.370)	220.357.419.302	18.843.584.773	226.107.111.705

B09-CTCK
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được tính bằng lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp còn lại sau khi tạm trích lập các quỹ không thuộc cổ đông theo tỷ lệ trích lập thực tế trong năm. Cho mục đích lập báo cáo tài chính các khoản thu nhập toàn diện khác chưa được cộng vào lợi nhuận sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu do chưa có hướng dẫn chi tiết.

Đơn vị tính: VND

	Năm 2025	Năm 2024
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	3.569.118.213.112	975.680.399.551
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	1.550.342.466	1.500.000.000
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	**2.302**	**650**

36. THÔNG TIN KHÁC

36.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan có giao dịch trọng yếu với Công ty và mối quan hệ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

Danh sách bên liên quan	Mối quan hệ
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Ngân hàng mẹ
Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát	Có ảnh hưởng đáng kể
Ngân hàng TNHH MTV Kỷ Nguyên Thịnh Vượng (GPBank)	Công ty con của Ngân hàng mẹ
Công ty Cổ phần Bảo hiểm OPES	Công ty con của Ngân hàng mẹ
Công ty Cổ phần Fintech AI	Phó Chủ tịch HĐQT VPBankS đồng thời là Chủ tịch HĐQT của CTCP Fintech AI

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

36. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

36.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (Tiếp theo)

Số dư và các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày như sau:

Đơn vị tính: VND

		Phát sinh trong năm				Doanh thu/ (chi phí)	Giá trị giao dịch trong năm
Công ty liên quan	Giao dịch	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	Góp vốn chủ sở hữu	14.993.060.000.000	-	-	14.993.060.000.000	-	-
	Tiền gửi không kỳ hạn	2.296.702.396.178	2.730.719.479.941.044	(2.726.696.732.222.384)	6.319.450.114.838	-	-
	Tiền gửi có kỳ hạn		3.420.000.000.000	(1.000.000.000.000)	2.420.000.000.000		
	Lãi tiền gửi không kỳ hạn	-	-	-		43.406.148.796	-
	Lãi tiền gửi có kỳ hạn					15.596.602.738	
	Phí dịch vụ ngân hàng	-	-	-		(1.302.378.582)	-
	Giao dịch chuyển nhượng cổ phần	-	-	-	-	-	267.525.000.000
Ngân hàng TNHH MTV Kỷ Nguyên Thịnh Vượng (GPBank)	Tiền gửi không kỳ hạn	-	11.184.234.353	11.101.122.000	83.112.353	-	-
	Lãi tiền gửi không kỳ hạn	-	-	-	-	4.472.003	-
	Phí dịch vụ ngân hàng	-	-	-	-	1.122.000	-
Công ty Cổ phần Bảo hiểm OPES	Góp vốn đầu tư	-	190.000.000.000	-	190.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Fintech AI	Phải trả mua hàng hóa dịch vụ	-	52.800.000	-	52.800.000	-	-
Thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Tổng Giám đốc và các cá nhân liên quan	Thù lao chi trả cho Thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát	-	-	-		(12.268.219.615)	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

36. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

36.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan (Tiếp theo

Thù lao của HĐQT và thu nhập của Tổng Giám đốc: Đơn vị tính: VND

	Chức danh	Năm 2025	Năm 2024
Thù lao của HĐQT		**360.000.000**	**662.727.273**
Bà Hồ Thúy Ngà *(Bổ nhiệm ngày 15 tháng 09 năm 2025)*	Chủ tịch	360.000.000	360.000.000
Ông Vũ Hữu Điền *(Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2025)*	Phó Chủ tịch	-	-
Ông Nguyễn Lương Tân *(Bổ nhiệm ngày 04 tháng 12 năm 2023)*	Thành viên	-	-
Ông Nguyễn Thành Trung *(Bổ nhiệm ngày 03 tháng 09 năm 2025)*	Thành viên	-	-
Ông Nguyễn Công Tuấn *(Miễn nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2024)*	Thành viên	-	302.727.273
Thù lao, lương và phụ cấp của Tổng Giám đốc		**10.321.319.615**	**5.064.434.766**
Ông Vũ Hữu Điền *(Bổ nhiệm ngày 4 tháng 11 năm 2024* *Miễn nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2025)*	Tổng Giám đốc	10.079.774.160	1.747.710.128
Ông Nhâm Hà Hải *(Bổ nhiệm ngày 15 tháng 12 năm 2025)*	Tổng Giám đốc	241.545.455	-
Ông Nguyễn Duy Linh *(Miễn nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2024)*	Tổng Giám đốc	-	3.316.724.638
Thù lao, lương và phụ cấp của Ban Kiểm soát		**1.586.900.000**	**724.687.034**
Ông Vũ Hồng Cao *(Bổ nhiệm ngày 14 tháng 02 năm 2022)*	Trưởng ban	444.000.000	201.047.619
Ông Nguyễn Hùng Cường *(Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2024)*	Thành viên	633.500.000	300.500.000
Ông Trần Vĩnh Khang *(Bổ nhiệm ngày 28 tháng 08 năm 2024)*	Thành viên	509.400.000	125.574.198
Bà Nguyễn Thị Bích Hợi *(Miễn nhiệm ngày 28 tháng 08 năm 2024)*	Thành viên	-	97.565.217

B09-CTCK
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36.2 Thông tin báo cáo bộ phận

Thông tin báo cáo các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh Đơn vị tính: VND

	Môi giới và dịch vụ khách hàng	Kinh doanh nguồn vốn và Tự doanh	Tư vấn phát hành và các bộ phận khác	Tổng cộng
Năm 2025				
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh chứng khoán	2.376.779.379.387	4.572.457.330.518	1.012.365.362.907	7.961.602.072.812
2. Các chi phí trực tiếp	(1.369.508.823.970)	(1.709.680.004.840)	(18.790.560.441)	(3.097.979.389.251)
3. Khấu hao và các chi phí phân bổ	(252.092.938.479)	(102.133.875.326)	(33.812.206.018)	(388.039.019.823)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thuế	**755.177.616.938**	**2.760.643.450.352**	**959.762.596.448**	**4.475.583.663.738**
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2025				
1. Tài sản phân bổ	35.042.607.112.909	37.457.232.054.154	423.894.018.943	72.923.733.186.006
2. Tài sản không phân bổ				93.344.280.066
Tổng tài sản	**35.042.607.112.909**	**37.457.232.054.154**	**423.894.018.943**	**73.017.077.466.072**
1. Nợ phải trả bộ phận	20.498.240.043.967	17.852.470.972.764	6.692.208.925	38.357.403.225.656
2. Nợ không phân bổ				828.632.045.794
Tổng công nợ	**20.498.240.043.967**	**17.852.470.972.764**	**6.692.208.925**	**39.186.035.271.450**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

36. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

36.3 Cam kết theo hợp đồng giao dịch ký quỹ

Công ty đã ký kết hợp đồng giao dịch ký quỹ với các Nhà đầu tư, trong đó Công ty sẽ cung cấp tiền cho Nhà đầu tư để mua chứng khoán.

36.4 Cam kết thuê hoạt động

Công ty đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và ngày 31 tháng 12 năm 2024, các khoản tiền thuê dự kiến phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2025	31/12/2024
Đến 1 năm	-	-
Trên 1 – 5 năm	10.190.473.920	-
Trên 5 năm	504.647.431.073	-
Tổng cộng	**514.837.904.993**	**-**

36.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro làm thay đổi các giá trị tài sản đang sở hữu theo chiều hướng bất lợi. Để quản trị và giảm thiểu rủi ro thị trường, VPBankS đã xây dựng hệ thống quản trị rủi ro theo từng loại tài sản và sản phẩm tài chính, áp dụng các mô hình định lượng nhằm đo lường và kiểm soát mức độ rủi ro. Đồng thời, công ty thực hiện đa dạng hóa danh mục, đa dạng khoản vay, kỳ hạn vay, đối tác cho vay, tránh tập trung quá mức vào một loại tài sản hay một phân khúc thị trường, phân bổ hợp lý vào các tài sản có hệ số tương quan thấp. Bên cạnh đó, VPBankS triển khai hệ thống giám sát rủi ro chuyên biệt để kịp thời phát hiện các dấu hiệu vượt ngưỡng an toàn, từ đó đưa ra cảnh báo và biện pháp điều chỉnh phù hợp nhằm bảo đảm hoạt động kinh doanh ổn định và bền vững.

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Công ty (FVTPL và AFS) là 6.464.950.901.200 VND. Sự tăng (hoặc giảm) 10% của chỉ số chứng khoán có thể làm tăng (hoặc giảm) một tỷ lệ tương ứng trên doanh thu từ hoạt động đầu tư của Công ty, tùy thuộc vào mức độ trọng yếu và kéo dài của sự suy giảm, và tùy thuộc vào trạng thái nắm giữ của danh mục đối với những cổ phiếu có ảnh hưởng đáng kể tới chỉ số của thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản cho vay khách hàng và phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Chất lượng tín dụng của khách hàng được đánh giá dựa trên đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản cho vay, phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng thường xuyên. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và vận hành một bộ phận kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

36.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng có tín nhiệm cao ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong báo cáo tình hình tài chính tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng

Trong hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, rủi ro tín dụng có thể xảy ra khi thị trường biến động giảm mạnh khiến giá trị tài sản bảo đảm suy giảm và khách hàng không bổ sung được thêm ký quỹ. Trong trường hợp việc bán giải chấp tài sản diễn ra chậm hơn dự kiến, công ty có thể phát sinh thua lỗ. Tuy nhiên, rủi ro này được đánh giá là không trọng yếu bởi với từng cổ phiếu, Công ty đã xây dựng phương pháp để xác định hạn mức dư nợ cho vay, hạn mức khối lượng cho vay, tỷ lệ cho vay, giá chặn; với từng tài khoản, công ty duy trì chính sách kiểm soát hạn mức dư nợ, tỷ lệ ký quỹ ban đầu, duy trì, xử lý nghiêm ngặt.

Ngoài ra, Công ty còn xây dựng các bộ hạn mức khác để tăng cường chốt kiểm soát trong hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ, xây dựng các kịch bản dự phòng để chuẩn bị các biện pháp ứng xử kịp thời khi thị trường biến động mạnh. Công ty xây dựng hệ thống giám sát tự động theo thời gian thực giúp cảnh báo khi tỷ lệ ký quỹ tiệm cận ngưỡng an toàn, đưa ra yêu cầu bổ sung tài sản bảo đảm hoặc thực hiện bán giải chấp tự động theo quy định

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến quy trình cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng. Công ty chỉ thực hiện cho vay ký quỹ với các chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ theo Quy chế cho vay ký quỹ và được chấm điểm chọn lọc theo nguyên tắc đánh giá chất lượng cổ phiếu của Công ty. Hạn mức tín dụng được kiểm soát trên cơ sở giá trị tài sản bảo đảm, tín nhiệm giao dịch của khách hàng, và các chỉ tiêu về hạn mức kiểm soát.

Một số các khoản cho vay dưới đây được coi là quá hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (không bao gồm các hợp đồng đã được gia hạn và thanh lý trước ngày ký báo cáo này). Ngoại trừ các tài sản tài chính mà Công ty đã lập dự phòng như trong *Thuyết minh số 8*, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đánh giá rằng các tài sản tài chính còn lại đều không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều có thanh khoản tốt.

B09-CTCK
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

	Không quá hạn và không bị suy giảm	Quá hạn nhưng không bị suy giảm	Quá hạn và bị suy giảm giá trị	Tổng cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.081.765.474.527	-	-	8.081.765.474.527
Các khoản cho vay	33.934.214.392.318	-	159.004.863.659	34.093.219.255.977
Các khoản phải thu, trong đó:	2.061.337.570.712	31.955.410.044	86.756.762.579	2.180.049.743.335
- Phải thu bán các tài sản tài chính	*369.217.557.000*	-	*84.077.096.018*	*453.294.653.018*
- Dự thu cổ tức, tiền lãi	*1.266.272.725.653*	-	*2.609.666.561*	*1.268.882.392.214*
- Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	*424.039.945.802*	*31.955.410.044*	*70.000.000*	*456.065.355.846*
Tổng cộng	**44.077.317.437.557**	**31.955.410.044**	**245.761.626.238**	**44.355.034.473.839**

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro xảy ra khi công ty chứng khoán không thể thanh toán các nghĩa vụ tài chính đến hạn hoặc không thể chuyển đổi các công cụ tài chính thành tiền mặt với giá trị hợp lý trong ngắn hạn do thiếu hụt thanh khoản trong thị trường. Rủi ro thanh khoản phát sinh khi Công ty có thể không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi những công nợ này đến hạn, chủ yếu do các tài sản và nợ phải trả có các thời điểm đáo hạn lệch nhau. Thời gian đáo hạn của các tài sản và công nợ thể hiện thời gian còn lại của tài sản và công nợ tính từ ngày lập báo cáo tài chính đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành. Đối với các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ, thời gian đáo hạn được xác định dựa trên tính thanh khoản (khả năng mua đi bán lại trong thời gian ngắn) của tài sản trên thị trường.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt, các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Nguyên nhân của rủi ro thanh khoản có thể đến từ nhiều yếu tố như: Nhu cầu rút vốn đột ngột của khách hàng, áp lực thanh toán các nghĩa vụ ký quỹ, hoặc gián đoạn trong hệ thống thanh toán với các đối tác và tổ chức lưu ký. Nếu không được kiểm soát hiệu quả, rủi ro này có thể dẫn đến tình trạng thiếu hụt thanh khoản tạm thời, ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín và khả năng duy trì hoạt động ổn định của công ty.

Để kiểm soát rủi ro thanh khoản hiệu quả, Công ty duy trì cơ chế quản lý dòng tiền chặt chẽ, thiết lập hạn mức thanh khoản an toàn theo ngày, tuần và tháng, đồng thời dự phòng một tỷ lệ tiền mặt và tài sản có tính thanh khoản cao nhằm đảm bảo khả năng chi trả trong mọi tình huống. Ngoài việc có các hạn mức để kiểm soát rủi ro thanh khoản, công ty thường xuyên rà soát và đánh giá lại thanh khoản của các tài sản danh mục đầu tư, xây dựng kế hoạch dòng tiền chi tiết và theo dõi sát sao các khoản phải thu, phải trả, cũng như các nghĩa vụ tài chính đến hạn để điều phối nguồn vốn một cách hợp lý. Công ty thực hiện đa dạng hóa nguồn vốn huy động, thời hạn vốn huy động để tăng sự ổn định nguồn vốn vay, hỗ trợ thanh khoản hàng ngày.

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

36. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)

36.5 Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các tài sản và các khoản nợ phải trả của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Đơn vị tính: VND

	Quá hạn	Không kỳ hạn	Đến 01 năm	Từ 01 – 05 năm	Trên 05 năm	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2025						
TÀI SẢN						
Tiền và các khoản tương đương tiền	**-**	**8.081.765.474.527**	**-**		**-**	**8.081.765.474.527**
Tài sản tài chính	**159.004.863.659**	**28.480.078.313.148**	**33.968.314.392.318**	**2.750.000.000**	**-**	**62.610.147.569.125**
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ		26.150.362.906.728	-		-	26.150.362.906.728
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	2.329.715.406.420	-	-	-	2.329.715.406.420
Giữ đến ngày đáo hạn	-	-	34.100.000.000		-	34.100.000.000
Các khoản cho vay	159.004.863.659	-	33.934.214.392.318	-	-	34.093.219.255.977
Đầu tư dài hạn	-	-	-	2.750.000.000	-	2.750.000.000
Tài sản khác	**118.712.172.623**	**23.883.903.060**	**2.079.596.282.705**	**52.163.469.684**	**9.405.423.522**	**2.283.761.251.594**
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	-	-	14.166.000.000	849.206.160	9.405.423.522	24.420.629.682
Phải thu khác	118.712.172.623	-	2.061.337.570.712	-	-	2.180.049.743.335
Tài sản khác	-	23.883.903.060	3.895.945.750	-	-	27.779.848.810
Tài sản cố định (bao gồm chi phí xây dựng cơ bản dở dang)	-	-	196.766.243	51.314.263.524	-	51.511.029.767
Tổng cộng	**277.717.036.282**	**36.585.727.690.735**	**36.047.910.675.023**	**54.913.469.684**	**9.405.423.522**	**72.975.674.295.246**
NỢ PHẢI TRẢ						
Vay và nợ ngắn hạn	-	-	37.342.073.973.613	-	-	37.342.073.973.613
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	-	-	77.651.068.820	-	-	77.651.068.820
Chi phí phải trả	-	-	64.629.071.658	-	-	64.629.071.658
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	-	631.737.874.302	-	-	631.737.874.302
Phải trả, phải nộp khác	-	-	922.619.481.723	-	-	922.619.481.723
Tổng cộng	**-**	**-**	**39.038.711.470.116**	**-**	**-**	**39.038.711.470.116**
Mức chênh lệch thanh khoản ròng	**277.717.036.282**	**36.585.727.690.735**	**(2.990.800.795.093)**	**54.913.469.684**	**9.405.423.522**	**33.936.962.825.130**

CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG NĂM

Vào ngày 11 tháng 12 năm 2025, cổ phiếu của Công ty chính thức niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Bà Hà Thị Minh Ngọc	**Bà Nguyễn Thị Thu Giang**	**Bà Đinh Thị Thu Hiền**	**Ông Nhâm Hà Hải**
Người lập	Kế toán Trưởng	Giám đốc Tài chính	Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 12 tháng 03 năm 2026

Tên: Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank
Địa chỉ: Tầng 21 và Tầng 25, Tòa nhà VPBank 89 Láng Hạ, phường Đống Đa, Hà Nội
Hotline: (84) 1900 636 679
Website: www.vpbanks.com.vn